

TÁC PHẨM CHỌN LỌC



DÀNH CHO THIẾU NHI

NGUYỄN HỒNG

MỘT TUỔI THƠ VẮN



33



TÁC PHẨM CHỌN LỌC
DÀNH CHO THIẾU NHI

Một tuổi thơ văn



Nhà văn cộng sản Pháp P.A-bra-
ham (1892 - 1974), chủ nhiệm
tạp chí CHÂU ÂU đến Hà Nội, tiếp
Nguyễn Hồng ở khách sạn Thống
Nhất. P.A-bra-ham đã viết trong
ký sự thăm Việt Nam về buổi gặp
gỡ đó trên tạp chí CHÂU ÂU : Như
từ bờ bãi sông Hồng gió cuốn
đến đây. Nhà văn lớn này là
người của đất, thật là người của
đất.

Nhớ Nguyễn Hồng
TÔ HOÀI

Bìa và minh họa : HÀ TRÍ HIẾU

NGUYỄN HỒNG

*Một tuổi
thơ ấu*

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG
HÀ NỘI - 1997

Chương 1

NHỮNG TIỂU THUYẾT, NHỮNG
NHÂN VẬT VÀ NHỮNG NGƯỜI BẠN
GHI NHỚ TRONG TUỔI THƠ

NHỮNG TRƯA HÈ OI NÔNG NHẤT, NHỮNG ĐÊM đông giá lạnh nhất và những lúc trong nhà im vắng nhất, tôi thường phải đọc truyện cho bà nội tôi và cha tôi nghe.

Truyện nhà mua hay mượn được của người quen có ít thôi. Phần chính là truyện đi thuê, hiệu cho thuê này ở phố Khách, một trong những phố đông vui, giàu có và nhiều cái lạ nhất của thành phố Nam Định, quê hương tôi. Tôi bắt đầu tập hồi ký này giữa buổi sáng cuối tháng giêng, trời lạnh ngắt, gió ù ù, hơn chín giờ rồi mà đồng ruộng, núi đồi chung quanh nơi tôi ở vẫn mù sương. Từ khoảng không gian ấy lại nổi lên cái phố Khách xa xưa kia. Những cửa hàng treo biển rồng, phượng, cá hóa long, rùa, cô tiên, ông phật, trăng sao. Chen

vào đám vật linh và thần tiên này, còn có những ngựa hồng, gà trống, sư tử, báo đen, quả đào, cành lê, trăng sao, đèn lồng, hoa tai, vòng khánh, giày tây, mũ cốt, tông-đơ, bình tích, điều bát, v.v... Tên hiệu viết các kiểu chữ nho, chữ tây, với các thứ bằng cấp, mề đay sơn vẽ toàn màu chói, màu rực.

Mỗi khi ra khỏi nhà, đến đầu phố đấy, tôi không đi bằng chân nữa. Tôi bay. Tôi bay không bằng cánh. Tôi cưỡi những rồng phượng và cả sư tử, gà trống, bình tích, điều bát, giày tây, tông đơ mà bay, có những đám mây ngũ sắc vờn quẩn, nâng phủ chung quanh. Biết bao thế giới và cảnh sống kỳ ảo mở những lớp cửa lâu đài, sông biển, hang động thần tiên đón tôi vào và đưa tôi đi xa nữa.

Phải ! Tôi đã đi qua những cửa hàng chè tàu, thuốc bắc, vải lụa, đồ thủy tinh, đồ thờ, giấy mũ, đồng hồ, thợ may, tạp hóa và bánh kẹo cao lâu ấy, không phải chỉ để ngắm nhìn mà còn để khát khao, mơ ước và tưởng tượng từ nhà đến hiệu thuê truyện rồi trở về. Làm tôi náo nức thêm thường nhất là mấy cửa hàng pháo tếp bán những ngày gần Tết tới sang giêng.

Cửa hàng bày ngoài bờ hè, vền vền có một bụi gỗ ba bậc to và rộng không quá ba bậc thang gác nhỏ. Bên trong đóng một cái khung chỉ nhỉnh hơn khuôn thước kẻ học trò. Hàng nào sang thì trái giấy hồng điều, giấy trang kim, hay vải hoa trên mặt bụi. Mỗi bụi bày một cách, có những hộp giấy nhỏ đựng pháo siết, pháo đập, pháo ném, pháo chạy

chuột, pháo quay, pháo dây, pháo nem, pháo hộp, pháo bánh, pháo rời. Cố nhiên là không thể có pháo lệnh, pháo cối, pháo ống đùng v.v... Cố nhiên từ pháo bánh đến pháo rời đều bé xíu như từ Li-li-pút⁽¹⁾ làm ra. Xinh nhất vẫn là những tràng pháo tép treo từng chùm với hoa giấy trên khung gỗ.

À ! Không thể nào lại thiếu được những lọ thủy tinh và những liễn sứ đựng các thứ ô mai bên cạnh những hộp pháo. Cố nhiên cũng bé cũng xinh như thế. Chao ôi ! Đã nào những ô mai cam thảo, ô mai chua, ô mai dầm, lại còn khế dầm, sấu dầm, trám dầm. Đã nào trám, nào sấu, nào khế phơi khô dầm, lại còn khế tươi thái mỏng như hoa lan và cũng vàng héo như hoa lan, trộn bông bông trong những bát sứ. Mùi đường, mùi gừng, làm vị chua cay mặn ngọt cứ nhức nhói cả góc miệng và đỉnh não. Lại còn những cô bán hàng, trông cứ như những quả táo, quả đào Vân Nam, hay những thỏ bông, chuột bông đánh vòng ở những Hàng Đường, Hàng Giấy, Hàng Thiếc ngày tết Trung Thu...

... Cũng gác cao, lòng nhà cũng sâu, cũng rộng và cũng đủ tủ kính, quây, bàn, nhưng hiệu cho thuê truyện nọ vẫn cứ tồi tàn, trống trênh và lác lõng thế nào ấy giữa cái phố Khách buôn to bán lớn.

Hình như không bao giờ tôi gặp một người đàn ông trong nhà. Ở cửa hàng, nếu chẳng có mấy người không hiểu là cô,

(1) Trong truyện *Guy-i-vơ du ký* của Xuýp.

là dì, là chị gì đó thì có một cụ bà và một bà người gầy yếu xanh xao lúc nào cũng mặc áo dài the thâm, mặt mày đăm chiêu như người lớn ! Tất cả những đồ đạc, từ tủ hàng đến bàn ghế bên trong nhà, đều sơn quang dầu, cũ kỹ. Còn sách cho thuê, không quyển nào trang ruột không vá, không can chằng chịt bằng giấy bóng, vàng xỉn, dày như mo nang. Bìa lại cộm cộp còn hơn cả mo nang, khâu chỉ gai rất kỹ, tuy thế vẫn bị gãy gập, nhăn nhúm, bóng lên và hôi xì. Sống trong những bìa và trang chữ này là tất cả Ngọc Hoàng Thượng đế, Phật tổ Như Lai, Thái thượng lão quân, Nguyên thủy thiên tôn, Thông tiên giáo chủ, Lão tử, Kiệt vương, Trụ vương, Đát kỳ, Dương Tiễn, Na Tra, Đường Tam Tạng, Tôn Ngộ Không, Chư Bát Giới. Là những U vương, Tề Hoàn Công, Quản Trọng, Ngũ Tử Tư, Tây Thi, Câu Tiễn, Yêu Ly, Khánh Kỵ... Là những Tần Thủy Hoàng, Hạng Võ, Trương Lương, Phàn Khoái, Lưu Bang, Đồng Trác, Tào Tháo, Lã Bố, Điều Thuyền, Quan Công, Trương Phi, Triệu Tử Long, Gia Cát Lượng. Là những Đơn Hùng Tín, Trình Giảo Kim, Uất Trì Cung, Phàn Lê Hoa, Tiết Đình Sơn. Là những Tống Giang, Lâm Xung, Võ Tòng, Lỗ Trí Thâm, Bao Công, Quách Hòe, Bàng Quý Phi, Ô Hắc Lợi... Lại còn thêm những Xích Thố, Hồ lô báo, Thanh Long yểm nguyệt đao, bát sà mâu, roi sắt khắc đề : "Thượng đả hôn quân, hạ đả gian thần"⁽¹⁾... Là những Thiên môn, địa ngục, Thủy tinh cung, A

(1) Trên đánh vua xấu, dưới đánh quan gian.

phòng, Cô Tô, Ngũ Hành Sơn, Lương Sơn Bạc... Và những hồ ly, linh đan, tiên dược, bồ đào mỹ tửu, tháp ngọc, đài sen...

Thuê sách phải cước mỗi quyển một đồng, mỗi ngày trả một xu hay ba xu, tùy theo truyện và thời giá. Ngày ấy, gạo quê và là gạo tám xoan giá một đồng một gánh đầy đấu ; còn gạo Sài Gòn thì một đồng tám, có lúc một đồng sáu một tạ. Nhiều hôm tôi phải đọc, hay nói cho đúng, tôi đã ngón không những một quyển mà là hai quyển, nhất là đọc cho bà tôi nghe khi thấy bà đã lim dim mắt và thiu thiu ngủ. Về sau tôi phải rủ mấy bạn nghiện nặng truyện góp tiền như kiểu vào hội, để thuê truyện. Đọc chung thì bố đều tiền ; đọc trước phải trả thêm một trình⁽²⁾ ; đọc sau nhưng được giữ sách hai lần cũng phải trả thêm một trình.

Năm tôi lên bảy lên tám, tôi không được đi về trên con đường kỳ ảo kia nữa. Nghe nói hiệu T.P bán nhà, vỡ nợ. Hiệu T.S mua lại chỗ sách nợ. Chủ nhân là một ông lão đông con, vợ ở nhà bán giấy bút và chuyên làm ô mai, chuối khô. Hiệu T.S nổi tiếng với đám học trò chúng tôi, không phải vì cho thuê truyện, mà vì ô mai và chuối sấy. Chuối sấy đựng vào thùng kính mắc quai da, có hai thằng bé đeo đi, vừa khiêng trống, vác biển, vừa đánh trống, rao hàng và bán. Không biết trong bọn trẻ đi hàng đó, có đứa nào cũng mồ côi và được ăn học biết đọc biết viết rồi mê truyện như tôi không. Tôi đã

(2) Một trình bằng nửa xu.

nhiều lần có ý định nói với hiệu T.S cho tôi cũng khiêng trống, vác biển đeo thùng đi bán chuối. Tôi không lấy tiền hoa hồng, tiền công, mà chỉ xin được nuôi ăp một bữa cơm thôi và đọc truyện cả ngày...

Rồi ông giáo T.S gây còm đông con và bà chủ cho thuê truyện, bán ô mai, chuối khô kia cũng dọn đi tỉnh khác. Ông lên Hà Nội lập một hội đá bóng lấy tên là Lạc Long. Đội Lạc Long ra quân hình như cứ thua liểng xiểng. Nhưng một năm sau vượt hẳn lên, gần như vô địch Hà Nội, đã về đấu chung kết với đội Hồng Bàng của tỉnh Nam Định tôi. Tiếc thay, tôi lại không được đi xem ! Mấy tủ sách đó bán lại cho một hàng thuê. Tôi đã lớn lớn, vừa phần không còn thể nào có được một đồng bạc ký cược và hàng ngày dù chỉ trả một xu thuê, nên tôi không còn nhòm ngó tơ tưởng đến những quyển truyện mà mỗi khi chợt nhớ lại hay khi nghe ai nhắc tới, thì trong tâm trí cứ băng khuâng, cồn cào vô cùng.

Chao ôi ! Một xu ! Một xu mà mua được những một cái bánh tây đã ủ trong thùng có hộp than nóng bóng và dậy mấy lần bao tải, nhai cứ giòn tan, lại còn được giội thêm thìa nước mắm pha dấm mức từ cái liễn ngâm ngập những miếng giò, miếng chả trâu thái mỏng. Hay một cái bánh bằng bột gạo trộn với khoai lang nạo, có hai nửa tôm khô áp lên rán, vớt ở chảo còn reo xèo xèo cất ra làm sáu miếng, tha hồ ăn với rau muống chẻ và rau thơm : bánh tôm ! Phái ! Bánh tôm. Mời nhau ăn phải là những bạn kết nghĩa đồng sinh đồng

tử, hoạn nạn gian nguy không bỏ nhau. Khi mời, chủ bánh phải bấu hai ngón tay giữ chặt lấy bánh làm cữ, đút vào miệng cho người anh em, và chòn chợn chỉ sợ cái hàm răng thiếu kỷ cương tiết chế nọ cắn vội, cắn cố, cắn quá, hấp nghiền đi mất cái đề... cầm bút !

Về chuyện người chủ hiệu sách cuối cùng nọ, tôi nghe phong thanh rằng trong nhà có người làm cộng sản, hiệu không được mở nữa, bị mật thám bắt rồi tòa án xử tù nặng lắm. Anh là con lớn ông cụ chủ nhà, người gầy yếu, đôi mắt rất sáng, cách ăn nói và vẻ người như kiểu một thầy giáo trẻ có đầu óc và tư cách thời bấy giờ. Cũng từ đó, tôi không còn biết những pho truyện, những quyển sách mà tôi gần như thuộc lòng kia bán lại cho ai, và cũng không được trông thấy, được cầm đến những trang chữ vàng xin, chi chít, can vá giấy bóng, bìa dày cộp, hôi xì. Những quyển truyện, quyển sách sao mà mê say, mà quyển rữ, có những thế giới, những xã hội, những sự việc, những tên người kỳ ảo vô cùng, làm tôi cũng như bao nhiêu kẻ phải ghi nhớ đến tận lúc mê sảng, sắp nhập quán !...

Không phải chỉ trong khi đọc truyện, mà bao năm sau, tôi vẫn còn nhập vào các nhân vật của nó.

Tôi đã xem Tôn Ngộ Không rút ra từ hòn đá và lớn lên ở Hoa Quả Sơn, kéo cờ hiệu Mỹ hầu vương đưa quân lên đánh cả trời. Bị bắt giam trong lò bát quái hàng mấy trăm năm, khi thả ra, xương thịt được nung luyện thành đồng sắt, vác cây thiết bổng nặng ngàn cân có thể hóa nhỏ như cái tăm cài

trong tóc, Tôn Ngộ Không đã đánh hàng trăm trận diệt các thú yêu ma, qua hàng vạn vạn dặm đường sông sâu, núi hiểm, biển lạ gian nguy, phò thầy Đường Tăng đi lấy kinh Phật thành công. Tôi đã theo Na Tra, con trai thứ ba của Lý Tĩnh, ra biển tắm, cời khố ra giặt, cời vòng tay ra kỳ cọ, vùng vẫy bơi lặn làm rung rinh cả dưới Thủy tinh cung. Long vương kinh hoàng, phải cho các thủy thần, thủy quái lên bờ xem cơ sự và bắt kẻ làm náo động xuống để trị tội. Tôi xem Na Tra đánh lại các thần quái đó tan tác mảnh giáp không còn, rồi về nhà bị cha sợ quá lôi ra đánh mắng. Na Tra đã tự róc thịt xương mình trả lại cho cha, rồi được Phật tổ Như Lai lấy cọng hoa sen làm xương, cánh hoa làm thịt, hà hương sen vào thành linh hồn, cho tái sinh trên cõi trần, chân đạp đôi bánh xe làm bằng lửa và gió, gọi là Phong hỏa luân, tung hoành với vũ khí là đôi vòng tay gọi là Càn khôn quyền. Nhưng Na Tra vẫn mình trần và tóc rủ hai trái đào mà đi chiến trận...

Tôi làm bạn với Dương Tiễn có một con mắt ở giữa trán, hễ trông thấy yêu quái thì xanh biếc lên, và dắt một con chó hễ đánh hơi thấy yêu quái, dù nó giả làm người, thì sủa ngay và xông tới liền, cùng chủ đánh đuổi...

Tôi đã theo Tỳ Can vào cái triều đình bạo ngược của Trụ vương, đến những rừng có các cây cối buộc các thú thịt muông thú kỳ lạ, gọi là Nhục Lâm, và những bể chứa các rượu ngon xây thành hồ, thành ao, gọi là Tứ Trì. Nơi đây Trụ vương yến tiệc với Đát Kỷ, đã giết vợ cả, giết con trai bé và mổ cả bụng

ông chú đức độ trung trực của mình là Tỷ Can để xem quả tim có bảy mạch đập (thất khiếu) !

Nhà Thương với Trụ vương bị mất. Nhưng rồi cơ nghiệp nhà Chu cũng đổ vì con cháu hoang dâm, xa hoa, bất nghĩa, đã đốt lửa Linh Sơn báo động cho các chư hầu kéo quân cứu viện đến để làm trò đùa cho gái đẹp cười. Trong đám cùng dân phải đổi con cho nhau để ăn thịt mà vẫn diễn ra những cảnh giàu sang, sung sướng, vô cùng trái ngược của thời đại này, tôi đã xem hai bạn Bão Thúc Nha và Quán Trọng sống với nhau. Bão Thúc Nha đi buôn chia lãi với Quán Trọng bao giờ cũng cố ý lấy phần mình kém để Quán Trọng đông con và còn mẹ già lấy phần hơn. Đến khi làm nên, Bão Thúc Nha cũng lại tiến cử và nhường chức tể tướng cho Quán Trọng, một người mà Bão Thúc Nha biết rõ tài năng, xứng đáng gánh vác việc lớn thiên hạ hơn mình.

Và tôi đã băng khuông trước những cỏ hoa chung thủy, những muông thú biết đáp đền ân nghĩa, những ma quái, gian tà bị trừng phạt, những hồn linh oan khổ, trung hậu sống lại về cõi trần tươi đẹp vẻ vang...

Sau thời Chiến quốc, tôi càng được sống gần gũi với người hơn : những Hạng Vũ, Trương Lương, những Gia Cát Lượng, Triệu Tử Long, Hoàng Trung, Trương Phi, Diên Vy, Hạ Hầu Đôn, những Ngưu Cơ, Siêu Mẫu, Từ Mẫu...

Hạng Vũ được tả và diễn trên sân khấu : râu hùm, hàm én, vai năm tấc rộng, thân mười thước cao như Từ Hải của Nguyễn Du. Nhưng Hạng Vũ không chịu hàng. Hạng Vũ cỡi con ngựa Truy, cấp ngọn giáo đánh đến cùng, rồi tự tay mình cắt đầu mình chết trên bờ Ô Giang, cho người mang đến mã linh thưởng của Lưu Bang, sau hàng trăm trận tung hoành với một sức "Lực bạt sơn hê khí cái thế⁽¹⁾", và với một tinh thần ngang tàng, võ đoán và kiêu hãnh vô cùng, may mắn không chịu làm điều gì mà thiên hạ và mình cho là khuất tất hèn hạ. Chết bên cạnh Hạng Vũ, có Ngu Cơ, Người đẹp và tiết tháo ấy sau khi chết đã hóa thành cỏ phơ phất ngàn đời trong gió lạnh, sông xa, bãi vắng, để nhớ tiếc một sự nghiệp và một mối tình...

Cùng lúc tiếng gió thổi trong ngàn Ngu và sương cát Ô Giang kia, tôi đã nghe thấy cả giọng sáo của Trương Lương làm nát lòng quân Sở bằng khúc Sở.

Tôi đã náo nức, cảm kích khi nghe Gia Cát Lượng từ lầu cỏ đi với Lưu Bị, bày đánh bao nhiêu trận kỳ thú và kỳ diệu, từ Kinh Châu vào đất Thục, rồi nhắm mắt ở đây với tờ biểu trước Chúa thượng, trước sứ mệnh và trước công luận về lòng trung nghĩa của mình, và đời vợ con gia đình mình chỉ sống với mấy mẫu vườn trồng dâu, mấy khung cửi và mấy trăm đầu thóc tự cày cấy được.

(1) Sức bạt núi, khí chuyển trời đất.

Tiếng hét của Trương Phi và bộ râu xoăn rậm, cặp mắt tròn xoe của Trương Phi, cũng không bao giờ tôi quên được. Cũng như không bao giờ tôi nhạt nhẹ lòng mến yêu, và yêu nhất là trước Cổ thành, Trương Phi hét lên, vò râu, tròn mắt, phi ngựa, xốc chĩa bát xà mâu để đón... Quan Vân Trường, ông anh kết nghĩa của mình vừa hàng Tào về ! Bất chấp cả thanh đao của Quan Công vừa qua năm cửa ải "lấy" ngọt đầu sáu tướng đối địch chỉ trong chớp mắt, và có trận chém xong một tướng khá nổi danh trở về, chén rượu hâm nóng rót ra chờ đợi uống hãy còn ngút khói. Tôi yêu và càng nhớ thêm Trương Phi trước Đương Dương Trường Bản chỉ cất lên mấy tiếng hét mà trăm vạn quân Tào đang đuổi diệt quân Hán sững cả lại, không dám tiến nữa, và có tướng giết mình ngã ngựa, đứt cả ruột gan...

Triệu Tử Long cũng đưa tôi đánh trận Đương Dương cùng ngọn thương như có một thác ánh sáng tung bay, hay ví như kiểu ví thời đó, thì mưa giội xuống người ngựa Triệu Tử Long cũng không làm ướt được. Viên tướng trẻ mà Khổng Minh tám tấc khen "toàn thân là đờm" ấy, xông pha trận mạc tới ngoài bảy mươi vẫn không chịu rời ngọn thương, cũng như không chịu thua trận nào. Trước ngày từ giã mãi mãi ba quân, còn đánh thêm trận nữa, một mình một ngựa trấn giữ phía sau yểm hộ cho ba quân rút. Bên cạnh Triệu tử Long lại có Hoàng Trung, cũng hơn bảy mươi tuổi, vẫn giữ cây cung bắn trăm phát trăm trúng, rồi chết già chứ không để nhạt danh hổ tướng.

Tôi cũng ăn bát cơm Siêu Mẫu. Bát cơm nguội này bà mẹ họ Siêu đã giấu cho Hàn Tín lúc hàn vi đi câu cá không kiếm nổi được bữa, đói là đi, mà còn phải chui qua dãi người quét chợ, hăn đòi tiền thuế không được, bắt giữ lấy cần câu. Hàn Tín sau làm tướng, tạ ơn bà mẹ nghèo mà hào hiệp kia ngàn lạng vàng. Không ! Tôi thấy mỗi hột cơm khi đói cân đổi bằng một lạng vàng cũng chưa xứng !... Tôi còn nghe thấy cả tiếng quát mắng của Từ Mẫu già lão gầy yếu, và trông thấy cả cánh tay áo rộng của bà run run giơ lên ném cái nghiên mực vào mặt Tào Tháo. Rồi giận dứa con sao lại vì bà mà bị lừa bị bắt, chịu bỏ một nơi mà mình cho là chân chính phải phò tá, cái mái đầu sương tuyết của Từ Mẫu đã đập vào tường, phải, bức tường hiện ra ở ngay trước mặt tôi, rùng rùng những giọt máu và những giọt mực kỳ Hậu Hán tới nay vẫn còn nguyên sắc⁽¹⁾.

Tôi đã đọc những pho truyện đời Hán, đời Đường, đời Tống ấy cho bà nội tôi nghe ở nhà phố Hàng Cau.

Đất làm nhà của cả đời trước để lại. Mùa hè, chỗ bà tôi và tôi ngồi thường ở khoảng cửa thông từ gian ngoài đường vào ngăn trong bếp và lên gác. Nghe nói khi xây nhà, khi lắp cái khuôn cửa này, cả thợ mộc, thợ nề đã phì cười vì thấy tôi

(1) Sự việc này tôi nghe kể và còn nhớ : chính trong truyện in là Từ Mẫu treo cổ tự tử. Tôi xin phép được giữ nguyên hình ảnh và ấn tượng đầu tiên. Mong các bạn lượng thứ cho cả vài trường hợp khác (N.H).

đi qua, người nhỏ cùn mà cứ khom rạp lưng và nghiêng nghiêng đầu như sợ vấp phải giàn giáo, khung cửa. Bà tôi ngồi uống nước chè mạn trên chiếu võng, tôi quét nền gạch ẩm lạnh, cời trần nằm. Không nhớ những ngày đó nóng lên đến bao nhiêu độ mà tôi vẫn chỉ thấy không khí thoáng mát và trời nắng đẹp rực rỡ. Tôi vẫn còn nghe thấy tiếng những xe cút kít chở gạo ở một hiệu khách cân gạo cùng phố miết biến biệt vào cái im lặng vo vo của trưa nắng, tiếng chim sẻ líp nhíp ngoài mái hiên, và đâu đây tiếng gà gáy vang lảnh.

Trong nắng trưa ngun ngút ấy, đã hiện ra một Trường Giang mênh mông, ì oạp một con thuyền, và bỗng giõ lên tiếng cười sảng sặc tiếp theo hai câu thơ lạnh rọi :

Giết khách thương, thân của báu

Lột trần quăng xuống giữa dòng sông...

Bá Ngọc Xương lưu lạc một thân một mình bước nhằm xuống thuyền này. Bá Ngọc Xương đính hôn với La Côn, con trai thứ của La Tãng. Lão tướng La Tãng đi đánh giặc ngoài biên, bị vây hãm. Gian thần ở trong triều thông đồng với giặc, mưu phản, tâu lên vua rằng La Tãng đã hàng. Cả ba họ La bị xử chết. La Côn trốn được. Bá Ngọc Xương bỏ nhà mình, ra đi thiên sơn vạn thủy⁽¹⁾ quyết tìm gặp La Côn.

Trên sông vắng sóng dỗi nghe câu thơ và tiếng cười kia, Bá Ngọc Xương liền đứng lên, xoa tóc, ôm đầu ngược mắt

(1) Muôn núi ngàn sông.

trông trời mây, khóc gọi người chồng hứa hẹn, và định nhảy xuống sông để giữ vẹn da thịt và linh hồn. Nhưng vừa thấy Bá Ngọc Xương kêu lên tên của La Côn là người đang nổi tiếng, được nhiều người kính phục, và than cảnh oan khốc lưu ly, cả hai tên cướp liền quỳ xuống, níu lấy áo Bá Ngọc Xương mà tạ tội, rồi cùng phò Bá Ngọc Xương đi tìm La Côn (Phấn Trang Lâu).

Tôi thương quý người con gái Bá Ngọc Xương chung thủy kia bao nhiêu, thì lại càng quý thương bấy nhiêu người vợ kiên cường của tướng Phiên Ô Hắc Lợi. Ô Hắc Lợi bị quân Tống xâm lược giết. Vợ quyết bỏ nhà vượt biên ải sang Tống để báo thù chồng. Cũng một mình qua vạn thủy thiên sơn, vợ Ô Hắc Lợi đã phải lần mò trong canh khuya qua các rừng rú để vào đất Tống. Tiếng than gọi của người vợ nghĩa liệt đã cất lên giữa dặm trường đêm tối gần như lạc bước, thì hồn linh Ô Hắc Lợi hiển hiện, hóa thành con đom đóm lập lòe để đưa đường cho vợ.

Về đời Đường, trong đám anh hùng hơn ba mươi người được xếp thành thứ bậc, có rất nhiều tên tuổi, tài nghệ tuyệt luân, phi thường. Lý Nguyên Bá, hơn mười tuổi, với đôi trùy ngắn đã giáng xuống thì không ai đỡ nổi. Lý Nguyên Bá đã đập nát bét cả người lẫn ngựa không biết bao nhiêu địch thủ. Lý Nguyên Bá đã tung trùy lên để đánh cá trời rồi chính mình bị chết vì trùy kia giáng xuống. Dưới vị anh hùng thứ nhất

này, La Thành đứng hàng thứ sáu. La Thành mặc bạch bào bạch giáp, cưỡi bạch mã, sử dụng ngọn thương có một miếng gia truyền rất hiếm độc là giả vờ thua, thúc ngựa chạy, nếu kẻ địch đuổi theo, liền quay ngựa đâm trở lại ngọn thương, hạ tươi đối phương bằng miếng hồi mã thương. Còn Tần Thúc Bảo đứng dưới nữa thì có đôi gươm với miếng sắt thủ gươm, cũng sử dụng như kiểu La Thành, khi đối phương rượt đuổi thì vùng quay ngựa và chập đôi gươm bổ xuống đầu đối phương và cũng hạ tươi...

Nhưng tôi không thích mấy người nọ lắm mà lại yêu nhất Trình Giảo Kim, xếp hàng thứ bảy. Trình Giảo Kim nhà nghèo, ngày ngày gánh đôi gánh muối đi bán rong kiếm từng bữa gạo về nuôi mẹ già. Trình Giảo Kim rất ham say võ nghệ. Một đêm nằm mơ thấy thần hiện đến dạy cho môn búa. Trình Giảo Kim nửa tỉnh nửa mê, cặp cái đòn gánh muối giả làm ngựa, khoa đủ ba mươi sáu đường búa của thần chỉ bảo mà Trình Giảo Kim thấy quả là thiên hạ vô địch. Trình Giảo Kim quần "ngựa" chạy rầm rầm, rung chuyển cả gian gác vốn ọp ẹp. Sướng quá, Trình Giảo Kim hét lên, tăng gác cùng lúc đổ sập. Vì thế mà Trình Giảo Kim tỉnh giấc, và lúc nghĩ lại thì quên mất gần hết, chỉ còn nhớ có ba đường búa !

Càng ngày càng khó sống, Trình Giảo Kim phải bỏ mẹ, bỏ quê đi nơi khác kiếm ăn. Trên một quãng đường đói kém cùng kiệt, Trình Giảo Kim gặp một bọn cướp núi rất đông, rất ác đón đánh. Chỉ với nhất búa thứ nhất, Trình Giảo Kim đã

chặt đôi tên tướng. Cả bọn quân liền quì rạp xuống lạy và đưa Trình ta lên thay và tôn hấn làm vua. Trình Giáo Kim lấy hiệu là Hồn Thế ma vương, cũng lập thành triều đình, đủ cả bá quan văn võ trên sơn trại, uy danh ngày càng lừng lẫy. Nhưng chỉ ít lâu, sống trong cái cảnh : mặc thì đủ bộ long bào, long cốn, ăn thì nay yến mai tiệc, đi đâu mỗi bước lại có người tung hô vạn tuế, nói năng thì phải giữ gìn đạo mạo, và vẫn phải đi ăn cướp, Hồn Thế ma vương Trình Giáo Kim ta thấy như thế thì ngày ngà bó buộc, cực nhọc, và cả cực nhục nữa. Như một cái thân tội ấy. Đang đêm Trình Giáo Kim bỏ mũ, bỏ áo, bỏ cân, bỏ đai, bỏ ngai, bỏ cung, bỏ điện, bỏ sơn trại... trốn về nhà với mẹ, và lại gánh gánh muối đi bán các chợ.

Nếu như Trình Giáo Kim không quá say, quá cuồng trong cơn mê luyện búa, đến nỗi nháy thét lên làm sập gác, mà học nhớ được đủ ba mươi sáu đường chứ không bị quên mất ba mươi ba đường búa, thì có thể thành anh hùng thứ nhất được không ? Sau này, khi phò Đường Thế Dân, bao giờ Trình Giáo Kim cũng đòi ra đánh trận đầu và đánh toàn với những tướng dữ dội, ghê gớm. Gặp đối phương, Trình Giáo Kim hăm hở phi ngựa xông đến choang ngay búa thứ nhất. Kẻ này đón đỡ, dù y có bị rùng tay, hơi choáng, nhưng Trình Giáo Kim nhìn thấy y vẫn vững vàng trên ngựa, thì chính người bắt đầu run tay. Người liền vội choang búa thứ hai và lại nhìn xem, nhưng không thấy địch thủ lão đảo gì cả, thì chính người đã

loạng choạng. Người liền nhắm mắt xông lên choang búa thứ ba. Đến búa này, người mở mắt ra, mà chao ôi, đối thủ vẫn cứ không việc gì, thì người bèn quát ngựa tẩu cho thật nhanh !... Mặc dầu Trình tướng quân chỉ có ba búa như thế, nhưng trải nhiều trận bị bao vây nguy khốn muôn phần, cơ hồ sắp tuyệt vọng, quân Đường đều nhờ lão Trình mà có viện binh. Chỉ do tài nói khích và cả nói khoác nữa của lão Trình, mà tướng địch chịu mở lối cho lão đi cầu viện.

Khi lão trở về, quân nhà giải vây đánh thắng, cố nhiên lão lại nói lếu rằng cả quân và tướng địch đã phải để lão đi gọi viện, vì mỗi búa của lão đã hạ một tướng địch, còn binh địch đã sợ quá... bỏ chạy, không kịp đội lại mũ, thất lại dây lưng ! Mặc dầu đã nhiều trận lão mếu dở khóc dở, vì cả quân sư và nguyên súy đẩy lão, bắt lão phải vượt vây cầu cứu viện quân. (Tôi xin phép kể ra ngoài lề một đoạn. Trong bọn nhà văn, bất kể người viết tiểu thuyết, làm thơ hay làm báo chúng tôi, những lúc vui chuyện thường gọi đùa nhau là Trình Giáo Kim. Người nào được tặng cho cái tên ấy, trong số đó có anh Trình Giáo... Kim Lân, thường cười ngất, rất lấy làm một sự khoái trá, và quý mến kẻ đùa mình, chứ không tự ái tự ung gì cả !)

Trình Giáo Kim phò luôn ba triều Đường, cuối cùng cười lên mấy tiếng lớn vì nghĩ các chuyện đời, rồi chết, thọ đâu như trăm sáu mươi hơn tuổi...

Phải ! Lão Trình đã cười lớn mấy tiếng rồi chết. Lần này lão Trình đi đứt thật, nằm trong lòng đất mà nhắm mắt, chứ không như nhiều lần trước, đã bị địch thủ đánh nhào khỏi ngựa tường chết, nhưng chỉ vừa sắp mặt xuống đất, hít được hơi đất liền sống lại, như Ấng-tê của thần thoại Hy Lạp vậy.

Hồi còn mô ma Nguyễn Huy Tường, ông bạn đôn hậu của chúng tôi cũng thường được anh em gọi là Trình Giáo Kim. Và ông cũng lại cười một cách rất chi là hồn nhiên khi được anh em gọi mình tên ấy. Ông Chánh Hòa⁽¹⁾ khá là thông kim bác cổ và nhớ các sách, các truyện ấy, lại còn nhớ thêm một chi tiết này của nhân vật tiểu thuyết và bình dân họ Trình : Trình Giáo Kim là sao Thổ nên mới chết đi sống lại kiểu như vậy và thọ lâu đến thế.

Uất Trì Cung, võ nghệ cũng chỉ vào loại như Trình Giáo Kim. Xuất thân là thợ rèn, mặt đen như nhọ cháo, Uất Trì Cung tính tình cương trực, có lần lấy thân đỡ gươm giáo và tên đạn của quân địch bao vây bốn bề để che chở cho chúa, nên đã được ban thưởng một roi sắt khắc tám chữ : "Thượng đá hôn quân, hạ đá gian thần". Nhận chiếc roi này, Uất Trì Cung đã được thần cho biết phải giữ gìn cẩn thận, nếu để roi gãy thì mệnh cũng không còn. Mặc dầu vậy, vì không ngăn cấm được người vua triều sau hôn mê dâm bạo, chỉ thích nghe lời xiểm nịnh, Uất Trì Cung cũng cứ cầm roi xông vào quật.

(1) Tên anh em chúng tôi gọi vui Nguyễn Huy Tường (chú thích của tác giả).

Uất Trì Cung đã quật quá ra ngoài, gãy đôi ngọn roi, sau đó về nhà học máu chết !

Uất Trì Kính Đức⁽¹⁾, trong bản Hịch tướng sĩ, Trần Quốc Tuấn đã nêu là một tướng tận trung, tận nghĩa, làm gương sáng để khích động chí khí toàn quân chống giặc ngoại xâm.

... Bao Công cũng nổi tiếng với bộ mặt đen. Nhưng soi vào bộ mặt ấy thì cũng thấy rạng lên một thứ ánh sáng. Ánh sáng của tinh thần quang minh chính đại, chí công vô tư, không uy quyền nào có thể lung lay, không vàng bạc hay thứ gì có thể mua chuộc !

Tôi đã phải đọc đi đọc lại cho bà tôi nghe vụ xử án Quách Hòe.

Lý Thần Phi là mẹ đẻ Tống Nhân Tôn. Nhưng khi Tống Nhân Tôn vừa lọt lòng mẹ thì Quách Hòe đem tráo vào con mèo chết, vu cho Lý Thần Phi sinh quái vật, biếm⁽²⁾ Lý Thần Phi và hạ ngục.

Tống Nhân Tôn được lập làm thái tử rồi lên ngôi vua. Quách Hòe từ chân thái giám bước lên chức thái sư, quyền hành nhất triều, không ai dám ho he, và mặt dầu vụ tráo mèo cướp chúa này hết sức bùng bít nhưng vẫn làm ầm ục nhiều cựu thần.

(1) Tên hiệu của Uất Trì Cung.

(2) Giáng chức.

Lý Thần Phi đi trốn, rất đói khổ, sau bị mù phải sống nhờ một đứa bé con nuôi chuyên nghề đi bán đậu phụ, kiếm về từng bữa gạo ăn.

Bao Công làm quan coi các việc án từ thời đó. Một hôm đi kiệu trên đường bỗng gặp một cơn lốc đột ngột, thổi tung cả mũ đang đội. Bao Công vội cho lính hầu chạy theo lấy mũ, và đang suy nghĩ về luồng gió lạ này, thì lính giải về một gã thiếu niên ăn mặc rách rưới đã nhặt được mũ của Bao Công nhưng không đưa trả, mà nhất định đòi phải cho gặp Bao Công. Bao công càng ngạc nhiên hơn, thấy tên bán đậu phụ nhom nhếch bị lệch xệch giải đến dưới kiệu mình, lại còn nhất định đòi mình phải theo gã về nhà gã vì có một chuyện đặc biệt. Bao Công đã gắng hỏi hết nhời mà vẫn chỉ được gã bán đậu phụ đáp lại là Bao Công có theo y về nhà thì mới được nghe chuyện đó.

Bao Công xuống kiệu, bỏ lính hầu lại, đi theo kẻ lạ nọ. Hai người đến một lò gạch hoang. Gã bán đậu phụ bảo mẹ gã ở trong ấy, và chính người này bấy lâu đã dặn y phải tìm gặp bằng được Bao Công. Bao Công càng sững sốt.

Vẫn chưa đủ ! Người này lại không chịu ra đón Bao Công, mà bắt bao Công phải vào hẻm nhà của bà, nghĩa là Bao Công phải chui qua cái cửa hẻm lò vừa thấp, vừa hẹp, vừa tối, vào chỗ bà thì bà mới tiếp và nói chuyện.

Chính gã con nuôi khi nghe mẹ bảo ra ngoài truyền lại cho Bao Công, đã xanh xám cả mặt mày và run rẩy cả chân

tay. Nhưng rồi Bao Công đã khom hẳn mình, chui qua cái cửa hầm lò, và, lại còn phải chờ Lý Thần Phi cho lệnh đến bên chõng bà ngồi, quì xuống chõng, trật mũ ra để bà xem có đúng thật là người bà mong đợi bấy lâu không. Khi rờ đúng cái nốt ruồi nổi sau gáy, thì Lý Thần Phi hét lên : "Bao Chứng" ! - tên chính của Bao Công - rồi òa lên khóc, đoạn kể tất cả khúc nhôi, nguồn cơn nông nổi hơn hai mươi năm nay...

... Về triều, Bao Công đã hạ trát bắt Quách Hòe, lập một phiên tòa lấy cung rất là đặc biệt, rồi xử tử tội phạm.

A ! Công lý đã xuống kiệu. Công lý phải khom mình, bỏ mũ, quì gối để được đến với Chân lý và nghe Chân lý lên tiếng. Và Công lý đã tìm ra Chân lý.

Ngày ngày tôi cấp chiếu cùng bà tôi, sáng đi lễ, chiều đi châu ở nhà thờ. Cùng bà tôi, tôi còn nguyện kinh buổi trưa và đọc kinh buổi sáng, buổi tối ở ngay nhà nữa. Nhưng cả những lúc nguyện kinh Đức chúa Thánh thần, ngắm Mười lăm đàn thánh giá, đọc các kinh Vực sâu, Lạy nữ vương, vân vân, hay lúc theo bà tôi đi xưng tội ở tòa giải tội ra, đọc các kinh đền tội, hay cả trong những buổi lễ trọng, bà tôi chuẩn bị chịu phép Mình Thánh Chúa..., tôi cũng không thấy bà tôi ngẫm nghĩ, dăm chiêu, hay rạn rở nét mặt như khi tôi đọc lại đoạn truyện Bao Công trên đây.

Năm ấy bà tôi đã ngoài tám mươi tuổi, mắt nhìn mờ mờ, da dẻ như đồi mồi, lưng hơi còng và bước rất chậm. Dưới

cái khung cửa ẩm lạnh, tối tối, vắng lặng trưa hè, tôi thấy như mình đang ở cái lò gạch nát hoang với bà Lý Thần Phi gãy xác, rách rưới, đôi mắt không còn ánh sáng, nước nở kể lẽ nguồn cơn... Và tôi đã khoanh tay đứng sau lưng Lý Thần Phi mà nhìn Bao Công mũ măng nghiêm trang quì bên chõng, mặt càng đen sắt, nhưng kỳ lạ, sao mà cứ như gương, như hào quang ấy, làm tôi thấy quý, thấy yêu, thấy đẹp tuyệt thế, tuyệt vời...

Khi cha tôi mất, nhà càng sa sút, thì tôi được đọc lại Thủy Hử. Truyện cất ở một báo hàng ngày đóng thành tập hàng trăm trang. Tôi không phải thuê. Tôi mượn của một nhà bạn, tha hồ mà om, mà nghiền, mà ngốn, mà tán. Lúc đọc ở ngay nhà người có truyện ; lúc đem hẳn về nhà mình. Đọc ở vườn hoa, ở cổng trường, ở bãi đá bóng, ở bờ hè, ở cửa nhà thờ, ở bực thềm hội quán Hoa kiều. Đọc buổi trưa, buổi tối, đêm khuya. Trùm chăn mà đọc, nằm ôm quặp lấy nhau mà đọc. Đọc quên cả đói, đọc đến mê đi, đọc đến thuộc từng đầu đề, từng hồi thứ bao nhiêu. Và đổ nhau câu nào ở trang nào, kẻ nào nhớ đúng thì được tha hồ búng vào mũi, hay kháo vào đầu gối người thua bằng búa đinh cũng được.

Đúng vào giữa mùa rét và những ngày gần tết. Những phố từ bến tàu thủy qua phố Khách, phố Hàng Giấy, Hàng Đồng, Hàng Đường lên chợ đã đông đúc nhộn nhịp lại càng rục rịch hơn. Các hàng bán tranh pháo, câu đối, quần áo, kẹo, mứt... cứ như có muôn vàn hoa bướm, cờ xí, tàn quạt, võng kiệu, thần tiên hoạt động.

Tôi càng mê những hàng pháo tếp hơn. Ảnh các tướng của truyện Tam Quốc trong các gói chè hiệu Ninh Thái tuy in rất đẹp bằng giấy kim nhũ, nhưng cũng không khiến tôi náo nức bằng ảnh các tướng Thủy Hử của một hiệu chè và một hiệu thuốc lá nọ, không to lắm, chỉ in giấy thường thôi. Những Võ Tòng, Lâm Xung, Lỗ Trí Thâm, Lý Quì, Hồ Tam Nương, Cố Đại Tẩu. Những Ngũ Đài Sơn, Cảnh Dương Cương, Lương Sơn Bạc, Chúc Gia Trang. Những cây thiết trượng, những đôi búa và những bắp tay vo kia càng đọc thêm, càng thấy sao mà phải nhớ, phải yêu. Nhất là đôi bắp tay vo của Võ Tòng quần với hổ dữ trên đèo chiêu văng dọc đường thứ lữ...

Đặc biệt, Lỗ Trí Thâm đã cho tôi thấy rõ lòng tự tin và hào khí. Khi từ chùa trên Ngũ Đài Sơn xuống chợ, ở quán ra, Lỗ Trí thâm ngà ngà hơi men đã quát lên với một hàng thợ rèn khi họ không nhận đánh cho cây thiết trượng quá khổ, vin lẽ Quan Công là hổ tướng đời xưa mà chỉ sử dụng cây đao nặng khoảng tám mươi cân, mà Lỗ Trí Thâm lại dám đặt làm thiết trượng cũng vào cỡ ấy !

"Thế các người không coi ta cũng là người như Quan Công à ?"

Tôi càng yêu thương, quý mến nhà sư hảo hán này trong khi đi đường vừa đói vừa hết tiền phải lên một ngôi chùa trên núi xin ăn, đã bị từ chối rằng đây không còn cơm gạo gì cả. Vậy mà khi ngửi thấy mùi cháo thơm, sục tìm ra một nồi cháo chín như nóng ngút, Lỗ Trí Thâm cả giận thét lên định xông

vào đánh bọn nhà chùa nói dối mình và cướp lấy nồi cháo. Cả bọn gây rạc, xanh xao và tiêu tụy nọ òa lên khóc, níu lấy áo Lỗ Trí Thâm van lạy, kể lể sự tình, chùa bị một ác tăng chiếm cứ cướp hết cả tiền của lương thực, đang vui vầy dâm dục với gái đi, còn nồi cháo này là mề gạo cuối cùng bòn vét để dành, sau mấy ngày không được ăn một hột cơm nào. Lỗ Trí Thâm trả lại ngay nồi cháo. Chẳng những thế, Lỗ còn vác ngay thiết tượng xông vào chùa tìm tên gian bạo trừng trị, cùng nó giao chiến khá chật vật. Giết tên nọ xong, Lỗ mới trở về nhận bát cháo chia đều nhau cùng ăn, đoạn giao cảnh chùa y nguyên cho các bạn đói, rồi lại khăn gói gió đưa ra đi...

Hình ảnh Võ Tòng cũng đẹp biết bao, làm tôi cảm động đến ngào ngạt. Sau những năm lưu lạc. Võ Tòng đã về ăn ở với người anh bán đậu phụ quá là nghèo và hiền đại, những mong có được chút hạnh phúc trong cảnh anh em cô cút dùm bọc lấy nhau. Ngờ đâu gặp phải người chị dâu dâm dăng và gian quái, đã bỏ thuốc độc hãm hại anh. Tội ác và tẩm tẩm kịch ở nhà Võ đại lang, bà con hàng xóm quen thuộc đều biết rõ, nhưng đều phải "thủ khẩu như bình"⁽¹⁾ vì sợ tên gian phu quyền thế và quan lại cánh vế của nó bao che. Sau buổi cúng vong anh, nghe hồn anh hiện về căn kẻ báo mộng. Võ Tòng lập hẳn một phiên tòa, tự mình đi bắt từ gian phu, dâm phụ đến mụ mối manh và bọn thân thuộc bất lương. Rồi Võ Tòng

(1) Giữ kín mồm miệng.

đích thân đi mời các bà con đến làm chứng, tự tay xét xử những bọn gây ác nọ và lấy máu của chúng tể trước bàn thờ, trừng phạt cả một xóc những tên nha lại lính tráng bất chính.

Võ Tòng ngang tàng dữ dội ấy đã một mình qua Cảnh Dương Cương lúc chiều tà, các khách bộ hành và người địa phương kiếm củi đốt than gan góc nhất cũng phải đỗ lại. Võ Tòng khật khưỡng chỉ với hai bắp tay mà đánh chết con cọp đã ăn thịt không biết bao nhiêu người, sắp thành tinh, trừ họa cho nơi đây...

... Lâm Xung cũng bị cướp vợ. Kẻ cướp vợ này cũng là một quan quyền giàu có, đã lừa Lâm Xung đi vào nơi cất ẩn của vua để kếp vào tội chết. Lâm Xung đi đây, dọc đường bị đóng gông, đeo xiềng và xích tay, lại còn bị hai tên công sai ăn tiền của tên quan nọ bắt nhúng chân vào nước sôi sùng bồng lên không cất bước được, rồi trói vào cây, vu cho tội chạy trốn, định lấy côn đập chết.

Giữa rừng vắng, Lỗ Trí Thâm đã hiện ra cứu Lâm Xung. Nhưng Lâm Xung vẫn cứ phải đến chỗ đi đây, làm việc khổ sai, và lại mắc vào một mưu mới, suýt bị thiêu chết trong một ngày gió tuyết mịt mù, trú ở gian lều cỏ chơ vơ man mác quan san, hạn sầu đất khách và... thêm rượu. Người hảo hán tài sức đặc biệt đã trông coi cả tám mươi vạn cấm quân ấy, cũng lại tự tay mình xét xử những kẻ gây ác. Lâm Xung vừa chém vừa cắt cổ cũng ngót một xóc, từ tên quan chủ mưu đến bọn tùy thuộc chân tay, rồi cũng trốn lên Lương Sơn Bạc,

tự nghĩa với những Tống Giang, Lỗ Trí Thâm, Võ Tòng v.v... chống lại triều đình nhà Tống thối nát.

Tôi cũng không nghe nói tuổi của Lâm Xung trong Thủy Hử. Nhưng cho đến bây giờ, tôi thấy Lâm Xung vẫn trẻ và đẹp lạ lùng. Trẻ và đẹp một cách Thủy Hử, cũng như Triệu Tử Long cứ mãi mãi trong trí tưởng tôi, trẻ và đẹp một cách Tam Quốc, mặc dầu tôi biết Triệu Tử Long đã thọ hơn bảy mươi tuổi.

Lý Quì của Thủy Hử nổi tiếng cũng với cây búa như Trình Giảo Kim đời Đường. Nhưng búa của Lý Quì sử dụng chỉ là một đôi búa bổ củi. Lý Quì sống bằng nghề kiếm củi, nuôi mẹ già bằng tiền bán củi. Mẹ Lý Quì cũng chỉ được mỗi mình Lý Quì, hai mẹ con ở trong rừng thẳm, làm nhà bên một suối nước. Sức búa của Lý Quì gần như không ai đương nổi, chứ không chỉ ghê có nhất thứ nhất rồi xuống đến nhất thứ hai, thứ ba như Trình Giảo Kim nhà ta. Lý Quì tính còn nóng hơn lửa, lúc xung trận cũng thường hét như Trương Phi và chỉ cười trần. Lý Quì cười trần còn vì thói quen nghèo đói, cơm kiếm không đủ ăn, áo không có mà mặc. Lý Quì đã công mẹ định cùng lên Lương Sơn Bạc, dọc đường để mẹ ở rừng đi kiếm nước uống về thì mẹ bị hổ ăn thịt. Lý Quì đập chết hổ rồi lên Lương Sơn Bạc với mình trần, đôi búa và một lòng cương trực vô địch, một tình thương yêu, một dạ trung thành tuyệt đối với nghĩa lớn và anh em cắt máu ăn thề.

Trong những ngày đọc miệt mài, và rất lâu về sau nữa, Lương Sơn Bạc đã thành một hình tượng mê đắm trí tưởng tôi.

Cha tôi mất đã hơn một năm, mẹ tôi đi kiếm ăn xa, gửi anh em tôi lại cho cô tôi và bà nội tôi. Gia đình tôi ở nhờ một người họ. Bà cháu anh em tôi và tất cả đồ đạc, giường phản còn lại toàn những thứ cũ kỹ, xộc xệch, không còn thể bán cho ai được, thu vào ở đúng một gian nhà đã chật hẹp lại xếp mấy chồng gạch phía đằng sau. Những ngày gió rét, không dám hé cửa, trong nhà tối cứ như bưng và lạnh toát một mùi ẩm mốc. Vì thế tôi thường thường phải đọc sách ở bên ngoài. Lúc ngồi cạnh khe cửa ; lúc ra nhà kèn vườn hoa ; lúc đến trường sớm, chúi vào một góc tường ; lúc tìm một gốc cây to khuất gió.

Những bạn nhỏ thân nhất ngày trước đã chuyển đi các trường khác gần hết. Toàn những bạn kết nghĩa, đã có kẻ cắt máu ăn thề với tôi, và tự xếp cho nhau thứ bậc anh hùng. Trong những bạn này, có anh Bùi Phú Túc và L.V. Thành. Anh Bùi Phú Túc được chúng tôi tôn là Bùi Nguyên Khánh, anh hùng thứ hai, hay là Uất Trì Cung trong truyện Thuyết Đường, và anh gọi tôi là Trình Giáo Kim. Nơi tôi cùng làm Hồn Thế ma vương với anh Bùi Phú Túc là bụi rậm bụi và mấy gốc cây to ở góc trường. Sáng nào tôi cũng rủ anh đi học và ăn bánh tây của anh. Nhà anh mở lò bánh. Những chiếc bánh đầu thừa đuôi thẹo và những chiếc bánh bán cho trại lính ế, anh đem

góp với những cà rốt và lê, táo bị thối, bị giập của nhà tôi để làm lương thảo khao anh em.

Anh vốn người nhà quê, tiếng nói và giọng nói khàn khàn, mặt mày tợn tợn, nhưng rất hào hiệp. Anh có đồng nào, và lấy của nhà được một hay hai hào, đều khao anh em bánh tôm, bánh cuốn hết. Còn bánh tây thì gần như ngày nào anh cũng thủ phỗng cặp đem đi. Năm chuyển sang trường khác, học lớp nhất, anh là một chân đá bóng đi tiền đạo rất đẹp, đối phương kinh định của nhà trường tôi và đội tôi. Năm kháng chiến chống Pháp, tôi gặp anh ở chiến dịch Cao-Bắc-Lạng, 1950. Bằng đi mười lăm mười sáu năm trời mới gặp nhau, lúc này anh là cán bộ tiểu đoàn của quân đội, còn tôi thì... với ngòi bút làm "búa" ! Bùi Nguyên Khánh và Uất Trì Cung, Bùi Phú Túc, bạn học từ lớpбет kết nghĩa hồi thơ ấu với tôi ấy, không tung đôi trùy lên đánh giời, và cũng không vì đập gãy cây roi sắt nên bị chết. Anh đã đi theo cánh mạng, và đã hy sinh trong trận chiến thắng Biên giới lịch sử đó.

Anh L.V. Thành nhà làm phở. Chúng tôi thường gọi là Thành phở. Anh tự xưng là La Thành, anh hùng thứ sáu của Thuyết Đường. La Thành bạch bào, bạch giáp, bạch mã kia cao hơn tôi hẳn một đầu, môi đỏ chót, mặt mày khô ngô, người cao dẳng, rất lạnh lẹn. Áo anh mặc đi học thường là áo dài trắng, nhưng dù vừa giặt xong vẫn lem nhem và gầy gầy, hôi hôi mùi xương bò và khói nước dùng, tuy anh không phải làm việc nhà gì cả. Anh thường bị thầy giáo beo tai và bắt ra

đứng ngoài cửa lớp vì tội thò lò mũi, luôn luôn cứ sút sút, sịt, sì và quệt ngang bằng tay áo, ngoen nhòn và đóng vẩy ở má. Luôn luôn La Thành của tôi thúc "Thoại phong câu"⁽¹⁾ bằng cành cây bỏ chạy, nhưng không phải để đánh miếng hôi mã thương mà là bị đuổi thực sự ! Bọn trẻ con lóc nhóc cứ túm lấy anh, chân anh co lên, người chúi dúi, tay vươn vươn để khỏi bị nắm giữ và cũng để quệt mũi. Áo "bào" trắng rách bươm, anh líu cả lưỡi mà hò hét kêu cứu...

Cứ đến nghỉ hè, Thành phở lại học tư với tôi buổi trưa ở một ngôi đình cũ ngan ngát mùi hương hoa cau và hoa sồi. Thầy giáo chúng tôi đã hơn năm mươi tuổi, râu vênh, mắt gườm gườm, chuyên bắt chúng tôi đun nước pha trà rồi thay nhau quạt cho thầy ngủ. Thầy có một con gái bằng trạc chúng tôi, mắt toét vào loại nặng nhất, chuyên phô với thầy các kiểu tội của "chúng nó". Chính nhờ những buổi trưa thầy giáo già ngáy pho pho và tôi bị giữ căng ở ngôi đình có vườn cây ụ tịch này, mà chúng tôi đã được thấm hơn, nghiền kỹ hơn các truyện. Riêng tôi, tôi càng được nhập vào các nhân vật trong truyện và nhập vào cả các tượng Kim Cương, La Hán, Phật, Bồ Tát ở ngôi chùa cạnh đó.

La Thành của tôi sau cũng dạy học tư. Tôi bùi ngùi vô cùng sau một chuyến từ Hải Phòng trở về thăm quê hương Nam Định, đi vào cái ngõ cũ, nơi nhà anh Thành làm hàng,

(1) Ngựa bay như gió.

thì vẫn thấy trống tuênh trống toang, vẫn đầy ụn các lò, các bếp, các cối xay, các chậu, các nồi, các vò, các quang gánh và than củi chất đống. Nhưng không thấy L.V.Thành. L.V.Thành đã là một cậu giáo, vợ đang ở trong nhà kia xay bột làm bánh, nhếch nhác một lũ con nhỏ như mọi người ở chung. Còn L.V.Thành đang dạy học trường ngoài ngõ. Tôi lặng lẽ đi đến khung cửa, nhìn vào thấy La Thành dáng cao lêu đêu, tóc chải mượt, quần áo là hần hoi, đang gõ thước kẻ chứ không phải múa thương, và ngồi trên một ghế đầu chứ không phải cưỡi bạch mã càn quét, càn bành, và đang thét, đang quát một lũ hơn năm dãy bàn học trò líp nhíp, chứ không phải bị quân Phiên lóc nhóc đuổi theo túm áo, khèo chân, sắp bị bắt giữ!...

Cố nhiên thầy L.V.Thành bây giờ không sứt sứt và quệt ngang mũi nữa. Nhưng quái lạ, sao tôi vẫn như thấy má anh hầy còn gòn gợn như, và cặp môi đỏ chót của anh càng cong hơn, trông rất ngộ, rất mền, như khi anh hấp cần mẩu bánh tây, bánh tôm của tôi cầm cữ đưa anh ăn những buổi sáng đến trường hay những buổi ra chơi, sắp cùng nhau xung trận.

... Xa cách hẳn các bạn kết nghĩa đã học với nhau từ lớpбет, lên lớp tư, lớp ba⁽¹⁾ và sống cô đơn, tôi càng khát bạn. Và càng đọc Thủy Hử, càng mê Lương Sơn Bạc, thì càng

(1) Hệ thống trường tiểu học hồi Pháp thuộc có 6 lớp : lớp năm (tức lớp бет), lớp tư, lớp ba, lớp nhì năm thứ nhất, lớp nhì năm thứ hai và lớp nhất.

thấy rõ những cảnh giàu sang hãnh tiến trái ngược ở chung quanh.

Nhà T.P chỉ chạy chọt ở các cửa quyền thế, được buôn độc quyền muối mà đã từ một cửa hàng nhỏ và một anh ký khố vọt lên thành triệu phú, xây hàng dãy nhà. dãy phố cho toàn quan tây, quan ta và công chức lương cao nhất thành phố thuê ở. Mỗi khi vợ chồng và thằng con đi lễ hay đi chầu, thì chính cha chánh sứ đón chào, chuyện trò từ cửa nhà thờ vào đến phòng khách. Gia đình ngày càng thêm vai vế, không những nhất thành phố, mà còn nhất mấy tỉnh. Chỉ "nói" không với các quan công sứ, thống sứ mà thằng em cũng được làm nghị viên, rất gian quyết trong những năm đàn áp cộng sản phong trào 1930 - 1931 ở Nam Định.

Trong khi nghe được câu chuyện làm giàu và hiển vinh này, tôi đã đi theo sau và trông rất lâu những người kéo xe bò nước và những đám quét đường, dọn cỏ rác ở các vườn hoa và dinh thự to. Họ phần đông là dân làm muối bị án tù muối lậu. Toàn những đàn bà nhà quê vùng biển, trông sao mà hiền lành, nhẩn nhục. Nhiều người còn trẻ, vừa chạy theo xe, vừa day day bầu vú, yếm đen thúi và ướt đầm.

... Tôi còn được biết một thằng béo sề như con lợn cạo trắng, chuyên cho vay lãi rất nặng, nhà chỉ nuôi đầy tớ gái trẻ. Nó đã có lần lấy dùi sắt nung đỏ dùi vào vú con sen, vu cho tội ăn cắp. Hàng phố gọi nó là Hàn-cá-kho. Nó được bằng Hàn lâm đãi chiếu, thưởng cho cái công nịnh và dắt khách cho

các quan tây. Còn tên Cá kho là do nó đã bắt đem về nhà cả nôi cá kho duy nhất của một người nợ nhà nó, kho tới hôm ba mươi để ăn tết, sau một ngày đi trốn, khuya về đã tưởng yên thân.

Sau phố tôi là dinh cơ một tên án sát. Nghe nói y làm bồi, chuyên dắt gái cho các quan đầu tỉnh. Tên họ y là M. Tầm Xuân ! Còn những Cao Cầu⁽¹⁾ thì đủ các loại với các thứ quan tây, quan ta, mà những ngày lễ lớn ở nhà thờ, hay những ngày hội lớn ở thành phố, lại làm túi nhục xót xa mọi người nghèo đói, họ được nhặt những đồng xu tung ra đất, hay những nắm cơm, bát gạo phát, hai tay bưng túm vào vạt áo.

Những ngày cuối đông vắng lạnh và những ngày đầu xuân mưa phùn gió bắc năm ấy, càng đói rét trơ trọi và buồn tủi, tôi càng thấy Lương Sơn Bạc nổi lên rực rỡ vô cùng. Đường như những hoa đào, cúc, thược dược, phù dung, cấm chướng cùng những màu sắc thắm thiết của ngày tết và cảnh xuân đã kết lại làm một nền sáng cho lá cờ Thế thiên hành đạo phấp phới trên những ngọn núi và vùng hồ nước, nơi các anh hùng tụ nghĩa. Cũng dường như những tia sáng chói lọi nhất của mặt trời và những ánh bạc của mây trưa đã dội tỏa ra cùng với những ngọn thương, đao, kiếm, kích tung hoành trên

(1) Một tên lưu manh lên làm tể tướng triều Tống (chú thích của tác giả).

lưng ngựa, đánh đuổi tan tành các đạo quân triều đình bạo ngược.

Tuổi thơ dễ thấy đói và cũng dễ quên đói. Nhưng tình nghĩa thủy chung, nhân hậu, những ý chí quật cường, bất khuất, những khí tiết khí cùng khổ gian nguy, và sự keo sơn son sắt trong tình bạn chỉ là ở những trang chữ thôi, nhưng mà sao thấy ngon ngọt, thơm tho, no lòng, ấm dạ ?

Ồi ! Thủy Hử và Lương Sơn Bạc kỳ diệu, tôi đang là thằng bé mười ba mười bốn tuổi, đọc và sống lại với các Người đây !

Chương II

SỬ KÝ ĐỊA DƯ GIÁO KHOA THƯ VÀ NHỮNG LỊCH SỬ TIỂU THUYẾT

PHẢI LÊN ĐẾN LỚP BA, GỌI LÀ LỚP SƠ ĐẲNG, TÔI mới được học lịch sử Việt Nam ở trọn một quyển sách có cái tên như trên đây⁽¹⁾.

Sách này khoảng hơn trăm trang in. Ngoài những đầu bài in chữ to, những từ, những câu cắt nghĩa, chú giải, những câu hỏi và những đoạn tóm tắt v. v... lại còn những hình ảnh minh họa. Bởi vậy, phần chính thành bài học chỉ còn mấy chục trang. Đã thế, mấy chục trang này về cuối lại là phần khá dài về triều Nguyễn, với nào Nguyễn Hoàng, Nguyễn Ánh, đức cha Bá Đa Lộc, Hoàng tử Cảnh v.v... Tiếp đến việc nước Pháp "phải đánh chiếm ba tỉnh rồi sáu tỉnh Nam Kỳ" ! Rồi đặt nước "An Nam" thành một xứ bảo hộ. Xứ bảo hộ không còn tên Việt Nam hay "An Nam" nữa mà thành ba tên là Nam Kỳ, Trung

(1) Tức là cuốn *Sử ký địa dư giáo khoa thư*.

Kỳ, Bắc Kỳ, chịu chung một cái "ơn cai trị" của mẫu quốc Đại Pháp ! Phần này lại càng tỉ mỉ, khá dài, với khá nhiều những hình ảnh dinh thự, phố xá, sông bến, cầu đường chiếm hẳn hàng chục trang để quảng cáo công cuộc văn minh khai hóa của mẫu quốc !

Còn Quang Trung thì sao ? Quang Trung Nguyễn Huệ áo vải dựng cờ làm nên nghiệp lớn. Đàng trong đánh bật chúa Nguyễn, đuổi giặc Xiêm La ; ra đàng ngoài thì diệt tan triều đình vua Lê, chúa Trịnh, quét gọn giặc Thanh. Trong cuộc hành quân ra Bắc Hà có một không hai trong lịch sử, tiến như gió cuốn, sấm sét ra uy, một lúc cả phá hai mươi vạn quân Thanh, tướng sủy, binh lính bỏ nhau tháo chạy về nước không cả kịp thở và ngẩng mặt trông trời... Con người anh hùng cái thế ấy, đối với triều Gia Long và cách trình bày của sử thuộc địa, trước sau chỉ là một tên giặc và một ngụy triều !

Trong sách học, phần chính về các triều trước đã quá sơ sài, lại còn bị cắt xén và sắp xếp giới thiệu rất tùy tiện, sai lệch như vậy, nên gần như không để được ấn tượng gì chính đáng trong trí não tôi, ngoài mấy hình ảnh in thô sơ, như Hai Bà Trưng cưỡi voi đánh đuổi quân Đông Hán, hay Trần Bình Trọng đeo kiếm đứng hiên ngang trước quân Nguyên xâm lược.

Nhưng tôi đã có một sự may mắn bất ngờ là được đọc và nhớ sâu, nhớ nhiều về một số sự kiện của sử nước bằng cuốn sách quảng cáo thuốc của một nhà thuốc in trong Sài Gòn.

Không hiểu do chủ hiệu đặt viết hay do dụng ý và thói quen nghề nghiệp của người soạn sách - tôi không hề thấy đề tên tác giả biên soạn là ai - mà "cuốn sử" này lại nhiều truyện, nhiều sự tích như vậy ? Những truyện và sự tích của từng sự kiện và từng triều đại in bên cạnh những nào thuốc sốt, thuốc cảm, thuốc đau răng, đau mắt, đau bụng, đau xương, thuốc giun, thuốc bổ tì, bổ phế, hậu sản, ho lao, ngã nước, thuốc đẻ con nhiều, thuốc già uống trẻ lại... Có các thứ tên nghe cứ như là thuốc của các tiên, các thánh, với nào quế, phụ, sâm, nhung, nào dãi cá voi, thận hải cẩu, và các kiểu chai lọ, hộp ống. Nhãn hiệu thì mang hình một ông Phật đầu trọc, bụng phệ, mồm mỉm cười, gọi là nhãn hiệu ông Phật mập, trông như một chú bán cao lâu no nê phá phê giữa mùa hè không cần quạt gì cả vì quá mát da mát thịt. Ông ta vừa ngủ trưa dậy thì có các thứ nàng hầu tắm táp cho và bón cho ăn hết liền mấy liễn chè hạt sen long nhãn và yến hấp đường phèn.

Tôi đã đọc truyện từ Lạc Long Quân và Âu Cơ là con rồng cháu tiên đẻ một bọc trăm trứng nở ra một trăm con trai, đến truyện Sơn Tinh - Thủy Tinh, Trọng Thủy - Mỵ Châu, và các sự tích bánh dore, bánh chưng, trầu cau, dưa hấu... Rồi đến các anh hùng lương đồng như Đinh Tiên Hoàng, Lý Thường Kiệt, Phạm Ngũ Lão, và các nhân vật như Mạc Đĩnh Chi, Cống Quỳnh, Thị Diễm v. v... chen lẫn với các tranh vui cười và đám chai lọ quảng cáo chữa đủ các thứ bệnh bên kia !

Năm ấy vào khoảng 1926 - 1927, nghe nói bà tôi sắp sửa phải bán nhà vì cha tôi mất việc lâu quá, nhà vay nợ lãi nặng quá, hàng cơm của bà tôi sa sút quá, và cả hàng rau đậu, hoa quả của mẹ tôi cũng ế ẩm quá ! Cha tôi chạy mãi mới lấy được cuốn sổ bì xanh, định xin xuống tàu to làm... Bởi thế cha tôi phải vào Sài Gòn và đã gửi cuốn sách thuốc kia cùng mấy cái quà như kèn đồng, đàn hộp quay tay và ngựa cao su, xe gỗ cho anh em tôi.

*

Nhà tôi chỉ cách bến tàu thủy hơn trăm thước. Chính vì sợ tôi nghịch ngợm lêu lổng nên bà nội và mẹ tôi đã bắt tôi học cả trưa ở cái lớp của ông giáo nổi tiếng dữ đòn dạy trong ngôi đình khuất vắng kia. Cũng vì tôi phải đi học trưa như vậy nên bà tôi không thuê truyện và tôi không được đọc các truyện của bà thuê nữa. Tôi phải góp tiền với một vài thằng bạn để mua những cuốn mỏng và rẻ tiền đọc chung với nhau. Rồi có những trưa không trốn được đi nô nghịch và không có truyện mới để đọc, thì tôi lại nghiền những trang sử trong cuốn sách quảng cáo thuốc. Ôi ! Những Phi Long, Phi Phượng, Phi Hồ Giang Môn, Long Môn, Nam Hải⁽¹⁾ đã nổi còi ùm ùm trên dòng sông đang độ nước cường lờ lờ như nước cua già và văng riêu, chỉ rình tràn vào thành phố. Ôi ! Những đầu toa vừa

(1) Tên một số tàu thủy ngày đó.

chạy vừa thỏ như cuồng như uất trên đường sắt, vút trong nắng tựa hai lưỡi gươm vô tận, và những hồi còi dội lên lộng cả buổi trưa ! Biết đến bao giờ và ta phải làm gì để được cùng với các người ra thật ngoài bến Sáu kho Hải Phòng ? Đến đây, ta sẽ xuống những con tàu như kinh ngư, như giao long khổng lồ bằng sắt mà vượt trùng dương vào Sài Gòn, theo cha ta đi các danh lam thắng cảnh của năm châu bốn biển ?

Nếu như tiếng còi tàu, còi xe làm tôi băng khuâng ghen ngào bao nhiêu, thì những tiếng xe cút cút lặc lè nghiêng rít trên đường đá giữa nắng hè cũng làm tôi day dứt bồn chồn bấy nhiêu. Những xe này có chuyến chở ba bao gạo, bao ngô chỉ xanh, mỗi bao nặng hơn một tạ, hoặc từng đồng chất bốn năm rọ lợn và sọt củ nâu. Người cầm càng dù rất khỏe nhưng không thạo, không chuyên thì cũng dễ bị xe quật tung đi. Phần nhiều là các người đứng tuổi, da dẻ như sành, quần áo rách vá, nón mê. Thít qua vai qua cổ họ là một cái thùng dừa chỉ dùng vài buổi đã bạc sờn. Thỉnh thoảng có xe thêm một đứa bé, nó là con hay là cháu người đẩy, cũng rách rưới, gầy sật, phải ròng thêm dây gò lưng cùng kéo. Sau đây lớn lên, được nghe tả và đọc về những tù khổ sai và những nô lệ kéo thuyền trên sông Von-ga ở nước Nga Sa hoàng, cả thân thể và quần áo họ đều bị roi gậy quật đánh rách xé, họ cứ phải rạp người và cổ cốt lên những tiếng hò lừ lừ, triền miên, nén nặng như dòng sông, thì tôi lại không khỏi không nhớ đến những người

đẩy xe cút kít những trưa hè nọ. Thỉnh thoảng mưa rào. Ngoài sân và sau vườn lớp tôi học, hương hoa cau và hoa sổi càng như đang ủ men bỗng được dỡ tung ra. Hương sắc và hình tượng của những trang sử nước nhà bốc lên theo, hiển hiện, vời vọi...

Sao mà thiêng liêng, lúc Âu Cơ cùng chồng Lạc Long Quân chia nhau con, năm mươi trai theo mẹ lên núi, năm mươi trai theo cha xuống biển ! Sao lại như thế ? Sao lại là một bọc trăm trứng và nở đủ thành một trăm con trai ? Sao không là cả một trăm con gái hay là năm mươi gái ? Và sao lại năm mươi trai theo mẹ lên núi mà không là tất cả một trăm ? Và sao lại năm mươi con theo cha xuống biển ? Núi với biển, cha với mẹ, trai hay gái, ý nghĩa thế nào nên mới là sự việc lưu truyền đầu tiên của giống nòi, đất nước, sử xanh ?

A ! Phù Đổng thiên vương lên ba tuổi mà không biết nói, nhưng vừa nghe tiếng mõ rao nhà vua cần người tài đi đánh giặc thì bật tiếng lên. Sao thường bảo bị câm là vì điếc ? Mà sao vì điếc không nghe được nên không nói được tiếng người, nhưng lại nghe ra tiếng mõ và hiểu được lời cầu hiền ? Lại thay ! Lên ba tuổi mà hiểu được lời cầu hiền, mà biết xin mẹ đi giúp nước. Lại bảo mẹ thổi cho một nồi ba mươi cơm dõ ra đầy một nong, ăn hết. Rồi lại đòi dân làng đánh cho một con ngựa sắt, một roi sắt, vươn mình cao hơn mười trượng, lên ngựa, giật cương, thúc ngựa phi hét ra lửa, xông vào phá giặc rụng hết lớp này sang lớp khác, đến nỗi gãy cả roi, phải

quơ nhỏ bột từng bụi tre mà quột lên đầu giặc. Thắng trận, đoàn thì anh hùng thiên thần cưỡi ngựa bay lên trời...

Thiên vương ấy rõ ràng cũng có quê có làng ! Rành rành người ở xã Phù Đổng, tục gọi là làng Gióng, tỉnh Bắc Ninh, bên kia sông Bồ Đề⁽¹⁾.

... Sơn Tinh thì sao mà đẹp. Đẹp cả diện mạo, dáng vóc, thân hình. Có đẹp mới vừa lòng công chúa chứ ! Nhưng sao mà giỏi ? Giỏi thay cứ *năm năm bão oán, đời đời đánh ghen*". Thủy Tinh đem thủy quái, thủy quân kéo lên, dâng nước để cướp lại công chúa, thì Sơn Tinh lại hóa phép đắp đất xây thành cao hơn và lại đánh bại Thủy Tinh... Cái lúc đứng trên cao, sánh vai Sơn Tinh, nhìn xuống thủy trận tan tành, trai anh hùng, gái thuyền duyên mặt mày rạng rỡ, chắc My Nương còn thấy Sơn Tinh đẹp đến thế nào ?

Bánh chưng gói thường và ăn ngày thường đã ngon. Bánh chưng vuông, luộc ngày ba mươi trên bếp đun bằng gộc tre và ăn trong ngày tết lại càng ngon. Tắm bánh chưa lột hết lần lá trong cùng ra đã thấy một làn xanh mà không một màu xanh nào mỡ mượt như thế. Khi đặt chiếc lát tước nhỏ sẵn bánh thành miếng nhắc ra, thì này, làn gạo như người thường gọi : ngọc ! Phải, hột gạo nếp đẹp như ngọc ! Còn nhân đỗ thì mịn màng thơm ngon tuyệt vời, với miếng thịt như tơ điểm

(1) Sông Hồng.

mùi hồ tiêu. Tắm bánh của vợ chồng người con trai nghèo nhất của Hùng Vương đấy ! Trong kháng chiến chống Mỹ, có mấy tên giặc lái máy bay bị bắt ở miền Bắc đã run rẩy cả người khi cầm ăn những miếng bánh cổ truyền này của ngày tết Việt Nam. Rồi chúng đã ngược mắt lên, bằng hoàng nhìn hồi lâu những người cho. Họ còn nói cho chúng biết câu chuyện về tấm bánh cùng với ý nghĩa tượng hình về vũ trụ cách đây hơn bốn nghìn năm trong sự sáng tạo và mở nguồn triết học của một dân tộc mà chúng đã điên cuồng liều lĩnh xâm phạm !...

Khi ngồi kể những chuyện ngày xưa và cả trong nhiều lúc vui buồn khác, các bà mẹ Việt Nam chúng ta vừa ăn trầu vừa chuyện. Câu chuyện đau thương của hai anh em và hai vợ chồng mà kẻ hóa thành đá vôi, kẻ thành cây cau, kẻ thành dây trầu ấy, đã gộp lại trong một khẩu trầu cầm tay mời nhau, cùng nhau ăn, rồi đôi hồi các nguồn cơn nông nổi, thế sự nhân tình...

Tôi càng chờ đón tết Trung thu hơn với chiếc đèn kéo quân bày trước bàn cổ ngoài thềm nhà trăng soi.

Trong cái khung phát giấy mỏng, diềm cài hoa lá bằng giấy trang kim, đĩa tré tên là Đinh Bộ Lĩnh kia in hình trước ánh sáng tùm bặc dầu lạc, không cười trầu nữa mà cười rồing qua sông, trên bờ có người chú ruột đã đánh đuổi mình, quì vái theo mình. Lúc này tôi yêu Đinh Bộ Lĩnh còn hơn cả Na

Tra, mặc dầu Na Tra chân đạp phong hỏa luân và tay tung càn khôn quyền, và đã có một thân thể hình hài kỳ diệu : từ xương thịt đến linh hồn đều bằng hoa và hương sen. Đinh Bộ Lĩnh của tôi nhà nghèo, không có cha. Tương truyền mẹ Đinh Bộ Lĩnh thụ thai với con rái cá. Con rái cá hay chính là một anh thợ lặn, một người nước như kiêu Yết Kiêu và Quận He Nguyễn Hữu Cầu ? Đinh Bộ Lĩnh đầu cạo trọc, để mỗi chòm tóc gọi là hồng mao, mình mấy chân tay bùn đất cóc cáy, cuôi trâu mà làm tướng. Còn võ khí và cờ tiết là tay không và bông lau ; uy quyền là lòng gan dạ và sức thu phục. Từ đồng cỏ Hoa Lư, Đinh Bộ Lĩnh được đám bạn mục đồng tôn lên làm chủ tướng, và qua các trận giao tranh với trẻ các xóm, các làng. Đinh Bộ Lĩnh nổi danh vô địch. Từ Hoa Lư xuất quân, trăm trận trăm thắng, Đinh Bộ Lĩnh đã dẹp tan các sứ quân, được tôn làm Vạn Thắng vương, thống nhất đất nước !...

Anh hùng xưa nhớ hồi niên thiếu, dấy binh lấy lau làm cờ...

Trước Cách mạng tháng Tám, năm tôi ở trại giam Hà Giang về bị quản thúc trong một xóm nghèo ngoại thành Hải Phòng, khi trông trăng nhớ lại chiếc đèn kéo quân, bàn cờ thời thơ ấu, và chợt nghe tiếng hát của đám trẻ đối rách học lớp tối của Hội truyền bá quốc ngữ mở, tôi không khỏi nao nao trong dạ.

Truyện vợ chồng An Tiêm và quả dưa hấu tuy chỉ vền vện mươi dòng, nhưng lại đưa trí tưởng tôi đi xa còn hơn cả

khi đọc Lỗ-bình-sơn phiêu lưu ký⁽¹⁾ dịch đăng làm nhiều kỳ trong Đông Dương tạp chí.

Những hòn đảo, bãi biển, sóng gió và cảnh hoang vắng chỉ có hai con người, tôi đã tưởng tượng ra nó ở ngay cái góc gian gác chật hẹp kê giường của cha tôi, trông ra một sân thượng và vùng trời ngày đó tôi thường tha thần ngược nhìn lên và thấy thêm các núi non, chim chóc và các thú kỳ lạ... Quý báu thay lưỡi kiếm sắt của bà mẹ giấu cho, mang được trong người khi bị đi đày ! Kỳ thú thay những hạt dưa chim nhả xuống bãi đảo ! Tuyệt vời thay những quả dưa lòng cát, đỏ như son, mát hơn nước suối, thơm ngọt như ở vườn tiên ! Vợ chồng con cái An Tiêm đã ăn dưa thay cơm, uống thay nước giữa những trưa nắng, trời lặng gió, biển như dầu sôi và cát rang bóng cháy.

Tôi đã nguyện đi theo cùng vợ chồng An Tiêm, làm một đứa con trong những con của vợ chồng An Tiêm, sống với lưỡi kiếm sắt để đào củ, chặt cây, chém thú, bắt lửa, làm thịt chim, cá và bổ dưa ăn. Để ban ngày thì được trông vời ra sóng nước mênh mông, ban đêm thì ngắm trời sao và nghe sâu nữa những tiếng ca ru vời gọi của vũ trụ, của sự sống, của bí ẩn, của chiến đấu và của kỳ diệu !

Ngàn Tây nổi áng phong trần

Ầm ầm binh mã xuống gần Long Biên

(1) Tức là cuốn *Rô-bin-sơn Cơ-ru-xô* của Đa-ni-en Đê-phô

*Hồng quân nhẹ bước chinh yên
Đuổi ngay Tô Định dẹp yên Biên thành
Đô kỳ đóng cơi Mê Linh...*

Tôi nhớ được cuộc khởi nghĩa và mở nước của Hai Bà Trưng cũng không bằng bài học sử ký của nhà trường dạy, mà nhờ bài học thuộc lòng từ năm lớp bét. Có lẽ đây là một áng thơ đẹp nhất, ngân vang nhất trong tuổi thơ của tôi. Tôi không nhớ rõ đã đọc chúng bao nhiêu lần ở trong lớp rồi đem bài về nhà học mất bao nhiêu phút, mà tôi đã thuộc lâu lâu cho đến ngày nay ! Tôi có cảm giác tôi thuộc bài đó ngay sau khi thầy giáo viết lên bảng cho chúng tôi chép, và sau khi chúng tôi đọc theo nhịp thước kẻ của thầy gõ xuống bàn chỉ xong lần thứ nhất ! Cũng không phải vì tôi thông minh hay có khiếu về văn thơ, mà là tất cả chúng tôi đều thuộc ngay.

Năm kháng chiến chống Pháp, tôi cũng viết lại đoạn sử này cho các con anh chị Tạ Thúc Bình, Kim Lân và con tôi học ở trên Yên Thế, nơi mấy gia đình chúng tôi tản cư, thì kỳ lạ, ngay hôm sau, các trẻ con hàng xóm cũng thuộc rồi. Cả những đứa không biết chữ.

*... Bà Trưng quê ở Châu Phong
Giận người tham bạo thù chồng chẳng quên
Chị em nặng một nhời nguyên...*

Con chị ẵm thằng em, thằng anh công bé gái, dì bé ôm cháu gái, cái cháu theo dì bé... đầu ngõ cuối xóm ngoài đời,

Hồng quân nhẹ bước chinh yên
Đuổi ngay Tô Định dẹp yên Biên thành
Đô kỳ đóng cõi Mê Linh...

Tôi nhớ được cuộc khởi nghĩa và mở nước của Hai Bà Trưng cũng không bằng bài học sử ký của nhà trường dạy, mà nhờ bài học thuộc lòng từ năm lớp bét. Có lẽ đây là một áng thơ đẹp nhất, ngân vang nhất trong tuổi thơ của tôi. Tôi không nhớ rõ đã đọc chúng bao nhiêu lần ở trong lớp rồi đem bài về nhà học mất bao nhiêu phút, mà tôi đã thuộc lâu lâu cho đến ngày nay ! Tôi có cảm giác tôi thuộc bài đó ngay sau khi thầy giáo viết lên bảng cho chúng tôi chép, và sau khi chúng tôi đọc theo nhịp thước kẻ của thầy gõ xuống bàn chỉ xong lần thứ nhất ! Cũng không phải vì tôi thông minh hay có khiếu về văn thơ, mà là tất cả chúng tôi đều thuộc ngay.

Năm kháng chiến chống Pháp, tôi cũng viết lại đoạn sử này cho các con anh chị Tạ Thúc Bình, Kim Lân và con tôi học ở trên Yên Thế, nơi mấy gia đình chúng tôi tản cư, thì kỳ lạ, ngay hôm sau, các trẻ con hàng xóm cũng thuộc rồi. Cả những đứa không biết chữ.

... Bà Trưng quê ở Châu Phong
Giận người tham bạo thù chồng chẳng quên
Chị em nặng một nhời nguyện...

Con chị ẵm thằng em, thằng anh cõng bé gái, dì bé ôm cháu gái, cái cháu theo dì bé... đầu ngõ cuối xóm ngoài đời,

gốc ổi, gốc cau, bờ suối, bụi sim... đâu có trẻ con chơi là có tiếng ngân nga như hát với nhau. Không kể những lúc đánh võng cho em, hay vừa bế xốc, vừa ôm em để ru chúng nó ngủ... Cả các trẻ đi trâu, đi cò, cũng thuộc, cũng đọc.

Tới năm kháng chiến chống Mỹ, tôi ở trường bồi dưỡng anh chị em viết văn trẻ thường thường đạp xe đi về qua đường Hồ Tây. Những buổi sáng sương mù những buổi chiều sương khói, đoạn sử kia càng nổi lên với không biết bao nhiêu hình tượng và màu sắc. Trên mặt hồ và như cả trời mây đều có bóng cò, giáp mã, đao kiếm, tiếng voi, ngựa, chiêng trống và quân reo. Cái cảm tưởng thời thơ ấu vừa man mác vừa băng khuông lại sống lại, càng thấy quý báu vô ngần.

... Phải, trong sử đã ghi rõ ràng Hai Bà đã nhảy xuống sông Hát Giang tự vẫn, còn Trần Bình Trọng thì đã bị quân Nguyên đem chém. Nhưng sao cả khi đọc xong những chữ in trên đây và mãi mãi sau này, mỗi lúc tưởng nhớ, tôi vẫn thấy cả Hai Bà và tướng Trần Bình Trọng tuy không còn nữa nhưng không phải là chết !

"Ta thà làm quý nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc !".

Trong cuốn Sử ký giáo khoa thư, Trần Bình Trọng đeo kiếm, hai tay bị trói chắp sau lưng, người cao lớn, đứng ngẩng mặt lên mà nói câu trên đây trước đám giặc. Tôi cứ phải mang hình ảnh đó cùng với Hai Bà Trưng cưỡi voi, vung kiếm, phát cò ở cả trước mặt và trong tâm trí tôi, không những ý nguyện

mà con thấy nhấp nhô, rùng rùng chuyển động và như có thể biến hóa làm thành nhiều thể khác, nhiều việc khác, nhiều cảnh khác...

Trần Bình Trọng thì giựt tung dây trói, tuốt gươm chém chết cả bốn tướng giặc lẫn quân canh giữ, cướp ngựa, vượt khỏi mấy trùng vây, trở về với Trần Hưng Đạo. Hai Bà Trưng thì quay voi lại, thu thập lại tướng sĩ, dồn thành một đội quyết tử dữ hơn cả sư tử, nhanh hơn cả báo, mạnh hơn cả thác và vững hơn cả núi, thúc vào giữa quân Mã Viện mà đánh phá tung hoành, và lấy lại các thành trì...

Sự diễn biến kỳ ảo này không phải chỉ ở Hai Bà Trưng và Trần Bình Trọng. Nó ở cả những anh hùng liệt sĩ khác mà tuổi thơ tôi được đọc hay nghe kể chuyện. Những Phan Đình Phùng, Đề Thám, Đội Cấn v.v... Nếu như tôi cứ mãi mãi cái tuổi lên tám lên chín và mười một mười hai, thì tôi vẫn thấy các Người ở đâu đây trong rừng, trên núi, ngoài biển, hay ở các làng, các ấp, các bản, các trại, các xóm, được che giấu bảo vệ, đóng tiền, đóng gạo, mua sắm khí giới hoạt động cho đến ngày Cách mạng tháng Tám thành công !...

Tôi không được học chữ nho ở một lớp có ông đồ, thầy trò đều nằm bò trên giường mà nghêu ngao. Tôi không được biết cái mùi tanh tanh mặn mặn của mực tàu và của mũi dãi ngoen ra mồm mép. Cũng như tôi không được biết những ngọn roi mây quất cùng cục lên đầu, lên lưng mà vẫn cứ trêu chòng cẩu véo nhau ngay lúc thầy vừa hiêng hiêng đôi mắt kính cúi

xuống đọc sách hay nhìn ra sân, gà đang ăn thóc phơi, hay ra ngõ, trẻ đang dỡ rào, hái trộm quả cây vườn nhà.

... Thiên : giới, địa : đất, cử : cất, tồn : còn, tử : con, tôn : cháu, lục : sáu, tam : ba, gia : nhà, quốc : nước v.v...

Tôi học theo hứng. Sách học bằng giấy tây, in chữ quốc ngữ cả âm, cả nghĩa, kèm theo chữ nho. Hình như có một lúc thì thuộc hết cả... chữ của thánh hiền trên kia... Tôi thuộc miệng, thuộc vì còn được nghe những đứa khác học. Sau đây, dù lên được lớp nhì, học thành một buổi ba giờ vào sáng thứ năm hần hoi, và được một cụ đồ đồ tú tài dạy thành bài và chấm bài, nhưng tôi vẫn không nhớ được mấy mặt chữ, tuy có bài, có đoạn tôi còn thuộc đến ngày nay :

Khổng tử viết : *tự thiên tử dĩ chí ư thứ nhân, nhất nhật giai dĩ tu thân vi bản* (Thánh Khổng dạy rằng : từ thiên tử đến người thường đều phải lấy sự tu thân làm gốc).

Nhưng tên các hiệu bánh kẹo, cao lầu, chè tàu, xe đạp và rạp hát tuồng, rạp chiếu bóng, thì tôi lại rất nhớ. Thí dụ như rạp chiếu bóng Đại Quang, hiệu bánh khảo, kẹo lạc Trung Nguyên, hay hiệu cho thuê xe đạp Phi Mã, hiệu phở xào Văn Nhân v.v...

Mặc dầu cung cách học tập và vốn liếng chữ nho của tôi là như vậy, tôi vẫn nao nao tâm trí mà ngâm nga bốn câu thơ của Lý Thường Kiệt :

Nam quốc sơn hà Nam đế cư

Tiết nhiên định phận tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư⁽¹⁾.

Tôi đã khoe với các bạn, tôi lỡ mồm ngâm và ca tụng thêm những câu thơ nọ truyền rằng của thần đã đọc cho vị nguyên soái nghe trong giấc ngủ bên sông, và khi nguyên soái ngâm lại trước ba quân, thì tất cả chiến sĩ thấy đều nức lòng chiến đấu.

Rồi tôi đi tìm Lý Thường Kiệt.

Tôi phải đi tìm Lý Thường Kiệt để biết nhiều hơn nữa, thật kỳ lạ nữa.

Tôi đi tìm Lý Thường Kiệt trong tiểu thuyết. Tôi không nhớ đúng là năm 1928 hay 1929 truyện *Châu chấu đá xe* xuất bản. Nhưng có một số chi tiết thành ấn tượng sâu sắc trong tôi. Tiểu thuyết ra từng tập mỏng bán có ba xu. Không bìa. Trang nhất in hình một con châu chấu, càng rất to, đá hất một cỗ xe trận, dưới có hai câu thơ :

Nực cười châu chấu đá xe
Tưởng rằng chấu ngã ai dè xe nghiêng.

(1) Sông núi nước Nam vua Nam ở
Rành rành định phận ở sách trời
Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm
Bay sẽ tan tành chết sạch thôi !

Hình như không có tên tác giả. Còn nhà xuất bản thì tôi thật quên hẳn. Hiệu sách là một cửa hàng bán giấy bút, nhưng cả mấy tủ kính tủ đứng cũng như quầy bàn đều lèo tèo, không những đã ít hàng bán lại còn cũ kỹ bụi bặm nữa. Hiệu mở ở đầu đường hẻm hoi, ngay trước trường Thành chung bề thế nhất thành phố. Không có hai cô duyên dáng, lịch sự, chữ nghĩa, trông như hai cô giáo, nói chuyện, tiếp khách cũng bằng tiếng Pháp như hiệu H.K. ; cũng không có một cô và bà bán hàng xuềnh xoàng và thường bán giá hạ hơn các nơi như hiệu T.N. cùng phố. Ở hiệu này tôi thường thấy một người đàn ông gầy yếu, có vẻ nho nhã, vừa ngồi đọc sách vừa bán hàng. Còn khách thì gần như chỉ có mấy đứa bé mê tiểu thuyết như loại chúng tôi và mấy người học trò lớn trường Thành chung, gọi là trường Ca-rô (Carreau) và trường Trong, gọi là trường Giuyn-lơ Phe-ri (Jules Ferry).

Không biết tôi đã được nghe đồn từ đâu hay nghe ai nói mà tôi phải đi tìm mua ngay truyện đó. "... Truyện hay lắm ! Sách vừa ra đã bán hết ngay ! Sách hình như cũng bị Sở mật thám chú ý rồi đấy ! Sách này mà không bị cấm thì còn là chạy !..."

Tôi chỉ mượn đọc được hai số. Cuối cùng, thấy hàng chỉ có mình bà chủ ngồi, vẻ dăm chiêu, còn tờ quảng cáo *Châu chấu đá xe* in to, dán ở cái bảng treo ngoài cửa thì bị lột đi từ bao giờ rồi.

Hình như hai số tôi đọc là hai số bị cách quãng đến bốn, năm số. Hình tượng Lý Thường Kiệt mà tôi đi tìm thế là vẫn mơ mơ hồ hồ, chung chung như những hình tượng các anh hùng hào kiệt nổi tiếng, cưỡi ngựa đeo kiếm, ngồi uy nghi dưới lá cờ sùy phấp phới trước ba quân, hay đang ruổi ngựa bụi mù đi chiến đấu. Còn đoạn cô bán rượu được tả rất xinh, rất đẹp, gánh hàng đi bán và rao bằng những câu thơ khích động lòng yêu nước, cứ làm tôi phải tự hỏi có thật như thế và có người như thế không ? Tôi thấy khác hẳn những trang tôi được học trong tập *Sử ký địa dư giáo khoa thư* hay trong cuốn quảng cáo của nhà thuốc ông Phật mập. Cũng như trong một số sách khác, không hiểu tại sao lại không có tích, có việc, có người như thế ?

Tôi đã được biết về cuộc chống xâm lăng và chiến thắng toàn bộ quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng của Ngô Quyền qua truyện *Tiếng sấm đêm đông*, và cuộc khởi nghĩa của Phùng Hưng qua truyện *Vua Bó Cái* xuất bản cũng khoảng 1928 - 1929 ấy.

Sau khi được biết tin chính thức đã có lệnh cấm và khám bắt *Châu chấu đá xe*, tôi lại càng cố ý đi qua cái cửa hàng sách đã phải đóng cửa nọ. Tuy từ nhà tôi đến trường, qua đường này vừa xa, vừa vắng, vừa lạ, nhưng tôi cứ đi một mình trong những buổi chiều rất lạnh.

Nghe bà nội tôi kể chuyện và tả cảnh, thì khu trường Thành chung với ngã tư này ngày xưa là khúc sông Vị Hoàng

chạy trước cửa Đông cửa thành Nam Định. Đây, trên bến dưới thuyền còn đông vui hơn cả bến tàu thủy. Đủ cả các ghe mành xứ Thanh, xứ Nghệ, và cả xứ Quảng xa xôi nữa. Họ chở nước mắm, dừa, đường, lụa Đàng Trong, đồ san sát từ gần cửa chợ, sông Vị Hoàng, qua phía sau phố Hàng Nâu, Hàng Song, đến cái chợ gọi là chợ Bến Đò Chè, trước mặt phố Bến Gỗ. Dân Nam Định có câu nói cửa miệng : "Bao giờ sông Vị Hoàng hết nước thì làng Vị Xuyên mới hết trạng nguyên và khoa bảng". Bà tôi đã thần thờ nói với tôi : "Tây nó hiểm lắm, nó cho lấp con sông Vị thì long mạch tỉnh Nam bị cắt, làm sao còn phát được nữa !".

Bà tôi còn thì thầm, ông Cử gì cháu đích tôn một cụ đốc học bị cuồng chữ, Tây đánh thành xong liền cho ngay người gọi ông ra làm quan nhưng ông nhất định không nghe ! Mỗi lần lên con lại đi lững thững chỉ cười một mình ở bến tàu thủy... Và mỗi lần thấy tàu của Tây đi qua là ông quay lưng lại, lấy quạt che mặt mà khóc hu hu...

Cũng chính trên quăng sông Vị đây, tàu chiến Pháp đã kéo cờ chạy từ ngoài sông đào vào, một mặt đổ quân lên bờ, một mặt bắn súng đại bác vào thành. Cùng lúc đó, quân Pháp và những tay súng giỏi nhất còn lên cả nóc chuông nhà thờ, chiếu ống nhòm xem xét binh tình trong thành và bắn tỉa quân ta.

Bởi vậy tôi càng băng khuâng trước hiệu sách cửa đóng lạnh ngắt mà tiếc tập truyện không được ra tiếp để đọc thêm

những trận đánh chắc chắn sẽ diễn ra còn phải kỳ lạ hơn, với những đoạn văn ái quốc, cũng sẽ còn lâm ly, hùng tráng hơn, về chiến thắng lẫy lừng của vị danh tướng Lý Thường Kiệt kia.

Sau này đọc *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú, tôi còn biết rõ rằng, nơi Lý Thường Kiệt nằm mộng được nghe thần đọc thơ là ở đền thờ Trương Hồng, Trương Hát. Còn nơi Lý Thường Kiệt ngâm thơ trước toàn quân là bờ sông Như Nguyệt, ngày nay là sông Cầu. Cách đây vài cây số, phía trên là đền thờ Trương Hồng, Trương Hát, phía dưới là làng Thổ Hà vừa chuyên làm đồ gốm vừa chuyên nấu rượu. Rượu Thổ Hà Ngon có tiếng và đã thành thơ. Không biết cô hàng rượu xinh đẹp xưa gánh rượu đi bán và hát những câu hát để khích động lòng yêu nước của mọi người tả trong *Châu chấu đá xe* có phải là gái Thổ Hà không ?

Rồi tôi được đọc *Đại Việt sử ký toàn thư* của Ngô Sĩ Liên, tôi lại được biết thêm người anh hùng mười sáu tuổi, kéo lá cờ thêu sáu chữ vàng "Phá cường địch, báo hoàng ân", mộ trai tráng và đem quân bán bộ cùng toàn dân đi đánh giặc nước thời nhà Trần, là Trần Quốc Tuấn ấy, đã truy kích quân Nguyên đến sông đây rồi bị tử thương.

Sông Cầu nước chảy lơ thơ.

Đôi ta thương nhớ bao giờ cho nguôi...

Ai thương nhớ ai đây ? Những đôi trai gái quê hương quan họ chèo đò trên sông hay cuộc bãi, hái dâu, tra ngô, xới

đổ bên sông, khi cầm tay nhau hát, làm sao mà lại không thấy vẫn còn trên sóng nước Như Nguyệt những ngân vang của bài thơ xưa và tiếng quân ta hò reo ?

Tiếng sấm đêm đông - chuyện Ngô Quyền đánh quân Nam Hán viết thành tiểu thuyết - cùng với *Vua Bồ Cối* chuyện khởi nghĩa của Phùng Hưng - cùng xuất bản thời kỳ này, tôi phải mua ngay vì nghe nói sách ấy rồi cũng đến bị cấm. Chúng tôi đã chuyền tay nhau đọc rất nhanh và đã chọn những bạn thật tốt, thật thân mới cho mượn và để giữ sách. Tôi không nhớ người cuối cùng trong bọn tôi được cái vinh dự và lòng tin cậy đặc biệt của anh em và được anh em giao sách là ai. Tôi cũng không nhớ chúng tôi còn giấu giếm và đọc thêm bao lần nữa, sau khi thấy nói chính thức có nghị định cấm và sách bị thu, bị bắt. Cố nhiên không đời nào tự tay chúng tôi đốt hay xé đi, mà hình như một nhà nào đó vẫn cứ giữ sách... Vì thế những khi muốn tỏ ra mình can trường và quan trọng, chúng tôi vẫn kín kín hở hở với một số bạn rằng sách vẫn còn. Hay kiêu hãnh kể lại một vài đoạn văn mình thuộc, bảo sẽ còn nhiều đoạn ghê hơn nữa, và lại kín kín hở hở cho biết chỗ giấu sách cũng như người giấu sách ấy rất là bí mật !

Cuốn sách viết về cuộc kháng chiến chống quân Nguyên tôi được đọc thì không viết thành tiểu thuyết, và tôi cũng không nhớ tên. Hình như vào loại nghiên cứu nhưng lại viết một cách văn hoa, do đó tôi càng say mê thêm với các tướng như Dã Tượng, Yết Kiêu, Phạm Ngũ Lão. Còn Ô Mã Nhi, Phàn

Tiếp, Tích Lệ Cơ Ngọc, Thoát Hoan đối với tôi thành những tướng giặc man rợ, mỗi kẻ một mặt mày hình tượng đặc biệt găm ghiếc mà tôi tưởng tượng lấy. Tuy không được vào chương trình giáo khoa, nhưng bài *Hịch tướng sĩ* cũng in sâu vào trí nhớ tôi và tôi cứ phải ngâm nga :

Mẹo bạc gian khó đặng mưu quân

Vợ con thêm bận vướng chân

Ruộng vườn khôn chuộc tấm thân ngàn vàng

Đầu giặc dễ có vàng mua được

Sức chó săn đuổi chước giặc sao

Rượu ngon giặc chẳng lao đao

Hát hay giặc chẳng hơi nào diếc tai...

Chao ôi ! Liêm sỉ của một người dân sống lúc non sông Tổ quốc đang ở trong cảnh nước sôi lửa bỏng !

Bên cạnh Uất Trì Kính Đức, một sự tích xưa nữa được Trần Hưng Đạo gọi thêm để binh tướng suy nghĩ :

... Nuốt than Dự Nhượng đền bù nước non...

Nghĩa sĩ Dự Nhượng trong Đông Chu liệt quốc đã tự hoại một phần thân thể để biến thành tàn phế mà ra đi làm kẻ ăn mày báo thù cho chúa, khiến vợ qua mặt mà cũng không biết đấy là chồng mình. Nhưng có một người quen, đi đường nghe tiếng Dự Nhượng kêu van thì nhận ra ngay, bèn lừa lúc vắng gọi Dự Nhượng báo cho hay điều đó. Dự Nhượng liền

nuốt than cháy bỏng cho giọng mình thay hẳn. Cuối cùng, Dự Nhượng đã vào được đất kẻ thù và trả được thù...

1929 - 1930, tôi vào học trường Trong ở một khu thành trì còn lại. Lớp tôi cũng như lớp nhì, lớp nhất khác, được ở trên mặt thành cao, từ dưới đất lên có đến hơn hai mươi bậc gạch. Ngay trước hàng hiên cửa lớp, có những cây bàng, sấu, cơm nguội, xoan tây rất to và những bụi ruối, gừng, ô rô. Hàng hiên phía sau chạy dài hơn mười lớp, trông ra một dải đầm sen và những ruộng lúa. Đầm này ngày trước là hào, nay vẫn còn nhiều chỗ nước ngập đầu. Dãy lớp cuối cùng ở mặt thành trông ra xa về phía đồng quê mấy huyện Vụ Bản, Ý Yên và dãy núi Ninh Bình.

Những trưa nắng, đến trường sớm, chúng tôi thường rủ nhau chúi vào những bụi ruối, những hốc cây đọc truyện. Riêng tôi, hay đi sớm hơn cả, tôi thường tìm những chỗ rậm rạp, gai góc và héo lánh, kiếm lá cây trái ỏ mà nằm thơ thẩn. Nếu không ở những chỗ này thì tôi lên bờ thành, ngồi trên tường lan can mà nhìn về phía xa có chân mây và núi mờ xanh. Càng gần cuối năm lạnh giá, mặc dù không một học trò nào dám ra chỗ hiên sau hút gió ghê gớm, tôi vẫn cứ ngồi. Tôi thấy da thịt càng tê cóng thì sự tưởng tượng càng thấm thiết và trí nghĩ càng man mác.

Những Phù Đồng thiên vương, An Tiêm, Trưng Trắc, Trưng Nhị, Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, Đinh Bộ Lĩnh, Trần Quốc Toàn,

Dã Tượng, Yết Kiêu, Lê Lợi, Lê Lai, Quang Trung, Nguyễn Huệ...
và bao nhiêu cảnh non sông càng thăm thẳm, vời vợi và ngời
ngời kỳ diệu với bốn tiếng *Tổ quốc và Việt Nam*.

Ôi ! Tổ quốc Việt Nam trong sử sách đã nhập hồn vào
tuổi thơ tôi.

Chương III

NHỮNG TIẾNG HÁT VÀ NHỮNG
ĐÀO KÉP ĐẦU ĐƯỜNG

RẠP HÁT ẤY Ở PHỐ HÀNG THAO, NGAY CẠNH PHỐ tôi. Nhiều đêm, tiếng trống, tiếng thanh la, tiếng hát, tiếng thét văng đến cứ rõ mồn một. Nhà tôi bán hàng cơm và chứa trọ. Thỉnh thoảng lại có khách cho tôi đi xem cùng. Khách đàn bà cũng có. Vì tôi thuộc nhiều tích, ngồi bên tôi, được tôi kể trước cho nghe, tán rộng thêm, các khách đó rất chiều tôi. Tôi có thể ngồi ghép nhưng cũng lấy cả vé, và tha hồ ăn quà !

Phố Hàng Thao này lại còn nhiều nhà hát cô đầu, mỗi nhà lại mở cửa hàng bánh hay tạp hóa, thợ may ở gian ngoài. Phần nhiều là hàng bánh, chuyên bán những thứ cho khách đi hát như bích qui, xu xê, bánh cốm, mít, chè và rượu tây. Phố còn có ba bốn hàng phở và hai hàng ăn dọn cả cơm tây, mùa bức bán kem, nước chanh, nước đá. Nếu không xem hát thì tôi cũng thích đến đây với các đám xẩm thường hát ở ngay

ngã tư, chỗ các người kéo xe và hàng nước, hàng quà bánh tụ tập đông nhất với đủ các hạng người, từ lính khố xanh, khố đỏ, bồi bếp, cu li, phu mỏ đến các người làm ăn nhỏ nhặt và thất nghiệp, đói rách lang thang.

Mặc dầu quần áo, mũ măng rất đẹp, rất quý, diễn với các phong cảnh hết sức rực rỡ, choáng lộng, và sắm những vai nổi tiếng trong các pho tuồng, pho truyện đặc sắc, được cổ động cũng rất rầm rộ nhưng các đào kép ấy vẫn không làm tôi nhớ được tên và hình ảnh chính của họ... Tất cả những Quan Công, Lã Bố, Triệu Tử Long, Diêu Thuyền, Phàn Lê Hoa, Bàng Quí Phi, Ô Hắc Lị, vân vân, chỉ còn được giữ lại trong trí tưởng tượng vài ba nét chung chung mờ nhạt. Cũng như các màn, các lớp, các phong sắp xếp rất công phu của những tối có các vai thi nhau sắm và quảng cáo rất ghê bầu gánh của mình, sau này đều bị tôi quên gần hết !

Nhưng, mấy người xẩm mù, mấy đám hát rong và mấy đào chèo đầu đường ấy, tôi lại nhớ rất kỹ. Thứ nhất là ông xẩm Mạc-xây-e hay còn gọi là ông xẩm Đền Châu Đốc. Giữa mùa hè, những tối nóng oi nhất, cũng như giữa những đêm mùa đông giá buốt nhất người xẩm mù này vẫn mặc áo vải vàng. Cái áo cũ lính tây cổ đứng, cúc đồng to, nổi hình mớ neo, cài kín quá bụng, bốn túi có nắp, cũng cúc đồng. Quần thì quần to, vải nâu bạc phếch. Chân đi giày da bò cao cổ, khâu vá chằng chịt, mà vẫn há mồm. Đầu đội nón sơn. Cái nón còn dùng để làm chậu ngả ra đón tiền của khách cho,

khách thưởng. Cũng chống gậy. Nhưng là thứ ba-toong bằng song mặt hần hoi, chỗ tay cầm cong cong, đầu bịt đồng vỏ đạn.

Ông ít hát ở ngã tư hay máy nước. Thường thường tôi gặp ông ở mấy hàng cao lâu, hàng phố, ở trước máy ô-ten⁽¹⁾ nhỏ hay hàng kem, bia. Cũng có khi ông hát ở hàng nước đầu ghề ngoài bến tàu thủy và xuống cả dưới tàu. Đi vào mấy hàng cao lâu gần phố tôi, ông chẳng cần ai dắt hay quờ quạng gậy. Ông lần bước qua thềm, qua bậc cửa chính, qua cửa buồng rồi đến đứng ngay bàn, chỗ có người lính tây hay lính ta đang ngồi, mặc dầu trong hàng rất đông, ăn uống ồn ồn, đi lại tấp nập. Mi mắt ông chớp chớp, mũi ông khịt khịt nháy nháy mấy cái. Ông động thẳng ba-toong xuống đất, tay chống khuỳnh khuỳnh ra như điệu ông tướng già hay quan nhà binh nào đó trên màn ảnh, sau khi ông ngả nón, nghiêng mình, đồng dục chào bằng thứ tiếng Tây bồi ngày đó :

- Bông-xua me-sừ xéc-dăng (kính chào ngài đội).
- Bông-xua me-sừ ca-pô-ran (kính chào ngài cai).
- Bông-xua me-sừ... vân vân.

Cũng không biết vì quen bàn, vì quen khách hay có một thứ giác quan và năng khiếu nhận xét gì đặc biệt, mà những người ông chào họ thường đúng là đội, là cai hay là lính thường.

(1) Khách sạn.

Rồi ông cất tiếng :

- À-lông dăng-phăng đơ la pa-tơ-rì...

Lờ dua đố gơ-lòa e ta-rì-vê...⁽¹⁾

Hai câu đầu này trong bài quốc ca của Pháp hát bằng một giọng già yếu đã khàn khàn nhưng vẫn có một rung vang đặc biệt, và thường làm cả phòng ăn ngạc nhiên. Cũng có khi xong bài này rồi ông sang một bài hát khác, nhưng thường ông chưa dứt mấy câu đầu thì những đội Tây, cai Tây, lính Tây kia hoặc cho ngay tiền ông, hoặc khật khưỡng đứng ngay dậy, lắc lắc vai ông, lắc lắc tay chống ba-toong của ông, bảo ông cho nghe bài khác mà là bài của ta, điệu *bình bán* hay *hành vân* gì đó, đoạn mới cho ông tiền.

Nhiều lần tôi thấy những người lính nọ, hoặc đang phùng phùng hơi men, hoặc đã say mềm, hoặc đã ăn xong, họ giúi cho ông cả khúc bánh tây và những miếng thịt bò, thịt gà ăn dở. Nhưng ông liền chấp một cánh lại để ngang trước ngực, khề cú đầu nói : "Mét-xì... bố-cu mét-xì me-sừ"⁽²⁾, rồi trả lại vào bàn, không lấy. Rồi cả khi bọn khách kéo nhau ra đi, người bồi bàn lấy giấy gói bánh, gói thịt lại đưa vào tận tay hay giúi vào túi ông, thì ông liền ẩy ẩy tay, lắc lắc đầu : "Xin cảm ơn ! Xin cảm ơn !".

(1) Allons enfants de la Patrie... Le jour de gloire est arivé. (Tiến lên hỡi các con của Tổ quốc... Ngày quang vinh đã rồi...)

(2) Cảm ơn... rất cảm ơn các ngài.

Bia hay rượu cho ông thì ông nhận, nhưng phải là bia là rượu mới rót và rót bằng cốc khác, ly khác. Ông đón lấy cái cốc, cái ly nọ, cánh tay cầm giữ rung rung cho tới khi hát xong bài thì giờ lên, nghiêng mình mời lại và uống một hơi cạn.

Với các bạn lính ta hay người ta, thì ông xắm lại bắt đầu bằng một bài cũng rất lạ, tôi không nghe thấy ai hát cả :

- *Đèn nào cao bằng đèn Châu Đốc, đất nào dốc bằng đất Nam Giang, em tiến đưa chàng hai hàng châu lệ...*

Ông hát giọng... Sài Gòn (tôi đoán thế và tưởng thế, nhiều người cũng cho là như thế), gân cổ, gân mặt và gân tay, rồi sắc mặt, trán, thái dương và cả người ông rung rung, run rẩy như phải cố gắng quá sức.

Ông xắm Mạc-xây-e hay ông xắm Đèn Châu Đốc kia chỉ đi một mình. Ông có vợ, có con hay không ? Ông ở với ai và ở đâu ? Sao ông lại mù ? Ông mù từ năm nào ? Cái áo vàng ông mặc là áo cũ của ông hay của ai cho ? Nghe nói ông đã đi lính sang Tây, vậy ông là lính gì ? Có đi trận đánh nhau với Đức hay với quân nào không ?

Tôi còn nhớ rõ vì tôi đã rất chú ý đến mái đầu của ông, trán ông hói, đỉnh đầu nhẵn bóng, tóc lơ thơ bạc. Gò má ông cao, hốc mắt sâu trũng như liền da lại. Có lần ông hát bài Đèn Châu Đốc xong, ông xoe tay vuốt từ trán xuống mắt, rồi nấc nấc, thì tôi thấy hình như ông khóc, và khi ông vuốt qua

hốc mắt, thì như có nước mắt giàn theo chứ không phải là mồ hôi vã !

- Đất nào dốc bằng đất Nam Giang

Em tiễn đưa chàng hai hàng châu lệ...

Ông xẩm già mù đã đi lính sang Tây kia ơi ! Ông có đi qua Sài Gòn hay có ở Sài Gòn không ? Ông đã nghe ai xưa hát, và ai xưa đã dạy ông bài hát đó vậy ?

... Đầu phố tôi mở ra liền với hai ngã tư, từ đây vừa lên thẳng chợ chính vừa xuống thẳng bến tàu chính của thành phố. Từ năm có điện có nước máy, đêm đến lại càng đông người tụ tập. Những bàn quay số lấy kẹo bánh và lấy cả mâm đồng, chậu thau và đồng hồ. Những xe phở đóng theo kiểu tàu Bắc Kinh, làm cả phở xào, phở áp chảo và bán bánh ngọt như một hiệu cao lâu. Những hàng nước dọn đầy chõng hoa quả, kẹo vừng, kẹo lạc và có cả tủ kính bày các thứ thuốc lá và dán ảnh chè, ảnh thuốc lá. Những gánh nước đá bào, thạch, chè sen có không biết bao nhiêu lọ, liễn đựng sẵn nước đường pha xanh đỏ thả các thứ hoa ngọc lan, hoa nhài, và cắm các thứ chong chóng, chim bướm bằng giấy bóng màu. Và những đám xẩm... xẩm xoan, hát chèo...

Có vài bọn chèo to gần như gánh chèo quê đi các làng các huyện. Không có hòm đồ, gánh gồng lếch thếch, mỗi người chỉ xách hay quấy mấy cái khăn gói, nhưng cũng đủ cả kếp

già, kếp trẻ, đào già, đào trẻ. Khách xem thích thú muốn bảo diễn tích gì họ cũng chuyển theo được ngay. Bởi vậy, nhiều tối, khu ngã tư đông nghịt, người xem leo cả lên các xe bò, các cột điện, đứng ra gần chặt lòng đường.

Không phải chỉ có những người làm ăn nghèo hèn, lính tráng và phu phen xem, mà cả những ông chủ bà chủ và con cái nhà có bờ hè, có hàng hiên gần đấy cũng bắc ghế ra gần cửa, ra lan can gác mà thưởng thức... Hay nói nôm na là xem không...

Phần đông họ ở Hưng Yên, ở Thái Bình sang, hay ở Bắc Ninh, Hà Nam xuống. Tôi không thể so sánh được họ với những gánh tuồng, chèo, cải lương có tiếng và chuyên diễn rạp, hơn kém nhau thế nào. Tôi chỉ được nghe nói, nghe đồn rằng họ phải là những đào kếp lão luyện lắm mới dám đi hát rong tứ phương thiên hạ như thế. Tôi chỉ còn nhớ, giữa ngã tư ồn ào xe cộ và trẻ con người lớn chen chúc nhau, nhưng tiếng hát, giọng hát vẫn trong ngần, vang lảnh và rõ từng cung bậc. Cả mấy ông kếp già, mấy cô đào già, quần nâu áo vá, mặt mày đầu tóc chẳng phấn sáp, khăn mũ gì cả, nhưng điệu bộ vẫn duyên dáng, nhịp nhàng, khiến tôi cứ tưởng như họ đang ở trong các sự tích đã vẽ thành tranh hay in thành bản chèo, thành sách, thành truyện. Họ vừa cất tiếng hát hòa theo tiếng nhị, tiếng phách, tiếng trống, là làm người nghe phải nhập đồng ngay.

Bọn xắm vịn vai nhau đi hàng ba người. Hoặc hai đàn ông, một đàn bà ; hoặc một đàn ông, một đàn bà và đứa bé. Thường thường là hai vợ chồng mà không con, hay đi với một đứa con. Có một ông già và một đứa bé con gái thường hát ở đầu phố tôi cũng rất đông khách. Riêng tôi, tôi rất thích ông xắm và con bé xắm này.

Ông già đặc nhà quê, đầu vừa cạo trọc vừa hói bóng như một pho tượng La Hán trên chùa. Áo vải nâu da bò, cúc tết cài một bên may rộng. Quần sồi mộc, may lá tọa, vàng xin, vá đũng, đắp cả hai đầu gối, nhưng trông rất sạch. Có lẽ vì người ông gầy xương và khuôn mặt vẫn sáng vẫn tinh, nên ông có vẻ nhẹ nhàng thanh thản, phong độ một cụ kếp tài hoa hơn là một ông xắm mù lang thang vợ vất.

Cái bé gọi ông là ông, nhưng tôi thấy tuy không ra vẻ là ông cháu ruột, mà lạ, có một tình thân thương đặc biệt. Nó chũm mồm như một củ khoai bột, và, chắc được "ông" chăm chút, nên quần nâu áo nâu cũng rách vá, nhưng gọn ghẽ sạch sẽ như ông vậy. Tóc nó để cùn cụt, có hai trái đào, khi đóng trò thì quấn một vành khăn lụa màu cánh sen, bên cạnh ông già bịt chiếc khăn màu tam giang, vắt thêm một miếng lụa bạch trên vai...

Ông già chỉ hát một vài câu hát xắm, sau đấy đông khách, hỏi khách thích tích gì thì chuyển sang tích ấy với các màn trò sở trường của mình. Ông chuyên sắm vai hề. Còn con bé chuyên sắm vai học trò hay nữ đẹp. Từ chủ quán, hề đồng

đến phù thủy, thầy cúng, lính lệ, phó lý, tuần phiên, mẹ mỗ... ông già sắm vai nào cũng cứ như mới ngoài hai mươi tuổi tinh anh, sắc sảo, ý nhị, linh hoạt và vững vàng vô cùng. Đám đông cứ phải cười rộ lên, cười sặc sụa, cười như thét, cười quặn bụng, cười giàn nước mắt, cười ngất, đấm nhau mà cười, ôm nhau, cắn nhau mà cười, cười đến khản cổ, đến là cả người... Rồi lại khoác vai nhau, bá vai bá cổ nhau, lại mời trầu, lại kiếng chân, lại nghển cổ, lại hơn hớn mà nhìn mà nghe và lại cười nữa... cười nữa.

Trong khi ấy, ông già xắm mù đầu trọc chít khăn nhiễu tam giang, quần bỏ lá tọa, phe phẩy cái quạt nan to như những chiếc đũa cã, tay thước dất bên hông, mặt mày cứ tỉnh như không, và chẳng còn một vẻ một dáng gì già lão gầy yếu hết ! Nhưng mồ hôi ông đã ướt đầm cả ngực áo, cả lưng áo, và trán cứ như có bụi mưa chảy đọng...

- Thế này mà ông lão không đi diễn rạp thì lạ thật !

- Không biết ông lão đã đi hát cho những gánh nào rồi vậy ?

- Hề diễn như ông lão thì đúng là "cụp" ! Các hề thiên hạ chỉ có đi bưng điếu, cắp chiếu theo ông lão.

Nhiều người lặng hẳn đi, không cười, mãi sau mới gật gù nói với người đứng bên những câu trên đây.

Cả cái bé cũng cười. Nhưng nó chỉ mუმ mím, xòe cái quạt Hới che miệng, đôi má bầu bầu ửng lên, cặp mắt lúng

liếng sáng thêm. Rồi nó rất bình tĩnh nhập ngay vào Châu Long, Thị Kính, mẹ Trương Viên, Cúc Hoa v.v... với những điệu hát chưa được thuần thục lắm, nhiều tiếng nói còn ngọng, nhiều làn nhiều cung còn ngượng, rõ là trẻ con đóng. Người xem nào cũng vui thích, thưởng cho luôn, tiền cứ ném xoang xoảng xuống cái chậu thau xinh xắn như chậu thau của các bà hầu đồng dùng để rửa mặt bằng rượu hỏa thang hay nước hoa.

Ông già xẩm này không có tên và cũng không ai biết ông cháu ở đâu và từ đâu đến. Nhưng điều người ta biết chắc là hai người không phải ruột thịt, họ hàng. Kê thì bảo ông cụ xin được của một người ăn mày, một mụ chữa hoang nào đó, nuôi dạy cho ngay từ ngày tập ăn tập nói.

... Bẵng đi khá lâu, tôi bỗng thấy một đứa con gái giống hệt cái bé cháu ông già chuyên sắm các vai hề nọ, dất một ông già khác cũng mù nhưng chỉ hoàn toàn hát xẩm. Không, chính nó mà ! Nó chít khăn xô, có ai hỏi thì bảo để tang ông trước. Ông trước mất đã được một giỗ. Ông bị cảm nặng chết ở ngay giữa một đám xem cũng đông nghìn nghịt. Cái bé đi xin tiền làm ma cho ông trước. Rồi nó phải vào hát cho một chủ rạp ngoài Hải Phòng. Nhưng chỉ được mấy tháng thì nó bỏ trốn, lại về Nam Định, và xin đi theo ông xẩm mới.

... Tôi có cảm tưởng những buổi tối mùa hè năm ấy nóng bức oi ả hơn ngày nay rất nhiều nhưng với tôi thì chẳng mùi vẩn gì cả. Trời càng tắt gió, sao mọc càng dày, bụi đường

và không khí càng lắm càng đặc, thì đường phố chỉ càng đông vui hơn. Và thích nhất là nằm trái chiếu ngoài hè mà trông lên dải Ngân Hà, tìm ông Thần Nông và con vịt rồi ngủ thiếp đi lúc nào không biết, sau khi nghe xẩm, xem chèo về khát uống hàng gáo nước mưa hay nước máy.

Đi nghe, đi xem, ngồi chồm hổm dưới đất ở vòng trong cùng, phải chen chúc mãi mới vào được, nhiều lúc tay quạt và ống quần của người múa hát lướt ngay trên đầu và qua mặt mình... Đi nghe, đi xem mà ngược mặt lên nhìn rõ cả làn gân cổ và nét mặt người hát, nhìn rõ cả hàng mi người hát lim dim và cặp môi hé hé... Đi nghe, đi xem mà thấy cả mùi trầu quế với các làn điệu thật từ miệng người hát phả ra... Đi xem mà trong lòng cũng reo lên đón từ những đồng trinh, đồng xu đến những đồng kền ném vào chậu thau mà người gõ trống phách cứ gõ trống phách, đang hát đang ca cứ hát cứ ca, một tay vẫn nhặt vẫn đếm... Đi xem đi nghe đôi lúc trí tưởng tượng như vút lên để đón những cái gì như hoa thơm, như ánh sáng, như gió mát, như thần tiên. .. Đi xem, đi nghe mà bên tai thỉnh thoảng vẫn thấy ùm ùm tiếng còi tàu trên sông nước ở sau lưng mình và đâu đây hương hoa đêm sức nước... Ôi, kỳ khoái !...

Rồi về ngủ thiếp trên những cánh cò, những hương lúa, những tiếng trống ; bên cạnh mình vẫn y nguyên những Thạch Sanh, Cúc Hoa, Thị Kính, Lục Vân Tiên và những hề đồng, những chủ quán, những cô đào chẳng son phấn gì mà thật

mỏng mảy hay hạt, những đứa bé rách rưới và còm cõi cũng bé dại như mình mà đã biết múa hát, và phải múa phải hát để có cơm mà ăn, tự nuôi mình sống...

... Nhà bác họ tôi lại phải tìm người làm mới. Một nhà hơn hai mươi người, bà cháu, bố mẹ, vợ chồng, anh em, con cháu... chẳng ai muốn, chẳng ai chịu cất nhắc chân tay dù chỉ là thối lấy miếng cơm mà ăn, thì không có người hầu hạ sai bảo sao được ? Những con sen, thằng nhỏ trước chẳng ai đậu được lâu ở nhà này cả. Bởi vậy, khi thấy người mới đến này, tôi rất ngạc nhiên, và chẳng phải việc của tôi, tôi cũng cứ nghĩ vợ nghĩ vẫn.

Con sen này cũng là người nhà quê, nhưng gọn ghẽ, xinh xắn, trắng trẻo. Không biết vì gia đình gặp vận hạn, bố mẹ túng thiếu, hay vì nhân duyên trắc trở ra sao mà phải đem thân ra tính làm con sen cái nhài như vậy ? Và không hiểu do ai mách mối, hay tính toán lợi lộc thế nào lại vào chốn này mà làm mà ăn ?

Phải, nhà bác họ tôi tuy giàu có, nhưng hơn hai mươi bà cháu, bố mẹ, vợ chồng, anh em, con cháu, toàn những người ăn không, nay đã giả môn bài, ngôi hàng sũ nghề nghiệp căn bản từ mấy đời bỏ hẳn, thì cái thế sa sút cũng rõ lắm rồi ! Đã thế, cảnh ăn uống chất bóp kham khổ, chênh lệch, riêng tây, càng ngày càng như cái ung lên mù chỉ rình vỡ ra.

Như vậy, dù là phải đổ mồ hôi lấy bát cơm ăn, thì cũng chẳng nên ở đây mà sống !

Nhất lại là con gái, một người con gái đang thì, khỏe mạnh và có nhan sắc hần hoi ! Từ hôm đến ở, ngoài việc xay thóc giã gạo và thổi nấu hai bữa chính cho phần lớn gia đình ăn uống, cái sen còn phải đi ra máy gánh nước. Đang mùa bức. Nước tắm giặt đã có mấy bể nước mưa, nhưng nước thổi cơm cho bếp nhà dưới và nước rửa mặt cho bếp nhà trên, cũng phải hàng chục gánh. Hàng chục gánh ở một máy nước đầu ngà tư, mấy phố châu vào, rất đông gia đình lam lũ từ mờ sáng tới khuya cứ phải xếp hàng chờ nhau từng thùng, từng thùng... vậy mà cái sen cứ đi hết gánh này tiếp gánh khác, nhanh nhẹn, dễ dàng, tươi cười như không !...

Tôi đã so tính những công việc của cái sen với bữa ăn hằng ngày. Tuy được ăn thật no nhưng vẫn là phải ăn sau, ăn thừa. Và cho dầu ăn khỏe mỗi bữa đến mười bát cơm thì cũng chỉ ba xu gạo với một xu rau dưa, tương cà. Như thế, mười gánh nước giá một hào, hay giá thuê những ngày nắng, máy nước nhiều nơi bị hỏng bị khóa, là hào rưỡi, nếu tính trả cho cái sen thì vẫn dư tiền cơm. Vậy thì ở làm gì cho khổ, cho nhục ? Dù có được thág một hay hai đồng tiền công, dù hồng năm, quần áo, yếm, khăn vuông được may được sắm đủ lệ bộ !

Bỗng một buổi tối, tôi thấy cả nhà trên, nhà dưới xáo xác lên hỏi nhau :

- Cái sen đi gánh nước à ? Cái sen ở ngoài máy làm gì mà lâu thế ?

Tiếp đó tôi thấy ngoài cửa, ngoài đường cứ ồn ồn :

- Ra máy nước mà xem, ra máy nước đầu ngã tư ấy mà xem !

Tôi lồng ngay đi. Tôi phải chen mãi mới vào được bên trong đám đông. Toàn những người đi ở gánh nước và là những trai tráng, những tay sừng sộ ở đây. Nhưng không có đánh nhau, đâm chém gì cả như mọi khi. Cái sen nhà bác tôi đang đứng giữa đám đông, tay cầm tay một anh cũng gánh nước, áo may ô trắng, quần chực bầu trắng, bị chéo một mùi xoa ròn rọc hắt trên trán. Mặt cô ta đỏ ửng, cúi cúi, mắt long lanh hơi đung đưa, môi trầu cắn chỉ cười e lệ :

Em về là anh chẳng anh chẳng cho về

Anh cứ... cứ giữ nón...

Ồ hay ! Thật cái sen nhà bác họ tôi đang hát. Còn cái anh vừa cầm tay kia không những chỉ giữ nón của cô mà còn giữ cả gánh nước của cô nữa. Thùng tôn đầy giàn nước ở dưới tay hai người. Một chàng ra vẻ đàn em đặt chiếc đòn gánh của mình tì lên một mép thùng để trợ sức đàn anh, và cũng như để đối phó cả với rất nhiều bà đứng tuổi, nhiều con gái khác. Họ cũng đi ở, gánh nước thuê, oai phong lắm liệt, nhưng không sát khí đằng đằng, mà rất hoan hỉ về bè với cái sen này từ đâu mới đến ở số nhà 25, cũng biết hát và làm sao

lại dám hát ngay với tay trai hát đám mà ai cũng phải chịu thua, ở khu bến gỗ và bến tàu đây !

Sau buổi đó, hễ cái sen cất gánh ra khỏi nhà là có người gọi, người theo. Nhất là các bà đứng tuổi chuyên mồi manh ngoài máy và mê tuồng chèo.

Ít lâu sau, chị sen - tôi phải gọi bằng chị lúc nào không rõ - không gánh nước ban ngày nữa. Có thể vì nhà bác tôi ngăn cấm ; có thể tối đến được rồi rãi hơn và ngoài máy đông vui hơn. Rồi trời càng nóng nực, nước càng khan, thì quăng phố đầu ngã tư lại càng như họp chợ, như mở hội. Đèn các hàng nước, các gánh quà, mía, bưởi, bánh kẹo, cứ giăng giăng chung quanh các cột đèn điện. Không những mình chị sen nhà bác họ tôi mà còn nhiều người con gái khác nữa hát. Cũng như không chỉ có trai phố nhà mà cả các trai ở những phố trên hay ở các nơi cũng đến mời trầu và xin bạn hát.

Thế rồi nhiều tối, ở trước cửa nhà bác họ tôi và mấy cột đèn gần đấy, có cả người các nơi kéo đến tụ tập còn đông hơn ngã tư. Bây giờ các bà đứng tuổi đàn chị được thể bèn "mời" các trai bạn phải đến nhà đến cửa nhà gái mà hát ! Còn thiên hạ thì nghe hát chỉ là phần phụ, phần chính là để xem mặt nữ trống quân phố tôi tiếng tăm đã đồn thổi đi rất xa...

Phố Hàng Sũ tôi là một trong những phố buồn vắng nhất tỉnh. Tối đêm còn ai đi xem đi sắm sắm ván ? Chính nhờ những buổi đàn đúm hát xướng này mà nhộn nhịp khác hẳn.

Bực thêm nhà tôi trở thành như một bực lễ đài long trọng của những buổi hội bà thánh Giăng-đa hay hội Cát-tó⁽¹⁾. Đứng trên đây là mấy bà loại ăn nói và những bạn sắc sảo của chị sen. Cố nhiên có các trai gái, con cái mấy nhà hàng phố. Dưới hè và mặt đường, người xem đã đứng kín, lại còn các hàng, các gánh, các xe cộ. Để giữ cho đám hát không bị lộn xộn, mấy tay có tiếng là "anh chị" và cũng là tay tỏ ra mình lịch thiệp ở mấy nước, thân đứng trấn chung quanh, dẹp cho rộng chỗ chị sen và trai bạn đứng hát, cánh nhau hần ba bốn sải tay, có cọc đóng rất chắc. Từ đầu cọc bên này sang đầu cọc bên kia, căng thẳng một sợi dây thép ghì trên mặt một thùng sắt tây sáng như tráng thiếc. Mỗi bên đều có người chạy lăng xăng để mách nước và cũng để áp đảo đối phương.

Tôi không nhớ được đã bao nhiêu đêm hát. Tôi cũng không nhớ hết được bao nhiêu trai đến hát với chị sen. Điều tôi nhớ chính là có tôi, luôn ba bốn trai bạn phải thay đổi nhau "vận" với chị sen, nhưng cuối cùng đều phải chịu bỏ cuộc. Có những trai có những câu đố rất hay, rất ác về các thứ hoa quả, chim cá, núi sông, và giọng cũng rất hay, tưởng chừng nhất định sẽ là người làm chị sen không thua thì cũng lúng túng !

Càng những buổi như thế, dù phải đối đáp lại hai ba người thay nhau vào hát với khí thế rất hăng, rất vững, và

(1) Ngày kỷ niệm cách mạng Pháp 14-7-1789.

được người xem reo hò khích động rất mạnh, chị sen lại càng bình tĩnh.

Chị bình tĩnh như chẳng thấy mùi vồn gì cả. Mặt chị không chút biến sắc. Cặp mắt long lanh đôi khi như không nhìn thấy cả người ở trước mặt. Nhưng không phải vì thế mà ra bộ kiêu kỳ, vì chị vẫn có vẻ bẽn lẽn, ý nhị. Tiếng hát của chị càng về sau càng trong, càng ngọt với những câu vận càng sát, càng sống, càng lạ hơn. Hình như được cha sinh mẹ đẻ ra, trong người chị có cả một cuốn sách đủ các câu, các vần để gặp bất kỳ câu hát nào của bất kỳ ai, chị cũng vận được. Và những câu trong sách ấy thì không phải chỉ có một ai hay ở một nơi nào làm ra, mà là sự thông minh, óng chuốt, sắc sảo của không biết bao nhiêu đám truyền bảo cho nhau kết đúc lại.

Còn giọng hát của chị thì như là lụa đào phơ phất, thoang thoảng hương cau, hương lý.

... Tết trông trăng năm ấy các phố Nam Định vẫn đủ các hàng, các nhà bán hàng tết và bày cỗ.

Hàng Thiếc ban đêm đèn cứ như sao sa với cái kiêu ô tô, xe đạp, tàu thủy, tàu hỏa, quả đào mở ra cụp vào có tiền đồng ở trong, thỏ gỗ trống, và ca nô đốt bằng dầu tây chạy xinh xịch trong những chậu nước to v.v...

Hàng Vải Màn cũng thế : đèn kéo quân, đèn xếp, đèn lồng, đèn ông sao, đèn quay, đèn thiềm thừ, đèn cá vàng, và các ông tiến sĩ, các cụ Lã Vọng, thỏ bông, chuột bông đánh vòng, hoa quả, chim cá tí xíu bằng bột nhuộm phẩm màu và dầu sứt các kiểu các cỡ.

Hàng Đường và Hàng Dầu chuyên làm bánh. Ai vào các hàng cũng phải hắt hơi và ngào ngạt vì mùi đường bột và nước hoa bưởi.

Ở mấy phố khác như Hàng Giấy, phố Khách có những gia đình muốn khoe giàu của, giàu con, nhất là con gái, thì bày những bàn cỗ suốt từ trong nhà ra cả bờ hè. Có những chiếc bánh to bằng cái nia, trên mặt bày mấy hộp bánh nướng, mấy lớp con giống và hoa quả mà vẫn không che kín. Không chỉ một chiếc ở giữa bàn, mà ở hai mé bàn bên trong, hai mé bàn bên ngoài đều bày bánh to như thế. Chung quanh lại thêm tầng tầng lớp lớp các hộp, các đĩa bánh khác : bánh xu xê, bánh cốm, bánh phục linh, bánh bột lọc, bánh gai, bánh nhân ngọt, bánh nhân mặn, các hoa quả được tía gọt và sắp xếp thành các tháp, các cây, các con giống, và treo các kiểu đèn giấy của nhà làm lấy...

Tết này là tết thứ hai anh em tôi lại không có cỗ và nhà cũng chẳng có bánh hay thổi xôi nấu chè gì cả.

Em gái tôi phải thôi học. Nó bòn nhặt được bảy tám hào làm vốn mua bưởi bồ bán ở ngay cổng trường học cũ cho các

chị em bạn của mình. Nhiều hôm nó còn mua quả xoan tây về bóc lấy nhân luộc bán thêm với táo, với khế chua chấm muối ớt. Tôi vừa phải nịnh em vừa như cướp giật để ăn vền mấy múi bưởi khô, mấy quả táo, quả khế giập của nó. Tôi quên bằng đang ngày rằm, những nhà ở chung trong kia nghèo nhất cũng mua được cho con, cho em một cụ Lã Vọng hay ông tiên sĩ bày với mấy quả bưởi, mấy tấm mía chẻ ra xếp thành tháp và mấy con kỳ lân, cá hóa long bột xanh đỏ.

Tối hôm ấy, mặt dầu trăng rất tròn, rất sáng, các đám múa sư tử ở đường phố trên rất vui, tôi cũng không theo trẻ con đi xem các nhà hàng và các nhà giàu bày cỗ, hay các đám rước sư tử tranh giải như mọi khi. Phố tôi nhà nào nhà nấy lại đóng cửa đọc kinh từ sau phút lên đèn, và gần như chẳng có trẻ nào đi chơi. Nhưng trước cửa nhà bác tôi, mới chập tối, trai gái các nơi đã dập dìu kéo đến. Thế rồi, lúc trăng vừa sáng tỏ, thì từ ngã tư vào cứ đông nghịt, ồn ồn. Lần này trống đặt giữa đường, hai cọc dây thép đóng ở hai mép hè. Mỗi bên có hai hàng ghế dài và một ghế đầu. Các bà đứng tuổi mượn thêm một khay gỗ đựng trầu cau để các cô đàn em mời khách thiên hạ và trai bạn đến hát. Ngồi phù chị sen có hai bà đã đứng tuổi cũng nổi tiếng là tay đã giữ nhiều giải, hỏi và vận rất ác, mới ở tỉnh xa về thăm gia đình, nghe tin phố nhà lại đóng đám hát trống quân liền bỏ cả chuyến tàu, ở lại chơi với các bạn cũ và xem tài các bạn mới.

Cạnh nhà tôi là khu nhà tu nuôi trẻ mồ côi và trường học của bà sơ. Trước mặt nhà tôi là khu nhà thờ chính. Trông như một đĩa kim cương chiếu chênh chếch trên những tầng gác cửa xám lặng ngắt, những nóc nhà đen sạm mọc khăng khiu những cây cau rút và trên cả đỉnh gác chuông im lìm nghiêm ngẽ. Trăng rọi qua những mái hiên kẻ thành vạch dài và tỏa sáng xuống cả những cỗ săng bằng gỗ tạp để bán cho nhà thương làm phúc và các người chết vô thừa nhận, cất vào chỉ làm bộn thêm trong nhà nên xếp thành đống đống nẹp liền với nhau, bỏ ở những xó hè rúc rích tiếng chuột và muỗi đói kêu như ri. Nền mây, lúc như dát vàng dát bạc, lúc như có gấm có vóc bông lên, càng mở rộng ra. Mấy ngôi sao xa ẩn hiện long lanh. Tôi ngồi ngay bờ xi măng bọc hè gần ghế chị sen. Chị sen vẫn đội khăn vuông và mặc sống⁽¹⁾. Khác chút, là tối nay ngoài chiếc yếm hoa dâu trắng bong, chị lại mặc áo sồi chuội nơn cất kỹ trong bọc bấy lâu. Chị không hát đầu tiên mà để hai chị sen phổ trên ngồi trống trước. Có lẽ đã bảo nhau rồi, nên hai chị này chỉ vận có hai ba câu rồi để bà chị cả xin phép nhường trống lại cho chị sen nhà tôi.

Đúng lúc trăng lên giữa trời và có gió. Anh trai bạn hát đấu với chị sen đêm ấy, nghe đâu là người của bọn trai khu phố trên đã lên tận tỉnh Bắc đón về...

(1) Váy.

Người chịu không vận được nữa và luống cuống phải xin thôi là... chị sen ! Cả đám đã nhốn nháo tưởng như có thể đánh chém, đâm giết nhau. Đồng hồ nhà thờ chính công công điểm mười hai giờ, mọi người mới chịu ai về nhà nấy. Tôi thấy tâm trí như bị dần, bị xéo và hẫng cả người, không sao tưởng được lại có cơ sự như vậy. Vì cho đến câu cuối cùng, trước khi chị ngừng tay trên dây trống và bẽn lẽn nói... "Chúng em xin có nhờ với...", tôi vẫn tin rằng chị sen lại hạ bên kia. Tôi nằm cứ chong mắt lên mà nhìn bóng tối. Tôi vẫn phải thấy không có lý gì, không thể vì lẽ gì chị sen chịu không vận được, xin thôi hát...

Sau đấy tôi lại càng không thể tin được rằng chị sen thế là đi hẳn... Trong đêm ấy chị sen đã trốn đi. Chị sen trốn đi với người trai hát của vùng Bắc ấy. Tôi càng ngỡ ngàng. Nếu như trước kia tôi đã nhiều lần có ý nghĩ chị nên bỏ nhà bác tôi, bỏ cái đời đi ăn đi ở, dù có được no được đủ, được yên thân hay sung sướng chẳng nữa, thì nay tôi lại tiếc, lại buồn vì không còn được thấy chị ở bên mình.

Làm sao tôi còn được nghe chị sen hát, được trông chị sen hát nữa ? Làm sao tôi được gặp lại một người con gái nhà quê phải đi làm con sen con nhài lạ lùng như thế ? Chị trốn đi cũng vẫn chỉ có cái khăn gói quần áo của mình ; tiền công tháng trước và nửa tháng ấy cũng bỏ cả. Một bà có tuổi gánh nước thuê ở ngoài máy đã đến đòi nhà bác tôi, nhận

rằng chị gọi bà ta bằng dì, và chị nhấn lại cho "dì" món tiền đó. Nhà bác tôi đã không trả lại còn dọa đưa bà lên bót⁽¹⁾ vì tội có cháu chuyên đi ném cơm thiên hạ để đánh đĩ và làm nhiều tội khác !...

(1) Trụ sở cảnh sát.

Chương IV

NHỮNG CON ĐƯỜNG ĐẾN TRƯỜNG HỌC

NĂM 1929 - 1930, TỪ TRƯỜNG GỐC NGÁI TÔI PHẢI đổi đi trường khác : trường Trong. Từ nhà tôi vào trường Trong qua mấy phố cũng không xa lắm, nhưng quái lạ, cho đến khi lớn, tôi vẫn thấy cả thời gian và không gian nơi đây chất chứa không biết bao nhiêu kỳ lạ.

Nhà tôi đã dọn lên ngõ Nhà Thờ. Ở nhà đi ra ngã tư là phố Pôn Be, đường chính của thành phố, nhiều người cứ gọi là đường Vườn Hoa vì quăng này có một phần vườn hoa cũng to nhất của thành phố. Khởi quăng này lên đường chợ Rồng, qua khu tòa án ta và trại lính khố xanh, thì đi vào một quăng đường rợp bóng hai hàng cây đến trường.

Nhưng ít khi tôi đi đi về về những đường phố nọ, tuy nhà cửa đông đúc rất thuận tiện trú mưa, tránh nắng. Tôi cứ chọn những quăng vòng vèo, cây cối vắng lặng như khu vườn

hoa hay những quāng xa lạ và ghê ghê như sau tòa án Tây, sau nhà thương, sở mật thám. Hơn nữa, tôi còn phiêu lưu qua đường khu xà lim của sở mật thám, khu nhà xác của nhà thương và khu đề lao, gần như cách biệt hẳn thành phố. Về sau tôi lại còn đi tít mãi lên đường trại lính Tây, qua bãi Bĩa mà đến trường bằng lối ven ruộng gần đầm sen. Càng mưa gió lạnh lẽo, càng những buổi sắp tới giờ vào lớp, hay về nhà gần tối trời, tôi càng thấy bước chân, trí tưởng và tâm hồn bị cảnh vật quấy rầy.

Những đám mây hình thù mới lạ ; những gốc cây, những bụi rậm ở đây lại tìm thấy thêm một ổ trứng, mấy xác rắn, xác sâu và bộ xương chim ; những chùm hoa không tên ẩn nấp trên những chòm cổ thụ cao vợi ; những hốc tường hốc đá và những gò đồng bỏ hoang... ; những chim chóc, bọ ngựa, kiến dế... ; những hoa chua me, của chua me ở vườn bãi xa ; những quả bàng, quả sấu cuối cùng trốn giữa những cành, những chạc hóc hiểm cao tít... ; những vọng gác, những tháp chuông, những niên hiệu... Và trời mây vẫn vù, đường nắng bụi, đồng lúa, núi xa lúc nào cũng có những âm âm vang vang mà tôi càng lắng nghe càng thấy như vời như gọi...

Khi cha tôi còn sống, không biết cha tôi đã dạy truyền miệng tôi lúc nào mà tôi thuộc được hai câu thơ sau đây của bà Huyện Thanh Quan :

Lom khom dưới núi tiều vài chú,

Lắc đác bên sông chợ mấy nhà...

(Tức cảnh Đèo Ngang)

Ngoài sân gác thượng, trước chỗ cha tôi nằm, có mấy cây si, đình lăng trồng trong chậu và ít được tưới tắm nên càng khẳng khiu, một núi non bộ cũng vì cảnh làm ăn của nhà tôi sa sút nên mọc rêu và nhiều khi tường chết khô hết cả mấy búi cỏ cây ghép trong đá. Nhưng chính với cảnh cây cỏ và núi non này, tôi đã tưởng tượng thêm ra sự heo hút của hai câu thơ trên kia. Rồi những buổi chiều mùa đông, nhìn ra cả đường phố vắng, tôi càng thấm buồn, thấm lạnh :

Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi,

Dã liễu sương sa khách bước dồn...

tuy tôi chỉ mơ hồ hiểu điển và nghĩa :

Kẻ chốn Chương Đài người lữ thứ,

Biết ai mà kể nỗi hàn ôn.

(Chiều hôm nhớ nhà)

Tuổi lên bảy, lên tám của tôi ấy lại còn được những rung động này nữa : *Nhớ nước đau lòng con cuộc cuộc,*

Thương nhà mỏi miệng cái gia gia,

Dừng chân đứng lại trời non nước,

Một mảnh tình riêng ta với ta.

(Tức cảnh Đèo Ngang)

Không ai bày cách cho tôi cảm xúc, nhưng tôi cứ nghe thấy những tiếng đánh đánh khắc khoải "cuốc cuốc"⁽¹⁾ vang lên. Và hai tiếng non nước dào dạt như có sóng. Sau đó cả cảnh vật đều lặng đi để dâng lên một cái gì bằng bạc và trong trắng như sương tuyết.

Phải chăng tôi đã "chịu Mình thánh" của những chuyện, những sự tích, những văn những thơ kia từ thuở mới có trí khôn ? Lọt lòng mẹ, tôi đã được ôm đến nhà thờ chịu phép "Rửa tội" và nhận lấy tên thánh là Giu-minh-ghê. Rồi năm tôi lên chín lên mười, bà nội tôi đã khảo tôi đủ các kinh để đi xưng tội lần đầu với một cha người Tây. Cả đêm ấy tới sáng sau, tôi chỉ được sức miệng chứ không được uống nước, rồi cùng bà tôi đến nhà thờ đi "*lễ chịu Mình thánh chúa lần đầu*"... Phải chăng vì đã chịu phép thông công của Thơ Văn ấy trước cả phép thông công với Đức chúa Giê-su, mà tôi không thấy băng khuâng vui sướng, hay không cảm thấy hàng bạc trong trắng gì cả trong buổi lễ nghi đáng phải thiêng liêng nhất, để ấn tượng sâu xa nhất đối với Giu-minh-ghê đồng nhi là tôi kia.

Hay vì tôi không thành kính, tôn trọng ? Không ! Không ! Tất cả những lễ lới, lễ nghi nhất nhất tôi đều theo đúng cơ mà ! Khi chùm chuông từ trên bàn thờ rung dội, cha kính cần gơ cao lên bình cô-mô-nhong vàng đựng Mình thánh chúa, trong những tiếng rên rí và đám ngực xuyết xoa của con

(1) Hai tiếng *cuốc cuốc* ở trong bài thơ đồng âm với tiếng *quốc* là nước.

chiên ran ran cả nhà thờ, kể cả các con chiên không phải dọn mình chịu lễ, thì tôi cũng đầm ngực, sắp mình xuống kêu rên để chịu ơn chúa. Sau đấy tôi run rẩy cả người đi lên bàn thờ, quì tiếp theo hàng con chiên mà nâng khăn trắng, ngược mặt, lim dim mắt, he hé miệng đón lấy Mình thánh chúa. Miếng bánh này tròn tròn như miếng bạc mỏng, tôi cố nuốt rất nhẹ để khỏi động đến thân thể và máu thịt đau đớn của chúa ngự trong đó, làm thành ra nó và hòa biến thành máu thịt của con chiên. Tôi đã hoàn toàn tự mình đánh đồng thiếp để chịu lễ xong thì đọc kinh Cám ơn và ra về, vừa kiêu hãnh vừa hoan hỉ như tất cả những trẻ con có đạo được đi chịu lễ lần đầu ! Nhưng, sao cả khi xưng tội, tôi vẫn cứ không thấy là có tội, cũng như khi chịu lễ xong, thì ngay mấy giờ sau đấy, tôi lại muốn phạm tội liền...

Nghĩa là tôi lại đọc các sách ma sách quỉ, các truyện ma truyện quỉ, đúng trăm phần trăm cả nghĩa đen và nghĩa bóng. Tôi lại đi chơi với Tôn Ngộ Không, Na Tra, Dương Tiễn. Tôi những muốn "thế thiên hành đạo" như Lâm Xung, Võ Tòng, Lý Quì, Lỗ Trí Thâm. Tôi thích được đốt hương lạy tẩm ảnh một ông tướng mà tôi gọi là Đức Thánh Trần Hưng Đạo đại vương chung quanh có những Trần Quốc Toản, Dã Tượng, Yết Kiêu... Còn cái nước của tôi lại nghe thì khắc khoải trong hai tiếng "cuốc cuốc" với những tên Hai Bà Trưng, Ngô Quyền, Vua Bô Cối, Lê Lợi, Lê Lai, Quang Trung Nguyễn Huệ và Hoàng Diệu, Nguyễn Tri Phương.

Tôi đã chọn những gốc cây, bụi ruối rậm rạp, khuất vắng để đọc những *Tiếng sấm đêm đông*, *Vua Bô Cối* v.v... và chọn những tảng đá, những cành lá bày bàn thờ những anh hùng lịch sử. Đến trường, tôi vừa đi vừa đọc quên cả chung quanh. Tôi chỉ ước muốn sách đừng hết vội, hay có xong thì chỉ là mới xong từng đoạn, rồi lại tiếp theo, tiếp mãi. Cái gì bằng bạc và trong trắng như sương tuyết trong những tiếng Tổ quốc, Non sông, Giống nòi kia càng thấm sâu, càng dâng cao trong tâm trí tôi, về sau lại càng nghiêm nghị, nhất là từ khi - tôi không thể nói đích xác được từ khi nào - tôi được nghe nói mình là dân mất nước, còn nước Việt Nam, giống nòi Lạc Hồng đang là nô lệ trong tay người Tây, người Pháp, chính phủ Pháp.

Dưới trời mưa rét 1929 và sang xuân 1930, tôi lại phải đến trường qua những đường phố to đông đúc, đi cùng với các bạn. Có rất nhiều lệnh và nhiều việc nghiêm ngặt làm chúng tôi vừa sợ vừa lo. Nào đốc học Tây đã ra lệnh cấm điều này, điều nọ. Nào sở mật thám đã bắt đám này, nhà khác. Nào công sứ đã sức cho các hộ phố cũng đi tuần, giữ người, bắt người. Nào mật thám của tổng đốc, mật thám của công sứ, mật thám chủ nhà máy sợi... Quan to nào cũng có mật thám riêng. Chủ sở, chủ nhà máy nào cũng có mật thám chân tay của mình. Tất cả đang cất canh ở các nơi, các chốn, khắp hang cùng ngõ hẻm, để nghe ngóng, theo dõi mọi người, không

bỏ sót một động dạng gì, không để lọt một ai khả nghi hay có trất truy nã.

Chúng tôi chỉ được đến trường trước mười phút trống vào lớp. Hay đến đúng lúc trống báo cũng không được tụ tập đông ở các gốc cây, nhất là ở cổng trường. Còn sách, truyện đều bị cấm hết. Dù mỏng, dù thuộc loại gì, nếu không phải là sách học, khám thấy ở trong cặp là bị đuổi ngay. Bất kỳ giấy gì khác lạ, ai phân phát hay truyền cho đọc đều không được nhận, phải báo ngay thầy giáo hay đội xếp tức tức. Có nhiều tiền thưởng cho người tố cáo, nếu những thứ phân phát đó là truyền đơn chính trị và kẻ phát giác bắt giữ được ngay. Gia đình nào cũng phải xem xét con cháu khi đi học, về học và các chuyện trò tin tức của con cháu thu nhặt bàn tán ở đường phố về. Các gia đình sẽ bị xét xử nặng nếu để con cháu phạm vào những điều nghiêm cấm, đặc biệt là a tòng với những kẻ có tội. Nhà nước cũng khen thưởng cả những gia đình có công ngăn giữ con cháu, dạy bảo con cháu.

Thế là ngay trong những bạn thân nhất cũng nhiều kẻ không đi với nhau nữa. Còn lại chỉ còn một hay hai đứa cố kết lăm mới dám rủ nhau đi học và ngồi chuyện với nhau.

Những bạn này, ngoài tình nghĩa thủy chung đồng sinh đồng tử với nhau, còn là kẻ gan dạ mạo hiểm và muốn có những hành động khác thường.

Anh Bùi Phú Túc, người cùng tôi cắt máu ăn thề, kết nghĩa ở những năm lớp bảy, lớp tư đã đổi đi trường khác. Lên

lớp và vào trường mới đây, tôi đánh bạn với một anh nhà mố hiệu đóng giày, người lớn hơn tôi, vui vẻ, đúng mực và đá cầu lông giữ bên trái rất giỏi. Nhưng anh không ăn mặc lôi thôi, không mê truyện và không thích những cuộc chơi nghịch tợn tợn.

Cũng vì không còn bạn thân cùng cảnh và cùng tính nết, nên tôi càng thêm bạn và càng lớn lên càng say với Thủy Hử.

Thầy giáo dạy tôi năm ấy nghe nói là người ở nhà quê. Thầy đội khăn và nón dứa, mặc áo the thâm, đi giày Gia Định và thường đi bộ đến trường. Tôi vẫn nhớ như in nét mặt thầy rất hiền, gương mặt thầy rất sáng. Tuy hiền hậu và sáng sủa, thầy giáo trẻ này vẫn làm tôi chú ý đến cái vẻ nghiêm nghị đượm phần lo âu mà tôi nhận ra trong những phút thầy yên lặng trên bục giảng bài cũng như khi thầy lững thững một mình ở hàng hiên phía trông ra cánh đồng. Tôi còn được biết láng máng thầy đã có vợ, nhưng tôi gần như không được gặp cô giáo lên tính ở với thầy bao giờ. Vì thầy thích hoa và cá lắm hay sao, nên tất cả những bìa vở cũng như giấy bọc sách, thầy đều bắt vẽ hoa và tô màu. Tôi vẽ rất vụng, đã mấy lần định nhờ bạn vẽ cho, nhưng tự ái, lại thôi. Tôi chỉ thích đi bắt cá cho lớp. Tôi lội tất cả những chỗ sâu và khó khăn nhất ở ngoài đầm hào dưới chân thành, sục vào tất cả những đám sen, đám bèo để tìm cá lạ. Những cá này thầy giáo thả ở những lọ, những bóng thủy tinh có những cụm rêu chọn rất kỹ.

Cũng nhờ việc đi bắt cá cho lớp, nên tôi đã được tự do ra dãi "Thủy Bạc" xa khuất đây nguy hiểm, bí mật và liệt vào đất cấm trong những ngày nghiêm ngặt đó. Cũng vì thần thờ với những con cá bơi lượn và những làn rêu lấp lánh ở những lọ, những bình thủy tinh trên góc tủ, mặt lò sưởi và giá gỗ chung quanh lớp, tôi càng thấy những giờ giảng văn, giảng sử và những buổi chiều mùa đông lạnh giá thêm nao nuột. Trí tưởng tôi không những chỉ theo đàn cá trong lọ thủy tinh mà còn vượt ra khỏi những bức tường, những cửa kính, cửa chớp, cuộn theo những sợi rêu, hóa thành những dải mây cùng với những đàn cá rất khác lạ chấp thêm cánh vàng cánh bạc cho tôi bay đi.

Những ngày giáp tết năm ấy, các nơi đường phố đông đúc, các cửa hiệu, các mặt hàng, các thứ hoa lá, tranh ảnh, câu đối vẫn tấp nập rục rịch ; bến tàu bến xe, người buôn bán, kẻ đi làm phu làm thợ các tỉnh trở về vẫn lũ lượt đến khuya. Nhưng qua giọng chuyện trò bàn tán của nhiều người quen biết với nhà tôi hay của những người ngoài đường ngoài chợ, tôi vẫn không khỏi có một sự hồi hộp mà trí não non nớt của tôi khó giải đáp nổi.

Mồng một, rồi mồng hai, rồi mồng ba tết, tôi vẫn theo mẹ tôi đi mừng tuổi đủ các nơi như những năm trước. Rồi sang mồng năm, mồng sáu thì tôi thấy nhiều nơi trong thành phố vắng lặng một cách lạ. Không phải vì vẫn còn tết, vì chưa hạ cảnh nêu, vì ra giêng chưa mấy ai đi mua bán sắm sửa... Thế

rồi đến ngày vào trường, buổi đi học chưa về, tôi càng rạo rức và cả kinh ngạc nữa vì tin đồn có bạo động, có bạo động ! Yên Bái bạo động ! Yên Bái đã bạo động ! Đúng là bạo động đã nổ... Thật là bạo động đã nổ !... Đúng là Cách mệnh đã nổ súng vào chính phủ Pháp bảo hộ, và quân lính Pháp, quân lính chính phủ bảo hộ.

Yên Bái bạo động !

Những tên người khởi sự đã rành rành in lên mặt báo và đã thành những câu chuyện của đông người, chứ không thào thào thăm thăm như trước...

Tất cả những báo hằng ngày như không kịp in và chẳng cần rao gì cả. Khác hẳn mọi khi, báo trên Hà Nội xuống, cai tỉnh phát ở một ngã tư chưa xong thì đã thấy um lên tiếng trẻ con : "Báo mới ơ... Báo mới ơ ơ ..." Hình như cả người đón mua và các nhà mua quen đều muốn đọc ngay, đọc nhanh những tin chính để rồi lặng đi vì bàng hoàng và suy nghĩ. Trẻ bán báo cũng đọc lắm thăm và cũng như buồn buồn nghĩ ngợi, cả khi vừa được giao báo hay còn giữ được tờ báo sau cùng để phần cho khách quen chưa kịp lấy.

Cuộc bạo động đã bị dập tắt ngay. Liên tiếp đăng tin những người cầm đầu bị sa vào vòng pháp luật. Các báo đăng cả tin Ký Con và Nguyễn Thái Học bị bắt với những chức vụ trọng trách và những hoạt động chủ chốt nhất định sẽ bị kết án tử hình. Nhiều ngày tôi đã bồn chồn và thần thờ vì Ký Con... Người ký khổ làm cho hiệu Tây buôn Gô-đa trên Hà Nội

này thế mà lại làm trưởng ban ám sát của Việt Nam quốc dân đảng. Ký Con là một con hùm xám.. ! Ký con bị bắt, tất cả một thám đã reo lên ! Và Ký Con đã chịu tất cả những cuộc tra tấn, không hé răng khai báo, phản bội, hàng phục.

Tôi đã mong trông thấy ảnh Ký Con và cố tìm cho ra ảnh Ký Con nhưng không sao được. Một thằng bạn nào của tôi kia, mà chỉ cho tôi nhìn liếc qua ảnh Ký Con thôi, cũng đủ để tôi kiêu lên vai tung hô rồi muốn bắt tôi làm việc gì nặng nhọc, nguy hiểm thế nào tôi cũng xin nghe (!). Hay có đứa nào được biết một nhà cơ sở Ký Con đã ở vài đêm hay chỉ ghé qua trên đường trốn tránh, tro cho tôi hay và dắt tôi đi qua, thì cũng được tôi tôn trọng như thế.

Tôi đã nhất định tin theo như một số dư luận, rằng đây chỉ là một người khác mang tên Ký Con. Một người kính phục Ký Con chịu chết thay để Ký Con sống mà tiếp tục trọng trách. Hay đây là một người bị sở mật thám bắt phải nhận là Ký Con, chịu kết tội để tăng thanh thế của bọn chúng và làm vừa lòng những quan trên ở cả bên Pháp ! Tôi lại kín kín hờ hờ đặt ra những câu : "Giả dụ, hình như, nghe nói, nghe đồn v.v..." mà bàn chuyện với các bạn !...

Nhưng chính phủ Pháp đã đưa những người khởi xướng cuộc bạo động Yên Bái đi xử bằng máy chém. Các báo đều đăng từng tên người bị hành hình và ngày giờ hành hình... Tâm trí tôi đã có những phút đen sẫm lại và mệnh mông thương xót. Những hốc cây, những bụi rậm và dưới chân thành

của cái trường cũ kỹ càng trở nên thân thiết khác thường. Những hòn đá và những cành lá quý hiếm kiếm được trước kia bày làm bàn thờ những anh hùng lịch sử, nay lại đặt thêm những tên tuổi mới mà tôi chỉ biết gọi là những *Nhà ái quốc*. Những người bị chém ấy đã hiện ra ngời ngời trong hai lòng bàn tay tôi đầy nước mắt và tiếng nức, tiếng ghen.

Tôi lại chịu *Mình thánh* của những *Nhà ái quốc* để thấy thêm một sự bàng bạc trong trắng và nghiêm nghị như băng tuyết toát lên trong những phút mà cả tâm hồn tôi hoàn toàn tê lạng đi thắm niệm những tiếng Non sông, Nòi giống như người sùng đạo đọc lên tên chúa Giê-su đến đoạn bị đóng đinh trên cây cầu rút vạy.

Đạo này, thầy dạy tôi, người nhà quê còn trẻ, gương mặt rất hiền kia, lại nhiều lúc buồn buồn và nghiêm nghị hơn. Thầy vẫn đội khăn xếp và nón dứa, mặc áo the thâm, đi bộ ở một phố khá xa đến trường. Sau năm đó, tôi không được biết tin tức gì của thầy cả. Thấy nói có nhiều thầy giáo làm chính trị bị bắt, bị tù, tôi càng nghĩ đến thầy Ng. V. H. Gặp mấy thầy khác dạy cùng lớp, tôi đã đánh bạo hỏi, nhưng chẳng được thầy nào cho biết thầy H. còn dạy học, hay chuyển sang việc khác, hay đổi đi đâu. Kỷ niệm của thầy H. trong cái năm rất ghi nhớ này càng thấm thiết. Cuối học kỳ, tôi thi phần chữ Pháp của bằng Sơ học yếu lược lại không đỗ. Nhưng tôi vẫn được thầy H. xếp phần thưởng. Chỉ là phần thưởng xoàng thôi, và tôi đứng hàng bét. Anh em thì kẻ chín lần, kẻ mười lần

được điểm cao và đọc tên trước lớp, toàn vẽ tính đồ và tập đọc chữ Pháp, luận chữ Pháp, ám tả chữ Pháp. Còn tôi được có mỗi một lần và là lần tập đọc quốc văn.

Tôi không nhớ tên bài buổi thi đó. Cả lớp đều đọc và trả lời từng câu thầy hỏi. Gần hết giờ, thầy trầm ngâm hồi lâu rồi thông thả lên tiếng :

Ơn nhờ báo hộ⁽¹⁾ xa gần đều vui... Hừ... hừ... ơn nhờ "báo hộ"... Ơn nhờ "báo hộ"..., - thầy cười bĩu và dần dần hai chữ "báo hộ"... - Có ai thấy hai chữ nào hay hơn, thay được hai chữ của câu kết bài thơ không ?

Cả lớp im lặng, chỉ có đôi tiếng lẩm thẫm đọc lại câu thơ trên.

Tôi đã giơ tay xin phép đứng dậy. Tôi khoanh tay, rụt rè :

- Thưa thầy... thưa thầy... *Ơn nhờ báo hộ xa gần đều vui* thì... thì thay là : *Ơn nhờ Tổ quốc xa gần đều vui...* ạ ạ ạ...

Cả lớp đã quay lại nhìn tôi thêm, khi thầy giáo lặng nét mặt rồi gật gù, tươi tỉnh :

- Được ! Được !... Thay bằng hai chữ Tổ quốc, được !... *Ơn nhờ Tổ quốc xa gần đều vui...*, được !

Đến ngày phát phần thưởng, bọn lớp tôi chờ thầy giáo dẫn vào hội trường mãi mà không thấy. Trong kia, các quan

(1) Tức là chính phủ báo hộ Pháp.

Tây, quan ta và các nhà giàu sang quyền quý của thành phố đều đủ mặt. Có cả dàn kèn đồng của lính khố xanh cử nhạc và các đội xếp mặc lễ phục trắng túc trực. Không phải chỉ có cấp sơ học chúng tôi mà còn có cả trường con Tây và trường Thành chung, lớp nào người nào đều in rõ thành sách. Sách này của thành phố biếu các quan khách và phát cho học trò kèm với phần thưởng.

Bọn chúng tôi không thể chờ thầy lâu hơn được nữa. Đã gần trưa. Kèn thổi hết đợt này đến đợt khác và những tràng vỗ tay càng về cuối càng nhạt. Đang lúc ngong ngóng, người như có kiến lửa đốt ấy, thì một học trò lớn tuổi trong kia chạy ra gọi chúng tôi, báo tin đích xác thầy H. không đến và bảo chúng tôi vào buồng phần thưởng mà lấy ra chia nhau vậy thôi. Có mấy lớp của các trường lẻ và ở xa cũng làm như thế !... Tôi cũng chẳng buồn biết hai người thứ nhất được phần thưởng danh dự và phần thưởng ưu tú cũng như cái thang xếp trên bậc đội sổ của tôi được những thứ gì. Tôi vội ngay lấy cái buộc móng teo đề tên tôi và chạy thẳng về nhà ăn cơm, kéo ra đi từ sáng sớm, tôi chỉ được mẹ tôi cho có xu rưỡi như thường lệ để ăn lót dạ. Ấy là tôi đã hơn hẳn em tôi những một trình, vì nó là con gái học trường Bà Sơ ngay cạnh ngõ nhà.

Ngày ấy cha tôi đang ho ra máu. Những đồ đạc đáng tiền trong nhà bán gần hết. Nhà tôi lại ở nhờ người bác họ. Mẹ tôi dọn hàng rau đậu ở chợ Ròng rục rịch bỏ chỗ cho người

khác. Các vòng kê và thúng mẹt càng về cuối châu càng lỏng chỏng với mấy mớ tỏi, cần tây, cà chua, đồ ứa héo... Quá trưa rồi mẹ tôi vẫn chưa về nhà. Gian buồng cha tôi quanh năm mờ mờ và ẩm nhớp vì không có cửa sổ cửa trần gì cả. Con giường thì hằng năm giặt chiếu phơi màn vài ba lần. Chỗ cha tôi nằm mọi khi còn có cỗ bài tổ tôm chơi phá trận hay tập *Tam quốc*, *Đông Chu liệt quốc* đọc đi đọc lại để khuây khỏa, nay cũng xếp xó.

Cha tôi lại ngồi bó gối, trông ra ngoài buồng. Cái thân hình còm cõi và xanh xao lịm đi như một pho tượng chết. Chạy từ trường về nhà, tôi vào ngay giường cha tôi, đưa cho cha tôi bó phần thưởng. Tất cả có ba quyển : quyển in tên học trò các trường được thưởng và danh vị các quan chủ tọa kỳ phát thưởng, một quyển đề "*Cách nuôi tầm tơ*" mà tôi không thấy bày bán bao giờ, và một quyển sách dạy tính cũng bằng tiếng Pháp, nhưng là loại sách chỉ để con Tây học hay trẻ con học ở bên Tây...

Tháng mười năm ấy cha tôi mất. Bó phần thưởng cho điểm cao về tập đọc quốc văn của tôi có ba quyển sách tiếng Pháp kia, thỉnh thoảng tôi đi chơi về lại thấy cha tôi giờ ra xem. Cha tôi để nó ở đầu giường, cạnh cái gối gỗ rỗng, nơi cất cái ví da cũ mà lúc khiêng xác cha tôi ra gian nhà ngoài, tôi lục tìm thì thấy còn một hào bạc và hai đồng xu. Trong gối còn một gói bánh Trung thu của một người họ cho, cha tôi ăn dè, vẫn còn mấy miếng đã khô và có chỗ hơi mốc...

Đầu năm 1930 ấy, giữa lúc lệnh độc học cấm ngặt nhưng nhờ thầy giáo H. thích cá, thích hoa nên tôi đã được ra ngoài đầm và ngoài hào xa trường học, lang thang, bắt cá, kiếm rêu. Rồi cũng vì cha tôi ốm, nên tôi được vào khu nhà thương liền với khu đề lao và sở mật thám ngay cả giờ học.

Nhà thì xa, cha tôi vừa yếu quá, vừa không có tiền thuê xe kéo, nên tôi phải đi lính thuốc hằng ngày. Nghe cha tôi nói chuyện, thì người y sĩ mà ai nấy đều gọi là quan đốc tờ trông coi việc khám xét và cho thuốc khu nhà thương "làm phúc" bây giờ, đã có thời kỳ học cùng với cha tôi ở một trường dạy cả chữ nho và chữ Tây. Chắc vì có lời dặn của quan đốc, nên ông ký nhà thương cho cha tôi trước nhất và tôi được lính thay. Toàn thuốc nước. Có bốn thứ : thuốc ho, dầu cá, thuốc bổ canh-ky-na và thuốc vôi.

Sáng sáng, trống trường ra chơi chưa dứt, tôi đã nhồm lên và khi cửa lớp vừa mở, tôi xách cái túi đựng bốn chai con, thúc "Thiên lý mã" chân, chạy vù đến nhà thương. Tôi sấn vào phòng phát thuốc, kiểng chân rúc người giữa đám bệnh nhân đông nghịt, hơi hám quá chừng, chia đơn thuốc và các chai ra. Rồi lại xách túi thúc "Thoại phong câu" chân, phóng về trường. Vẫn kịp đá bóng, đá cầu hay đánh mấy ván đáo.

Những ngày thứ năm thì nhàn quá ! Muốn đi sớm đi muộn tùy thích. Nhưng tôi thường chọn lúc nhà thương đông nhất, có cả tù đi làm cỏ về xin thuốc. Qua những câu chuyện

của những người này, tôi càng bị kích thích vì những tin, những vụ mật thám khám xét, bắt bớ, tra tấn và tòa án hỏi cung, xét xử. Tôi càng băn khoăn muốn biết, muốn thấy những người làm chính trị, làm cộng sản gan dạ, kỳ lạ, phi thường kia là người như thế nào ?

Cuối năm 1929, qua giêng hai năm 1930, rồi đến gần vụ nghỉ hè, tôi càng nghe nói đến hai tiếng chính trị và cộng sản nhiều hơn. Tới khi bạo động Yên Bái bị dập tắt, tên tuổi và địa danh của các nơi khởi nghĩa dần dần chỉ còn ngui ngui trong dư luận, thì tôi bỗng thấy có một sự sôi sục hẳn lên, và rất khác lạ. Trước còn nhiều xóm, nhiều phố, sau hình như đâu đâu trong tỉnh cũng có nhà bị bắt, có người bị bắt vì làm cộng sản. Nhất là ở những xóm, những ngõ, những phố có nhiều thợ : những thợ máy sợi, máy tơ, máy chiếu, máy rượu, máy chai, máy nước, máy điện... Những người bị bắt này, kẻ thì tôi được biết thật ở nhà nào, làm ăn, tính tình, tiếng tăm ra sao, và thật tôi đã có lần nhìn kỹ mặt ; kẻ thì có em hay cháu họ đi học với tôi. Chính những quăng đường họ đi tầm, về tầm và làm những việc bạo thiên nghịch địa như rải truyền đơn, treo cờ đỏ búa liềm và đình công, mít tinh v.v... tôi cũng thường qua lại.

Thế ra những sở mật thám với các buồng "xăng đan", nào hòm điện, roi sắt, nước vôi, xà phòng, các thanh tra, cấm khét tiếng ác đồn, dữ đồn, điên đồn, hiểm đồn, và những đề lao bốn năm lần tường đá với các xà lim bốn năm lần xích

khóa kia... vẫn không đáng sợ ! Nghĩa là nó không thể giữ yên được cái cảnh sống trái ngược giữa cùng cực và giàu sang, giữa quyền hành và bị áp chế, giữa người đói khổ và kẻ thừa mứa, giữa dân nô lệ, đồng bào đồng chí và bọn bóc lột, bọn cai trị khác máu tanh lòng ?

Hay nói theo cách nôm na của ngày ấy thì là dân ta, dân "An Nam" ta vẫn cứ chống lại chính phủ cai trị, chống lại chính phủ Pháp và người Pháp cai trị. Ghê dữ hơn là ở xứ Đông Dương và ở ngay tỉnh Nam Định, ngay giữa thành phố Nam Định của tôi cũng có cộng sản, có những người làm cộng sản. Họ vừa chống lại chính phủ cai trị, vừa mưu đồ cho mọi người nghèo đói, khổ cực được ấm no, không bị đè nén, áp chế, và tất cả của cải, nhà máy, ruộng đồng đem chia cho nhau, cùng nhau cai quản làm ăn...

Khu "trong tỉnh" ấy lại càng nhiều cái lạ đối với tôi, và tôi lại càng tò mò tìm tòi, nghe ngóng, tha thẩn ở đây. Bà tôi cho biết ngày Tây chưa hạ thành, nghĩa là chưa chiếm tỉnh Nam Định, thì "trong tỉnh" là cả một thành trì trong hào, ngoài lũy, bờ thành ngựa chạy được, cột cờ và các cửa đều đặt súng thần công. "Trong tỉnh" chỉ có ba quan lớn ở và dinh trại, kho tàng. Quan tổng đốc hay còn gọi là quan thượng có việc ra phố hay đi đâu thì cưỡi voi, rầm rập quân hầu, tiền hô hậu ủng.

Tất cả thành trì dinh trại nay chỉ còn một mảng thành lối cửa Bắc. Trường học tôi xây trên bờ thành đó, cạnh có trại

lính khố xanh, trông sang tòa án ta. Sở mật thám và đề lao gần ngay tòa án. Đề lao xưa là kho thóc của cả tỉnh để nuôi quân trong thành, tường đá ong kiên cố, giờ xây thêm mấy lần tường cấm mảnh chai, mắc dây điện và lắp cổng sắt, hai góc phía trước có hai lô cốt rất cao, tầng nào cũng có lỗ châu mai, hàng trăm lính gác trấn giữ vẫn thừa chỗ.

Ồi chao ! Cứ mỗi khi qua lại, chỉ liếc nhìn vào mấy nơi như nhà xác của nhà thương, những xà lim của sở mật thám hay những tầng lô cốt và nóc đề lao, tôi đều thấy gai gai chồn chồn mà vẫn cứ phải nhìn mà tưởng tượng thêm và suy nghĩ đến bao nhiêu chuyện tra tấn, cùm kẹp, bắn, chém, tù đầy.

Nhưng những người làm chính trị, làm cách mạng, làm cộng sản, cũng như nhiều dân ta không sợ gì cả. Kề khiếp sợ chính là các quan lại, là chính phủ Pháp có quân lính, gươm súng trong tay và cả máy chém. Cụ thể là Sa-pu-la, công sứ đầu tỉnh tôi. Một hôm Sa-pu-la thấy báo tin ngoài đường có mét tinh kéo cả cờ đỏ búa liềm và thợ đang diễn thuyết hô khẩu hiệu ở vườn hoa nhà kèn ngay trước dinh của hắn giữa tầm thợ máy sợi, máy tơ về, Sa-pu-la đã chạy cuồng ra cổng, đến giằng lấy cờ và cầm búa bổ vào người công nhân. Anh công nhân đã không lùi bước còn cướp lại cờ, ôm vào ngực, cứ hô khẩu hiệu và chửi Sa-pu-la.

Phải ! Cuộc đấu tranh lịch sử này đã nổ ra ở khu nhà kèn và vườn hoa, một trong những cảnh đẹp của thành phố,

nhiều người vẫn đến đây chụp ảnh, và tôi đã nhiều lúc đánh bạo ngồi rất lâu trên ghế đá mà ngênh trời, ngắm các ngọn cây, chùm lá, vòm hoa, chim bướm, và nghe gió reo, chim hót. Cũng dọc đường này, thỉnh thoảng cỗ xe song mã của Sa-pu-la lại rong đi chơi mát buổi chiều. Hai người xà ích quần trắng bóp, mũ hẹp vành kim tuyến, cầm cương ngựa. Tiếng chuông, tiếng nhạc luôn luôn rung lên ; vó ngựa rào rào ; mùi phấn sáp nước hoa ngào ngạt. Người hàng phố, kẻ đi đường xôn xác trông theo như có vua chúa xuất hiện. Những ăn mày và những người lam lũ rách rưới đều phải giạt cả vào trong hè. Cút lít⁽¹⁾, hộ phố đứng lập nghiêm chào và giữ không cho một ai qua đường hay đi dưới lòng đường.

Trong phong trào ngày đó, tên tuổi Tống Văn Trân và hai tiếng cộng sản đã truyền đi khắp thành phố.

Tống Văn Trân cũng bị xử án chém. Tống Văn Trân bị giam rất ngặt trong xà lim. Ở đề lao, Tống Văn Trân cắn ngón tay lấy máu viết lên tường một bài thơ. Bài thơ đó đúng là đã chấp cánh bay vượt ra với mọi người. Nghe sự tích bài thơ cách mạng và tinh thần người tù cộng sản ấy ở ngay tỉnh mình, tôi càng bị kích thích muốn được nghe nói về cộng sản và được biết thế nào là làm cộng sản.

Công nông hỡi đồng bào đứng dậy

Tuốt gươm ra giành lấy chính quyền

(1) Cảnh sát.

Dân cày cùng với thợ thuyền
 Chữ duyên hợp nhất đi lên một ngày
 Đế quốc Pháp ra tay đập đổ
 Phong kiến kia trừ bỏ chẳng tha
 Bao nhiêu chế độ xấu xa
 Tiêu diệt cho hết mới là công nông
 Anh em hỡi ! Đồng bào hiệp sức !
 Nông nổi này đã cực lắm rồi
 Thân ta dù có thiệt thòi
 Làm gương chiến đấu cho đời mai sau
 Dậy làm cách mạng mau mau...

Chính tên công sứ Sa-pu-la đạo mạo, tóc bạc phơ, cao
 dòng, thoạt trông cứ tưởng như một học giả rất hiền từ mà
 tôi thỉnh thoảng gặp đi lững thững chung quanh vườn hoa nhà
 kèn, và tên tổng đốc Trần V. T. kỳ cựu có hàng tá vợ và
 không biết bao nhiêu con lớn, con bé, nổi tiếng là phúc lộc
 thọ kia, đã xử Tống Văn Trân. Sa-pu-la làm chánh án, Trần V.
 T. tổng đốc làm bồi thẩm. Cả hai tên đã tái mặt khi Tống Văn
 Trân đứng lên trỏ tay vào mặt chúng mà kết án lại chúng và
 cả chế độ của chúng, rồi quay lại với đồng bào xem xử án
 kêu gọi hãy cùng cách mạng nổi dậy.

Tống Văn Trân còn đứng lại trước thêm tòa án, rút lá cờ
 đỏ búa liềm trong người giương lên và nói về Lê-nin, vì hôm

đó là kỷ niệm ngày sinh Lê-nin. Tất cả người đi xem tòa xử án và người qua đường đã rùng rùng kéo theo Tống Văn Trân và mười hai tù nhân khác bị kết án khổ sai đến tận cổng đê lao mà nghe anh em hát Quốc tế ca. Khi các anh em quay lại chào đồng bào lần cuối thì đồng bào lại cùng các anh em hô theo những khẩu hiệu, và bắt chấp sen đầm, cảnh sát, mật thám đe dọa, thét đuổi, cứ nấn ná bịn rịn mãi mới chịu bỏ đi về... Chính khu vườn hoa và những cổng tòa án, cổng đê lao kia tôi vẫn đi qua, trên đường đến trường học. Chính các vùng đồng quê có lớp lớp núi xanh ở phía xa, tôi thường ngồi một mình ở sau lớp trông hút ra, là hai huyện Phong Doanh và Ý Yên, quê hương chôn rau cắt rốn của Tống Văn Trân. Nơi đây Tống Văn Trân học xong sư phạm thì về dạy học rồi hoạt động cách mạng. Không biết Tống Văn Trân có ra cùng khóa hay học gần khóa với thầy Ng. V. H của tôi không ? Sau đây tôi được nghe tả thì Tống Văn Trân cũng trẻ đẹp, nhưng không biết có giống như thầy Ng. V. H không ?

Tôi không khỏi có ý nghĩ ao ước nếu tôi được học Tống Văn Trân : một thầy giáo làm chính trị và làm thơ, một thầy giáo cộng sản. Cũng như tôi đã có lúc thầm mong cả thầy Ng. V. H. cũng làm chính trị, làm cộng sản và hành động được như Tống Văn Trân.

... Người tù cộng sản Tống Văn Trân giám án tử hình đi đày Côn Đảo đã đóng thuyền vượt ngục về Nam Kỳ lại hoạt

động và lại bị bắt. Lần này tên chánh mật thám Đông Dương đã ra lệnh cho bọn tay sai đánh chết ngay Tống Văn Trân ở trước mặt nó, vì sau không biết bao nhiêu trận tra tấn, Tống Văn Trân lại không khai báo nửa nhời mà còn đang hoàng thuyết phục lại bọn chúng. Trong kỳ lễ để tang Phan Chu Trinh ở bãi tàu bay, bọn học trò lớp bét chúng tôi cũng băng đèn đeo tay và buộc ở mũ, nhưng hẹn nhau sai và lạc đường nên không dự được, đã có thầy Tống Văn Trân. Thầy về làng còn tổ chức cho cả trường nhà với lớp của mình làm lễ truy điệu. Càng được biết thêm về Tống Văn Trân, tôi càng man mác nhớ những năm 1929 - 1930 và cái trường trên bờ thành cũ mà tôi chỉ được học có một năm thôi kia...

Ngoài nhà máy sợi rộng lớn có hàng vạn cu li, thợ và cai ký, không hiểu sao tôi đã chú ý đến nhà máy chiếu và nhà máy chai là hai nhà máy rất xập xệ tồi tàn.

Nhà máy chai ở gần bờ sông, chỗ bến tàu chạy các đường chính như Hà Nội, Hải Phòng, và gần cái chợ thóc gạo gọi là chợ Bến Thóc và cái phố buôn bán thóc gạo gọi là phố Bến Thóc của thành phố. Khu nhà máy cứ vắng ngắt gần như bỏ hoang. Cũng không phải vì bên nhà máy rượu ra ít rượu hay ty rượu các nơi bán ế. Đây khói lò và mùi gạo rang, mùi bã rượu không lúc nào không bốc lên nghi ngút và sức nước ra cả ngoài bờ ruộng.

Tất cả khu nhà máy chai đều xây tường cao mái lợp tôn, ra vào bằng một cổng sắt to có lắp đường ray nhỏ cho

xe bàn. Tôi gần như không thấy người đàn ông nào đẩy xe, mà toàn bà già, phụ nữ đứng tuổi và trẻ con. Cũng đôi xe có con gái lớn mặt mày xinh tươi và ăn mặc sạch sẽ. Người ta bảo đấy là người nhà của cai hay là người của sếp Tây, của ông chủ đã chấm. Trừ bốn buổi tầm đi về hay có xe to ra vào, cổng chính mới mở. Người làm và xe bàn chỉ được đi hai cổng nhỏ, cũng bùng tôn kín mít và có người gác khám xét. Trẻ con, một lớn một nhỏ bám một xe. Bà già, hai người một xe. Nhưng nhiều chuyến chỉ có một trẻ con hay một bà già lấy hết gân sức đẩy một xe xếp đầy những thùng vỏ chai cao ngập đầu.

Tôi cứ phải nhìn rất lâu những đứa bé con gái nhom nhếch và những bà già gầy còm làm cu li nọ. Hầu hết đều gầy gò đen nhẻm và rách rưới. Có mấy bà già che vuông khăn vải tây điều hay vải màn nhuộm nâu sùm sụp dưới khăn vuông, không rõ vì sợ nắng, vì đau mắt hay để che bụi. Sau tôi tò mò hỏi mấy người bán quà thì được biết có một bà đã gần mù và một bà thông minh, nếu để chủ biết thì bị đuổi, nên phải che vải, cố làm ra vẻ khỏe mạnh mỗi khi thấy tiếng, thấy hơi của chủ !

Những trẻ con và bà già ốm yếu, bệnh tật lĩnh lương đã rẻ, làm cả ngày chỉ được một hào hay bảy tám xu, nhưng lại còn phải cho cai ăn mỗi thè một hay hai xu để được đi làm và làm đều... Đàn ông, trai gộc thì đẩy thùng. Chỉ có ít người

thời. Hình như việc này lương cao cai sếp biệt đãi, người làm phải thạo, phải khỏe mới được cất vào chân ấy. Mỗi người một cái gậy con đầy bông bông công cộc liền liền hai chiếc thùng gỗ to đai sắt nối nhau lăn bên đường cứ như làm trò xiếc. Những năm tôi được lên học lớp trên, lúc đói rét và cả sau đây đỗ được bằng Sơ học Pháp Việt, ra Hải Phòng, đi các nơi các trốn mãi mà xin không được việc gì làm, tôi lại nghĩ đến việc đẩy thùng. Tôi đã cằn cào cả người tưởng tới một sự bất ngờ, tôi trở về... Nam Định xin được chân cu li nhà máy chai, thì thật không còn hạnh phúc gì bằng !

Nhà máy chiếu cũng nhiều đàn bà con gái. Nhưng người làm ở đây gọn ghẽ, trẻ và vui. Nhìn vào những cỗ máy chạy sầm sập, những người đứng máy thoăn thoắt đôi tay, giữa trưa nắng chang chang dưới mái tôn nóng bỏng, không khí bụi mờ, các cửa sổ đều bung lưới sắt... tôi cũng không khỏi nghĩ ngợi vì được nghe những chuyện hăm hiếp, ăn lễ, ăn bớt, nhất là cách đối xử với những người đàn bà con gái bụng mang dạ chửa, hiền lành và có nhan sắc cứ phải sống chết bám lấy nhà máy.

Khu gia đình tôi ở cũng hầu hết là người nghèo túng. Có thể gọi đây là một xóm. Nó gồm có một gia đình Hoa kiều, chồng chuyên nghề bán cháo quẩy, chè đỗ xanh, chè vừng, vợ làm nghề bán canh bún, bún riêu. Nhà, đã đông con, chuyển đẻ sau cùng lại sinh đôi, hai thằng bé rất bụ, bú rất

phẩm. Mấy nơi hiếm và giàu có đánh tiếng nhờ người đến mua một hay cả hai đứa bé càng tốt, nhưng vợ chồng chú S, nhất định không chịu bán, cứ giữ con, nuôi con toàn bằng nước cơm nước cháo, có khi cho ăn cả nhá nhót. Một gia đình làm hàng phở và bánh cuốn có người em trai làm thợ nề. Một gia đình chồng đi kéo xe, vợ đi đội than. Còn lại là mấy gia đình công giáo vùng biển bị bão lụt và đói kém, không có ruộng bãi gì cả, kéo hết một chi họ lên tỉnh chuyên nghề gánh nước thuê, nghĩa là sống chỉ bằng có đôi thùng sắt tây, mấy gia đình này cũng đông người, cũng lắm trẻ con. Rách rưới, ăn uống cơm niêu nước lọ, chạy gạo từng bữa và ăn nói giữ gìn, mua sắm rất chặt chẽ. Nhất là mấy nhà có cha mẹ già.

Hình như cả ngày họ đọc kinh. Sáng dậy, đọc kinh từ lúc còn tối đất. Trưa ngủ dậy, đọc kinh. Tối, trước khi đi ngủ, đọc kinh. Hai bữa ăn, mọi nhà thường chỉ làm dấu cám ơn và xin phép Chúa, thì họ cũng đọc kinh. Giọng rền rĩ, nghe ban đêm trong nhà không thắp đèn và những buổi trưa gió bão ù ù, sao mà buồn thảm ! Lúc nào, câu mở đầu của họ cũng là : Ôn Bề trên, ơn Chúa, lạy Chúa, ăn mày Chúa, cầu xin Chúa, sáng danh Chúa, sáng danh Cha cả, ơn Đức Mẹ, xin Đức Mẹ và Giê-su-ma lạy Chúa tôi... Giê-su-ma lạy Chúa con...

Bác gái nhà hàng phở và thím S. bán bún riêu bán cháo thì khác hẳn. Nói tục còn hơn đàn ông và văng "đếch" cả với giới ! Luôn luôn tôi thấy hai người chửi bọn đội sếp, bọn lấy

vé chợ và chửi cả những nghị viên nghị hùn, mồm miệng làm sao mà cứ như ngậm hột thị, đã chẳng biết và chẳng chịu nói năng gì để giảm bớt thuế vé cho dân, lại cứ gặt bữa đi với các bổ nọ, ông kia để cùng sung sướng cái thân cái đời !...

Cuối 1930 sang 1931, 1932, những tin về cuộc "phiến loạn cộng sản" ở Nghệ an và những hoạt động cộng sản ở Hà Nội, Hải Phòng và các thành phố khác, ở hầm mỏ, nhà quê... cứ một ngày một nhiều, một dồn dập thêm. Trong các vụ xử án, các báo phải đăng cả những câu hô khẩu hiệu như : "Đảng cộng sản Đông Dương muôn năm" hay "Đả đảo quan tòa, đả đảo chính phủ" của những người cộng sản ra đứng trước vành móng ngựa. Nhiều chi tiết khác cũng ghê lạ quá sức, như tung cờ, rải truyền đơn, mà không biết làm thế nào, họ ở trong tù, bị khám xét cấm đoán nghiêm ngặt đến như thế, mà vẫn có và mang ra ngoài được ? Rồi cả vượt ngục nữa ! ! !

Toàn những án khổ sai, cấm cố. Từ mười năm, hai mươi năm đến chung thân và án chém. Nguyễn Đức Cảnh bị chém ở Hải Phòng. Lý Tử Trọng hay Trọng Con (những người thường phạm còn gọi là Ông Nhỏ hay ông Tám Hui) bị chém ở Sài Gòn.

Cũng không hiểu từ sách nào, báo nào hay từ ai mà những : *Nước Nga cộng sản, Thế giới đại đồng, Đời sống làm ăn sung sướng như nhau, Cách mạng cộng sản, Tiến lên chủ*

nghĩa xã hội... đã không những chỉ thành chữ mà còn thành những hình ảnh, những ấn tượng trong tâm trí tôi nữa !

Thế là bên cạnh những Tôn Ngộ Không, Na Tra, Trương Phi, Triệu Tử Long, Lỗ Trí Thâm, Lâm Xung, Lý Quì..., những Ngô Quyền, Vua Bó Cái, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Phạm Ngũ Lão, Dã Tượng, Yết Kiêu, Trần Quốc Toản..., bên cạnh những Hoa Quả Sơn, Lương Sơn Bạc, rừng Yên Thế, Vườn Trầu Nam Kỳ và các núi rừng, sông biển xa xôi hiểm trở của cái tủ tiểu thuyết và của cái đầu óc giàu sự mơ tưởng là tôi ấy... nay lại chất ngất thêm bao nhiêu hình tượng, vang dội thêm bao nhiêu tiếng gọi.

Những hình tượng và những tiếng gọi vẫn đầy những bí ẩn, đầy thơ mộng và thật là mới lạ, đã gợi dậy cho tôi biết bao ý nghĩa cao quý và kỳ hùng mà tôi chỉ mới cảm thấy một cách ngây dại về Tổ quốc, về xã hội và đời sống.

... Tôi vẫn đến trường học bằng tất cả những quãng đường thương yêu nhiều kỷ niệm nhất, vẫn tìm những gốc cây, những bụi rậm đọc sách, đọc báo một mình, vẫn bữa no bữa đói, bữa nhịn mà so sánh, nghĩ ngợi về bao nhiêu điều bất công, bao nhiêu sự trái ngược, bao nhiêu nỗi tủi nhục, đau xót, bao nhiêu cảnh nghèo hèn, buồn thảm ở ngay cùng nhà tôi, ở chung quanh tôi và khắp nơi khắp chốn bấy giờ.

Đứa bé mồ côi mười hai tuổi ấy vì thế lại càng mơ ước và khao khát. Không chỉ là được no ấm mà phải còn được

thêm những sự công bằng, sự tươi sáng, những sự thiêng liêng, sự cao quý phải thật và đúng như ý nghĩa của nó ! Và phải làm sao, phải tìm cách nào để được có, được hưởng thật, và đúng như thế.

Chương V

NHỮNG BÀI THƠ TẬP ĐỌC
VÀ HỌC THUỘC LÒNG

CON CÒ MÀY ĐI ĂN ĐÊM

Đậu phải canh mềm lộn cổ xuống ao

Ông ơi ông vớt tôi nao

Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng...

Phải ! Những cánh cò đó đã chơi với, chao liệng suốt tuổi thơ tôi, trong khi ấy, một màu trắng và một làn hương cùng nhau ẩn hiện trong trí tưởng tôi : màu trắng và hương hoa sen tươi mát vô ngần.

Trong đầm gì đẹp bằng sen

Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng

Nhiều vàng bông trắng lá xanh

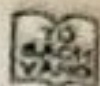
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

Nếu như tôi không nhớ sai, thì tám câu thơ đó ở trong sách tập đọc quốc văn lớp đồng ấu, gọi nôm là *lớp bét*, hay

lớp dự bị, gọi nôm là *lớp tư* của chúng tôi ngày xưa. Cho đến bây giờ tôi cũng không thể nhớ lại hay phân tích nổi rằng tôi đã thuộc trước khi đọc, khi học, hay đọc và học rồi mới thuộc. Cũng như tôi không thể nhớ lại và phân tích nổi, tôi đã thuộc bằng mắt hay bằng ngân nga với những dòng chữ, nhìn những nét vẽ ngây dại thô sơ, hay bằng cả tưởng tượng nữa.

Trường tôi học mấy năm sơ đẳng ấy mang tên một viên quan Tây, nó vừa lòng thông, vừa lúng củng, ngay cả những học trò trường Thành chung viết thạo tiếng Pháp khi đọc cũng thấy vất vả : Bờ-ri-e-rơ đờ lít-lơ⁽¹⁾. Mọi người và chúng tôi đều gọi là trường Gốc Ngái. Đúng là một cây ngái, lá to quá nhiều, cội đã già trông cứ như mình rắn trăn, mình cá sấu. Cây ở phía trước mặt trường, bên cạnh có một cây găng cũng cổ thụ và sum suê. Một cái miếu to như một ngôi đền, ngày càng xây thêm các thứ bệ, các thứ vòm, với các thứ khám thờ đầy những bát hương, bình hoa, mâm bồng, chân nến và các tranh, các tượng hồ xám, hồ vàng, hồ xanh, hồ trắng,, hồ đen, hồ đỏ của khách thập phương đưa nhau quyên cúng mở mang vì sự linh nơi đây. Vốn khu này đã xa các phố chính, phố buôn bán, lại có một cái miếu và hai cái cây, nhiều cả ma lẫn thần thánh nổi tiếng như thế, nên đêm đêm càng vắng. Và càng vắng thì lại càng kích thích cái học trò tợn tạo chúng tôi bày đủ các trò, tìm đủ các cách, nghĩ đủ mọi mưu mẹo để nghịch

(1) Brière de l'Islo.



ngọt mà phá phách. Nhất là để trên chông, báng bổ mấy thầy cúng, cung văn và người coi miếu đã coi chúng tôi hơn cả giặc, cả quỷ !

Khoảng hai ba năm đầu tôi học ở đây, thành phố khởi công xây cái bể chứa nước trên khu đất hoang trước trường học và đằng sau miếu Gốc Ngái. Những buổi êm ả, tôi phải nghe cả hai tai hai thứ tiếng khác ngược hẳn nhau. Một bên là những tiếng chập cheng đàn phách riu rít, châu văn thánh thót, mê quuyến. Một bên là những tiếng búa sắt máy nện ình ình rung chuyển cả mặt đất đóng những cọc bê-tông to làm chân móng. Và mắt tôi cũng phải chia ra mà trông, một bên là những cột bê tông ngày càng vút lên sừng sững như để chống trời, mây trắng nhiều lúc bay qua tưởng như bị xé ra, bị chặn lại. Một bên là những làn khói vàng hương chập chờn trên ngọn cây qua những đám lá xanh rì.

Tôi ngắm trông và lắng nghe như thế để rồi lại dần dần trông và nghe cả một đầm sen toàn sen trắng hiện ra với các thứ tiếng gió, tiếng sáo diều, tiếng chim và man mác không chỉ là hương sen, mà cả mùi lá sen khô, mùi ngó sen ngọt sớt và mùi nhị sen bùi bùi dăng dăng. Rồi cánh cò lại rập rờn bay liệng. Một chân trời mở ra vừa lúa xanh vừa lũy tre long lanh sương khuya và nắng xuân, đón hết lớp cò này tiếp đàn cò khác bay đến.

Nhưng ô kìa ! Sao giữa ban ngày nắng to mà trời cứ tối dần thế này, và, không còn cánh mùa xuân nữa ! Đêm

vừa mưa vừa gió. Gió thổi các cành tre vẫy mình rỗng rắc, đập vào nhau ào ào. Cả đầm sen và cánh đồng đen lại như mực trong mưa. Đúng, một con cò lướt lướt, gãy xương, đang lóp ngóp. Nó đang gánh gạo đưa chồng hay kiếm cái tôm cái tép cho con ?

Ông ơi ! Ông vớt tôi nào

Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng

Có xáo thì xáo nước trong

Đừng xáo nước đục đau lòng cò con !...

Ông chài, ông câu hay ông soi cá nào kia ! Con cò của tôi đây ! Con cò mẹ đang có mấy con đây ! Nó đang phải nuôi mấy con và lại đang có mang đây !... Ông mau mau vớt cò lên ! Mà ông ơi ! Ông đừng để cò van vỉ nữa ! Nghe sao mà thương ! Đứt gan đứt ruột người đây ! Tôi sẽ mua thịt mua cá ở chợ về đổi cho ông ! Ông đừng xáo cò mẹ, ông ơi !...

Càng thấy tiếng ve ran và hoa xoan tây đỏ rực, càng ở trong lớp, cổ không cho mắt riu lại, thì càng thấy những làn gió thổi rung rung những bông sen trắng và đưa thoảng hương thơm càng như ru như vuốt tâm trí.

Phố tôi có nhiều cửa hàng cau và mấy nhà viên chức nhỏ. Đến mùa này, nhà nào nhà nấy phải nói là ngập trong hoa sen. Bà già, trẻ con, khách đến chơi, người mua hàng, người nghỉ chân tránh nắng... đều ngồi trên hoa mà tía nhị để

uớp chè mạn, tranh thủ bán tháng hè và cũng để nhà uống. Nhiều đứa bé cải truồng, tóc cun cút, trái đào hay kiêu mới Nhật Bản, tập tênh tênh, chạy chập chững, bò bò toài toài, cứ lồm ngồm giữa các đồng cánh hoa cao có chỗ ngộp đầu chúng. Những đứa lớn thì ú tim và đuổi bắt nhau chạy trốn trong cánh hoa và ném nhau, quật nhau với các gương sen, cuộng sen...

Tôi lại càng nhớ đến Na Tra. Tôi cùng Na Tra không bơi nghịch ở Đông Hải mà ở một đầm sen giữa cánh đồng, vừa tắm, vừa bắt cá đuôi cò, vừa mò ốc, thỉnh thoảng lại lên bờ, đu lên những cây vối, cây si, nằm trên những cành thia lia mặt nước. Rồi tẽ những gương sen mà ăn nhân non.

Trong một năm lớp đồng ấu và hai năm lớp dự bị, tôi chỉ nhớ được hai bài tập đọc học thành thuộc lòng ấy, ngoài bài : "Công cha như núi Thái Sơn". Lên được lớp sơ đẳng, tôi còn phải học thêm cả tiếng Pháp, chữ Pháp, với những bài tập đọc và học thuộc lòng của người Pháp viết. Cứ đến giờ "Phờ-răng-se" này tôi lại lo như một kẻ sắp lên buồng tra của sở mật thám hay ra tòa xử tội. Bởi vậy, những bài học tiếng ta càng thêm vui thích sung sướng, tuy các bài này dài hơn, nhiều hơn, nhưng lại rất dễ đối với tôi, và càng làm tôi mê sách mê truyện, nghĩa là càng thích mơ mộng, thơ thần.

Đêm qua ra đứng bờ ao

Trông cá cá lặn trông sao sao mờ...

Cảnh minh họa trong bài học có bóng một người đội khăn, mặc áo dài, chắp tay sau lưng, quay mặt trông trời lấp lánh sao, bên cái cầu vồng ở bờ ao tối mờ mờ.

Có lúc tôi đã nghĩ đây là một người quen thật của tôi, có thể là họ hàng ruột thịt kiếm ăn ở một phương xa đang hướng về cố hương :

Buồn trông con nhện chăng tơ

Nhện ơi nhện hỡi nhện chờ mối ai ?

Tôi chỉ lơ mơ nghe thấy giáo giảng các nghĩa, các ý và so sánh hình tượng. Tất cả tâm trí và mắt nhìn của tôi cũng như dính vào mạng tơ rung rung trước gió với một con nhện lơ lửng giữa khoảng không đang giờ giờ càng, vừa ra về nhện trông, vừa ra về vờn đón, ngạc nhiên và thất vọng. Tiếng gió khuya vu vu. Và chính bóng người chỉ thấy đầu đội khăn, tay chắp sau lưng mà không thấy mặt kia, đang nấc lên mà gọi trời, gọi sao, gọi nhện.

Đêm đêm tưởng dải Ngân Hà

Chuôi sao Tinh Đẩu đã ba năm tròn...

Thì ra cái vùng sao như cát, như thủy tinh vãi kia ở trong tranh minh họa là dải Ngân Hà ? A ! Sông Ngân ! Sông Ngân ! Thế là con sông điển tích mà tôi được biết bấy lâu, hằng năm cứ đến tháng bảy thì có một đôi vợ chồng tên là Ngưu Lang và Chức Nữ được quá giang gặp nhau, và chỉ được gặp nhau có một ngày thôi ấy, lại chính là con sông có một

người không có tên nhưng tôi thấy lại quen quen và thân thương, đang ngược mặt lên trông ngắm mà nhớ thương, mà mong đợi. Mong đợi và nhớ thương không tả rõ là ai, là đâu, là gì, mà sao vẫn thấy có một người, có một nơi, có một tình, có một cảnh, vừa man mác, vừa băng khuâng, vừa da diết vô cùng.

Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn

Tào Khê nước chảy vẫn còn trơ trơ.

Lại con sông Tào Khê này nữa ! Hơn bốn mươi năm sau đây, tôi đã được tới đứng trên bờ phù sa của nó mà trông trời mây sông nước rồi cả sao khuya. Sông Tào Khê vắt qua huyện Quế Võ tỉnh Hà Bắc, thông ra sông Cầu, nhỏ hẹp thôi, nhưng cũng chảy xiết lòng người, khiến những ai kia đã phải ghen ngào :

Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn

mà nói với sông :

- Ôi Tào Khê ! Nước Tào Khê làm đá mòn đấy ! Nhưng lòng nước Tào Khê không bao giờ cạn chính là lòng chung thủy của ta !

Vì nhớ mà buồn, một bài không phải học kỹ mà cũng thuộc lòng ngay, cả nhiều bạn tôi xưa cũng thấy như thế.

Cũng năm lớp sơ đẳng, tôi còn nhớ bài này nữa và nó còn đưa trí tưởng đến những người và cảnh lạ hơn, xa hơn :
Lính thú đời xưa :

Ngang lưng thì thắt bao vàng
Đầu đội nón dẫu, vai mang súng dài
Một tay thì cắp hỏa mai

Một tay cắp giáo, quan sai xuống thuyền...

Cái người lính không có hồn của cổ bài tam cử mà tôi mê mãi cay cú chơi cả ngày cả đêm với những người lớn suốt tháng chạp, tết, sang cả tháng giêng, tháng hai lúc trước kia, bỗng khác lạ hẳn ! Tôi thấy họ thật là người sống, đi đi lại lại, ngoài những nón dẫu, bao đạn, giáo và súng hỏa mai xóc xách, lịch kích trên người lại còn thêm bao nhiêu thứ ở chung quanh, mà thứ nào cũng làm tôi phải suy nghĩ. Nhất là vé mặt, dáng người và sự lặng lẽ. Lặng lẽ không phải vì trong thơ, trong bài tập đọc không thấy có câu nào của họ nói, hay ở hình vẽ họ không thấy lấp bắp cái miệng. Đứng bên họ, có người vợ hẳn hoi, và là một người nhà quê rất thân thuộc, chít khăn, mặc yếm, áo nâu thắt vạt, tay bế một đứa bé lên hai lên ba, thằng này nhòai người ra với bố.

Thùng thùng trống đánh ngũ liên

Bước chân xuống thuyền nước mắt như mưa...

Tuy chỉ có hai tiếng "thùng thùng" trong một câu sáu chữ, nhưng tôi thấy âm vang rộn rục cả người, con sông cùng bến thuyền như sắp nhấp nhô cả lên. Và không thấy nét gì là châu lệ trên cả mặt người chồng và người vợ, tôi cũng vẫn nghe thấy tiếng òa khóc. Còn trên thuyền quan lúc bấy giờ,

chỉ có mấy hình vẽ tí teo một người lính thúc trống và mấy người lính vác giáo đứng leo heo nhìn lên bờ, cũng không được tả mặt mày, thì lại càng làm cảnh xuống thuyền ảm đạm hơn.

"Nước mắt như mưa..." Tôi đã hỏi ai khóc như thế lúc bấy giờ ? Chỉ có vợ chồng người lính thú hay cả mấy người lính trên thuyền ? Và sao họ ra đi, chia tay nhau buồn thảm như thế ?

Ba trăm trấn thủ lưu đồn

Ngày thời canh điểm tối dồn việc quan

Chém tre dẫn gỗ trên ngàn

Hữu thân hữu khổ phần nàn cùng ai...

Lúc còn bé, tôi được nghe bà tôi cho biết mấy điều về lính đi thú. Sau đây, đọc sách, tôi lại được biết thêm vài nét cả về quan đi thú. Là quan thì phần nhiều bị giáng chức vì lỗi nặng, hoặc cũng có thể vì bị gièm pha, ganh ghét, kèn cựa. Là lính thú thì hầu hết là nghèo hèn, không có tiền lễ lạt chạy chọt và cũng không dựa dẫm được ở cửa thần thế nào.

Làm thì như thế đấy. Còn ăn :

Miệng ăn măng trúc măng mai

Những đang cùng nứa biết ai bạn cùng...

Đi lên những chốn rừng thiêng nước độc, sống như thế thì cũng chẳng hơn mấy những kẻ tù tội, lưu xứ hay đi đày ở các đồn các trại của họ. Bởi vậy họ càng khao khát và đã cố tự an ủi mình với câu cuối cùng này :

Nước giếng trong con cá nó vầy vùng.

Sao ? Sao lại là nước giếng trong ? Sao lại cần đến nước giếng trong ? Và sao lại là "con cá nó vầy vùng" ?

1882, Hoàng Hoa thám và nông dân Yên Thế khởi sự chống Pháp. 1909, đồn Phồn Xương, doanh trại của nghĩa quân bị phá.

1923, cụ Đề Thám bị mưu hại.

1917, Đội Cấn và các binh lính Việt Nam cùng các tù án nặng trong đó có cụ Lương Ngọc Quyến và một số nghĩa quân cũ của Đề Thám nổi dậy cướp đồn, phá đề lao, đánh chiếm Thái Nguyên, chống lại rất quyết liệt với quân quan của chính phủ Pháp bảo hộ.

Mấy chuyện chống Pháp oanh liệt trước ngày tôi đẻ không xa, bà nội tôi thỉnh thoảng lại kín kín hờ hờ kể cho tôi nghe, làm ly kỳ bí mật thêm, có đoạn thành như giai thoại. Hay tôi cũng được nghe kiểu như thế trong những câu chuyện của những khách hàng ăn cơm ngủ trọ ở nhà tôi, và của cả một vài ông bạn rất lạ ở những đâu xa lắm và đi nhiều nơi lắm, thỉnh thoảng mới lại về ghé chơi với cha tôi một hai đêm.

Tôi đã xuống chiếc thuyền quan với những người lính thú ấy. Tôi cùng họ ngược lên những vùng rừng núi chưa bao giờ được nghe nói đến, hay trái lại, cứ mỗi lần thấy nhắc đến tên thì lại càng thấy xa xôi, hiểm trở, bí mật, dữ dội. Tôi theo họ đi khiêng gỗ, vác nứa và kiếm măng trúc, măng mai. Bên

cạnh chúng tôi có cả những người nhà pha đóng xiềng dồng từ cổ xuống hai chân. Họ đã thành những lính khố xanh, khố đỏ cùng những người tù rạc phần đông là nông dân nghèo đói cùng cực quá phải làm liều ; những người tù chính trị canh gác và đóng xiềng nọ ngày đêm nghe ngóng vì tin rằng tất cả những vị thủ lĩnh yêu nước như các cụ Đề Thám, Đội Cấn, Lương Ngọc Quyến vẫn còn sống và đang mưu đồ việc nước. Ngày ấy đã đến. Họ đã phá đồn, phá trại, phá ngục thất, kéo nhau nhập vào quân của cụ Đề Thám, của ông Đội Cấn kéo cờ nghĩa mà "nước giếng trong con cá nó vấy vùng".

Lại những đoạn phim chiếu cuộn cuộn, bùng bùng trong trí tưởng tôi ! Lại những trang tiểu thuyết vào loại *Tiếng sấm đêm đông*, *Châu chấu đá xe* mở ra dồn dồn trước mắt tôi trong những tiếng *thùng thùng trống đánh ngũ liên* không phải giục người đi thú mà gióng lên để tế cờ, đốc quân xuất trận...

Đã bao năm, rừng núi và biển cả đã cuốn hút trí tưởng tôi. Biển cả thì có những Đông Hải long vương, Thủy tinh cung, cá kình, thiên ngư, hải mã và một thứ ngọc thần, ai mang được nó trong người đi xuống nước thì nước phải rẽ ra, như đi trên mặt đất. Rừng thì âm u, cây cao chắm mây, rậm rạp, chằng chịt dây gai, không để lọt ánh mặt trời ; hổ, báo, rắn độc không cho một ai vào đây sống nổi. Cửa rừng lại có một bà chúa không có đền, có miếu thờ, chỉ ở một hốc cây hay hòn đá, nhưng bất kỳ ai qua đây mà hơi có ý phạm thượng

thôi cũng bị làm chết ngay. Những thợ sơn tràng, những người kiếm củi, kiếm nấm hương, mộc nhĩ, mật ong... được làm ăn, sống hay chết, đều do bà quyết định. Còn núi, núi lớp lớp, tầng tầng và thường nổi lên một ngọn cao nhất lẫn trong mây trời, ở đây đóng một sơn trại tụ tập các tay hảo hán võ nghệ cao cường, bộ hạ hàng ngàn người vong mệnh chia nhau trấn giữ, rình đợi ở các quăng hiểm trở, sẵn sàng đánh nhau với triều đình vua quan thối nát.

Giữa lúc tôi nghĩ và tưởng tượng như thế, bà Huyện Thanh Quan đã đưa tôi đến Đèo Ngang. Đến Đèo Ngang đúng vào buổi chiều tà chỉ có hai người trên đỉnh đèo mà ngắm cảnh :

Cỏ cây chen đá lá chen hoa...

Ngày trước tôi đã nghe mấy người thích ngâm vịnh thơ, đến câu này, họ thường tranh luận với nhau đại ý như sau : bà Huyện nhà ta tả cảnh không thật không đúng, vì cỏ cây chen đá thì được, chứ lá chen hoa thì phi lý. Hoa gì mà lại nhiều, lại rậm đến lá phải chen ? Tôi còn bé, không được phép góp nhời vào những cuộc đấu khẩu, đấu trí về văn chương chữ nghĩa của những người lớn này. Nhưng tôi cứ thấy bà Huyện Thanh Quan đúng và thơ bà cứ hay, mà tôi không thể phân tích và cũng không muốn phân tích.

Tới năm gần đây, trên một quả đồi của Yên Thế, nhà tôi có trồng thêm mấy gốc đào, gốc mận, gốc ổi, ngoài mấy bụi tre. Được hai năm, rồi ba năm, những gốc mận bắt đầu bói. Đến năm thứ tư, rồi thứ năm, thứ sáu, cây vừa to vừa

cao sum suê, hoa nở rất tốt. Đến giữa năm kháng chiến chống Mỹ ác liệt đầu xuân 1967, một chuyến đi công tác về còn cách nhà khoảng mấy cánh đồng, tôi trông lên bỗng ngạc nhiên, hồi hộp vô cùng. Một màu trắng tuyết hiện lên trên đỉnh đồi phơi phơi ở cả trong vườn và chung quanh nhà tôi. Hoa mận ! Hoa mận nở rộ. Rồi bữa cơm hôm ấy ngồi trong nhà nhìn ra, nhiều lúc nắng rực, tôi như lóa mắt vì các cây mận sáng lên, tựa hồ có hàng vạn ngọn đèn treo bật lên với những tua pha lê, còn dưới đất thì cánh hoa che hết như trái dăng ten hay một thứ vụn bánh gì có thể ăn được.

Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi...

Chỉ mới là một khoảng vườn mận đầy thôi, chứ là một rừng mai thì còn đẹp biết bao ! Ngàn mai trắng xóa, gió xuân lạnh lùng từng cơn, từng cơn thổi dài, và có những cánh chim bay qua. Những cánh chim cũng giang hồ lữ thứ...

Rồi tôi được trông ra biển và nghe biển sóng của Nguyễn Du :

Buồn trông cửa biển chiều hôm

Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa

Buồn trông ngọn nước mới sa

Hoa trôi man mác biết là về đâu...

Thêm một lần nữa tôi được thấy cái đẹp. Cái đẹp với bao nhiêu vẻ mà tôi cũng không thể phân tích sâu cũng như so sánh kỹ với những thứ khác.

Tôi không chỉ được hưởng cái đẹp mà mắt tôi có thể nhìn thấy, mà còn cả những cái đẹp tôi tưởng tượng ra và suy nghĩ thêm. Cái đẹp của cảnh vật hình như là phụ. Chính là cái đẹp của sâu xa, của vời vợi, của tuyết vời trong nỗi nhớ, lòng thương và tình yêu - cái đẹp của Người :

Buồn trông gió cuốn mặt ghềnh

Và chạnh nghĩ :

Sân Lai cách mấy nắng mưa

Có khi gốc tử đã vừa người ôm.

Khiến người nghe hình như tré dại thì sự tiếp nhận lại càng linh diệu.

Tới đây tôi xin phép trở lại thêm với một bài tập đọc lớp sơ đẳng của tôi : Thác Khôn.

Hoàn toàn tôi không còn nhớ được một đoạn hay một câu trong bài này, cũng như không biết của ai soạn, ai trích. Hình vẽ cũng bình thường chứ không có núi cao chót ngất, rừng phủ âm u và suối khe cheo leo hiểm trở như của những tranh thủy mặc Trung Quốc hay tranh tây, in ở các báo ảnh màu. Lời văn cũng thế, không có sự chau chuốt, nhịp nhàng, hoa mỹ như một số bài văn tả cảnh thời bấy giờ. Nhưng lạ thay, tôi vẫn cứ phải băng khuông, tâm trí cứ bị hút đi với những chữ, những cảnh của Nó. Thác Khôn của sông Mê-kông. Sông Mê-kông chảy qua Lào, Cao Miên rồi đổ ra biển với chín cửa, chín con sông, gọi là Cửu Long Giang của đất Nam Kỳ,

cách tỉnh Nam Định của tôi gần hai ngàn cây số. Thác Khôn nổi tiếng của sông Mê-kông, không phải không xa xôi, không lạ lẫm đối với tôi ! Vậy mà sao tôi thấy tôi có thể đến với Nó, nhập vào Nó, muốn ngồi với Nó rất lâu mà ngắm trông, mơ tưởng suy nghĩ về cái được truyền tụng là đẹp của Nó và của dòng sông Mê-kông dề ra Nó kia... Thác Khôn ! Thác Khôn ! Và để rồi đến năm 1954 - 1955, tôi đã làm và làm được bài thơ *Cửu Long Giang ta ơi !* Coi như bài thơ đầu tay của tôi, mặc dù đến tận năm ấy tôi cũng vẫn chưa được đến với những nơi kia !...

Đây Mê-kông và Cửu Long Giang của tuổi thơ tôi.

Đây Mê-kông và Cửu Long Giang của Người, Thác Khôn à !

Ngày xưa ta đi học ,

Mười tuổi thơ nghe gió thổi mùa thu

Mắt ngẩng lên trông bản đồ rực rỡ

Như đồng hoa bỗng gặp một đêm mơ.

Bản đồ mới, tường vôi cũng mới

Thấy giáo lớn sao, thước bảng cũng lớn sao

Gậy thần tiên và cánh tay đạo sĩ

Đưa ta đi sông núi tuyệt vời.

Tim đập mạnh hồn ngây không sao hiểu

Mê-kông sông dài hơn hai ngàn cây số mộng mênh
 Nguồn tự Trung hoa có Vạn lý trường thành
 Có Hi Mã Lạp Sơn, Động Đình Hồ, Tây Du, Thủy Hử.

Mê-kông cháy
 Cây lao đá đổ
 Lan hoang, dừa mật, thông nhựa lên hương
 Những trưa hè ngun ngút nắng Trường Sơn.
 Ngẫm nghĩ voi đi
 Thác Khôn cười trắng xóa
 Rừng Lào - Miên rộng quá
 Dân Lào - Miên mến yêu
 Xôi nếp, nước trong sẵn sàng chia bạn đối
 Ta đi... bán đồ không nhìn nữa...
 Sáng mùa thu lại còn bướm với trời xanh
 Trúc đào tươi, chim khuyển rìa cánh,
 sương đọng long lanh.

Ta cởi áo lội dòng sông ta hát
 Mê-kông cháy, Mê-kông cùng hát
 Rừng núi lùi xa
 Đất phẳng thở chan hòa

Sóng tỏa chân trời buổi trắng.

Nam Bộ

Nam Bộ

Chín nhánh Mê-kông phù sa nổi váng...

Ruộng bãi Mê-kông trồng không hết lúa

Bến nước Mê-kông tôm cá ngập thuyền

Sầu riêng thơm dậy đất Thủ Biên

Suối mát dội trong lòng dừa trầu quả.

Mê-kông quận đê

Chín nhánh sông vàng

Hồn Nam Bộ kim cương

Nông dân Nam Bộ gỏi đất nằm sương

Mồ hôi vã bãi lầy thành đồng lúa

Thành những tên đọc lên nước mắt đều muốn ứa.

Những Hà Tiên, Gia Định, Long Châu

Những Gò Công, Gò Vấp, Đồng Tháp, Cà Mau

Những mặt đất

Cha ông ta nhắm mắt

Truyền cháu con không bao giờ chia cắt.

Ta đã lớn
 Thầy giáo già đã khuất
 Thuốc bỏng to nay thành cán cờ sao
 Những tên làm man mác tuổi thơ xưa
 Đã thấm máu của bao hồn bất tử
 Những Minh Khai, Hà Huy Tập, Lê Hồng Phong, Trần Phú
 Những bông hoa dân tộc anh hùng
 Mười sáu tuổi xanh xanh
 Em được Sống đốt mình phá tan kho đạn giặc
 Võ Thị Sáu vành răng cắn chặt
 Giữ trung trinh cho đến phút cuối cùng
 Đạn giặc xuyên lỗ chỗ ngực măng non
 Đỏ thắm nụ cười
 Chào Bác Hồ và Việt Nam bất diệt.

Đêm nay
 Cửu Long Giang vẫn âm vang sóng cát
 Sao khuya lấp lánh
 Lửa chài thức sáng, nhịp hát hò ơ
 Đồng Tháp xa đưa những tiếng mẹ ru
 Hồ Chí Minh thành ca dao bất ngát...

Quê ngoại tôi ở làng Phù Long. Làng Phù Long chung đồng chung bãi với làng Vị Xuyên. Và cả chung chợ nữa : chợ Vị Hoàng. Con sông Vị chảy trước mặt chợ, qua đường phố Hàng Cót vòng ra sau phố Hàng Nâu. Nhà thi sĩ Tú Xương ở phố Hàng Nâu. Năm năm, cứ đến ngày tết, từ phố Hàng Cau chôn rau cắt rốn của tôi lên nhà bà ngoại tôi, mẹ tôi thường thuê xe kéo cho anh em tôi lên Phù Long mừng tuổi họ ngoại. Cái vinh hạnh bung quả sơn son đựng một chục cam, một chục cau và một cân kẹo Sầu Châu là phần tôi. Cũng vì tôi là anh, cũng vì bung quả đồ lễ này, tôi được phong bao nhiều hơn em gái tôi. Thường thưởng là hai hay ba xu, xu đồng đỏ ối, cạnh và chữ còn sắc, đề ngay cái năm 1923, 1925 hay 1928, gói bằng miếng giấy hồng điều rất vuông vức.

Ngày ấy tôi chưa biết gì về nhà thơ Tú Xương. Nhưng cái phố quê hương của thi sĩ vẫn có một vẻ gì đặc biệt, làm tôi hồi hộp, u hoài một cách lạ. Những dãy nhà ở đây cũng cổ kính như mấy dãy nhà các phố xưa của Hà Nội. Đã thế lại là những cửa hàng bán toàn những thứ rất thân thuộc, như song, mây, mâm bát, nâu, vò, từ cách bày hàng đến đồ đạc và người, trong nhà, trông cứ như ở tranh vẽ hay chuyện kể từ đời Cảnh Hưng hay xa xưa hơn nữa. Ngoài ra còn một hiệu bánh khảo nổi tiếng vì ngon, tinh khiết, không bao giờ đơn sai và được coi là gia đình nền nếp : hiệu H.T.

Tôi ôm cái quả sơn, đầy một lòng, tấm áo mới may bằng hàng tơ bóng có hoa chìm lại càng đẹp thêm, quý thêm,

của tôi thêm ! Những tranh tiến tài tiến lộc, những câu đối, những vuông giấy hồng điều nền kim sa chữ đen ónh, những xác pháo, những hình cung tên và bàn cờ kè vẽ bằng vôi trắng tinh ở trước hè, bức thềm, những cảnh nêu lạng keng trong những vườn nhà ở sân phía trong..., tất cả những thứ đó ở quảng phố Hàng Nâu, Hàng Bát, Hàng Cót lên đến nhà bà ngoại tôi, cũng đều khác hẳn, có vẻ tết hơn những thứ như thế ở phố Pôn Be, phố Khách, phố Máy Tơ, Ngã Sáu...

Lặng lặng mà nghe nó chúc nhau

Từng khúc bốn câu của bài thơ về tết của Tú Xương, cứ từng năm từng năm trước những ngày tết và sau những ngày tết, đã trở lại trong trí nhớ tôi và ngân lên bằng một giọng sang sảng, nghe sao mà thấy chua chát, buồn bực, day dứt và rất lạ, khác hẳn các thơ khác, mặc dầu người nghe và thuộc lòng nó là tôi chỉ mới lên tám, lên chín tuổi.

Phải ! Tôi chỉ được học có một bài thơ "Lặng lặng mà nghe nó chúc nhau" của Tú Xương qua sáu lớp và chín năm ở nhà trường tiểu học - tôi bị học đúp ba lần ba lớp ! Nhưng sao tôi cứ thấy có một sức gì nặng nặng ở trong tâm trí tôi với tác phẩm đó, và tên tuổi Tú Xương cũng khác hẳn với bà Huyện Thanh Quan mà tôi vừa được cha tôi dạy truyền miệng, vừa được học ở nhà trường, nghe giảng kỹ hơn cả, và tôi ngâm nga luôn. Nhất là khi đọc bài đó, thầy giáo tuyệt nhiên không nói gì đến thân thế và sự nghiệp của nhà thơ. (Có phải vì thầy không nghiên cứu hay vì thầy không biết rõ chững ?) Đã

thế, ngày đó, tôi lại gần như không được đọc một tập nào có nhiều thơ Tú Xương hay nghe nói một bài giới thiệu nào về Tú Xương cả.

Lặng lặng mà nghe nó chúc nhau...

Những tiếng súc sắc súc sế hay những tiếng đàn nhạc bát âm càng nhộn nhịp, riu rít trong những ngày tết và ngày hội hè, khao vọng, đình đám vui xuân bao nhiêu, thì những khúc thơ lạ nọ càng lộng lên bên tai tôi, làm tôi thấy Tú Xương khác biệt, không thường, mà rất gần mình, rất là của mình... Tôi cũng phải kể thêm rằng, tuy làng ngoại tôi ở ngay cạnh làng Vị Xuyên và tôi thường đi lại đường phố Hàng Nâu có nhà Tú Xương, nhưng tôi gần như không được một lần nào bà con hay khách khứa của cha mẹ tôi kể cho tôi biết một chuyện nhỏ về đời sống và văn thơ Tú Xương !...

1965, trong chuyến đi về Nam Định công tác với nhà thơ Tế Hanh, một đêm thành phố đang căng thẳng đón đánh máy bay giặc Mỹ đến bắn phá, đồng bào sơ tán gần hết, chúng tôi đã tìm đến ngôi nhà xưa của Tú Xương. Anh bạn trẻ của quê hương Quảng Ngãi đã được cha đặt tên là Trần Tế Hanh để tỏ lòng yêu mến và phục tài nhà thơ Trần Tế Xương kiệt xuất của thành Nam kia, sau khi từ già ngôi nhà cũ qua bao nhiêu cuộc biến thiên chỉ còn giữ được mấy bức tường và một tầng nhà nhỏ hẹp thấp sáng một ngọn đèn dầu lửa, anh đã ngùi ngùi bảo tôi rằng kỷ niệm dọc đường này sẽ là kỷ niệm sâu thắm nhất của đời anh.

Tế Hạnh ơi ! Thế ra chỉ có Tế Hạnh giữ kỷ niệm đó thôi ư ? Còn tôi, cùng chôn rau cắt rốn với Tú Xương trên đất non Côi sông Vĩ này, cùng chứng kiến bao nhiêu nghịch cảnh, bao nhiêu đổi thay xé ruột sôi gan, rồi khi lên chín lên mười tuổi, tôi được đọc và học một bài thơ Tú Xương, vậy mà cho tới đêm ấy tôi mới được biết thật nhà và đến trước nhà của Tú Xương... như thế còn tôi, phải, còn tôi thì sao ?!

Ngoài những bài học được truyền miệng từ lớp tư đến lớp nhất, tôi còn được học thơ của Nguyễn Khuyến. Nhưng, Nguyễn Khuyến cũng như Tú Xương, tôi hoàn toàn không được biết là ai, là như thế nào cả ! Đã thế lại còn có những bài thơ của Nguyễn Khuyến chỉ thấy tên bài mà không đề tên tác giả, nên đến tận phút viết đoạn này, nếu không có những sách mới ra nghiên cứu và giới thiệu Nguyễn Khuyến, thì tôi vẫn cứ tưởng là thơ... của không biết ai !

Ông đứng làm chi đó hỡi ông ?

Trơ trơ như đá vững như đồng

Trông ông mà ngán cho ông quá

Nước cạn non mòn có biết không ?

Cả cô ruột tôi cũng thường đọc mấy câu thơ trên đây khiến tôi thuộc thêm. Nếu như sắp đến tết Trung Thu, quang cảnh các phố Hàng Thiếc, Hàng Giấy, Hàng Đường, Hàng Vải Màn, Hàng Đàn và các chợ, các hiệu bánh rai rắc trong thành

phố đã làm tôi náo nức mong mỗi bao nhiêu thì bài thơ Vịnh
tiến sĩ giấy cũng góp phần như thế :

Cũng cò, cũng biển, cũng cân đai

Cũng gọi ông nghề có kém ai

Mảnh giấy làm nên thân giáp bảng

Nét son điểm rõ mặt văn khôi

Tám thân xiêm áo sáo mà nhẹ

Cái giá khoa danh ấy mới hài

Ghế chéo lưng xanh ngồi bánh chọe

Nghĩ rằng đồ thật hóa đồ chơi.

Những bài in trong sách giáo khoa (hình như mấy bài không đề tên tác giả) có năm chúng tôi tập đọc, có năm chúng tôi phải học thuộc lòng. Bài trên có tám câu, nhưng tôi chỉ nhớ có hai câu đầu và hai câu cuối. Tuy vậy, cứ mỗi lần đến tết Trung thu, thì tất cả ý và tứ của thơ vịnh tiến sĩ giấy của Nguyễn Khuyến lại càng thấy rõ, thấy đúng thêm. Vì bàn cổ nhà nào cũng bày ông tiến sĩ ấy ! Đó là ở Nam Định chứ còn ở các thành phố khác thì tôi không dám nói chắc.

Các nhà giàu nhất là những nhà buôn bán to, ở phố to, và đông con đông cháu, các cháu gái đẹp, gái đảm, gái tài... mặc dầu cổ đã có những bánh mặt trăng, bánh nướng bằng cái sàng, cái nia, bày với không biết bao nhiêu thứ bánh khác và hoa quả, con giống, đèn các kiểu, các màu, đầy cả ba bốn mặt bàn kê từ trong nhà ra ngoài hè, nhưng vẫn phải có một

ông tiến sĩ. Cũng như những nhà chỉ bày cỗ cho con một nải chuối, một quả bông, mấy quả hồng, hai bát mía tiện ra từng đốt, bồ đôi, xếp thành hình thập, hay bày "to" hơn với một chiếc bánh nướng mỏng như bàn tay và một đôi oản bánh khảo, thậm chí không có cả chuối, cả bông, cả oản khảo nữa, thì cũng phải có một ông tiến sĩ !

Trên những bàn cỗ đứng là cỗ, ông ngồi nghênh ngang giữa tám bánh to nhất, dưới bệ có các long, ly, qui, phượng bằng bột châu, trên đầu treo các thứ đèn xếp, đèn ông sao, đèn thiềm thừ, cá vàng, cá bạc...

Những bàn cỗ nghèo thì bày ông cao hơn đĩa ngũ quả. Và nhà nghèo quá nữa thì ông ra tận bờ hè, bệ là hai hòn gạch, chẳng có bánh trái gì cả, cùng trông mặt trời ban ngày và mặt trăng ban đêm với mấy đứa bé mũi dãi ngoen nhòn, quần áo rách mướp, lúc đầu rất ghê, tranh nhau khiêng ông, kiệu ông, rước ông, sau thì bỏ mặc ông trơ chổng ở đầu hè, xúm nhau chí chước ăn ốc vụn khêu bằng gai chanh, gai bưởi ở giữa sàn trắng, đoạn đưa nhau đi chơi chỗ khác, để ông ở lại với đứa lành nhất, sợ sệt nhất, hay cũng là hạng dở hơi dở hám nhất, là "thần giữ cửa" trong nhà !...

Còn ông tiến sĩ thì đều một kiểu. Mặt bằng đất thó hồ bột và vôi trắng phếch, lông mày như sợi chỉ, lim dim vừa ra vẻ thú vị, vừa ra vẻ mô phạm. Mũ cánh chuồn. Áo thụng và đủ cả cân đai, cờ biển trên người, trước mặt và sau lưng. Tất cả bằng nửa phát giấy. Nếu đặt cặp kên hay bị gió thổi mạnh

là đồ kênh... Nghe đâu có mấy nhà giàu đã bàn với nhau đặt làm ông tiến sĩ ở bên Tàu hay bên Tây, phỏng theo ảnh của cổ ông nội, cổ ông ngoại ngày xưa cũng đỗ tiến sĩ, nhưng khi bày cổ thấy như thế thì là đặt tượng cúng cụ mất, và trông thế nào ấy, không vui bằng tiến sĩ giấy của ta, nên đành thôi !

Lên lớp nhì năm thứ hai, chúng tôi phải học cả bài thuộc lòng tiếng Pháp. Những bài tiếng Việt thì dài hơn. Nhưng được học thơ ta, tôi vẫn thích, hơn nữa, vẫn nhiều hứng thú, khoái cảm và nhớ lâu. Đến năm này, đọc các tiểu thuyết cũng như đọc sách quốc văn, tôi đã bắt đầu chú ý đến văn, ngâm ngợi văn và hay bình văn với một vài bạn ra điều am hiểu văn thơ, đọc nhiều văn thơ, nhất là văn thơ có vẻ cổ. Chẳng hạn :

Bác Dương thôi đã thôi rồi

Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta...

... Cũng có lúc chơi nơi dặm khách

Tiếng suối nghe róc rách lưng đèo

Có khi tảng gác cheo leo

Thú vui con hát liêu chiêu cầm xoang

Cũng có lúc rượu ngon cùng nhấp

Chén quỳnh tương ôm ấp bầu xuân...

Cho tới năm học bài đó, tôi vẫn gần như không biết gì về tiểu sử và thân thế nhà thơ Nguyễn Khuyến. Thậm chí tôi còn cho Yên Đỗ là một người, Nguyễn Khuyến là một người,

và không biết Yên Đỗ là ai, Nguyễn Khuyến là ai. Những bài tôi học có khi chỉ để tên Yên Đỗ không thôi. Và Yên Đỗ được tôi nhớ, được tôi phục, vì là cụ Tam nguyên, đã đỗ đầu ba kỳ thi. Nghĩa là được vào kinh ăn cỗ yến của vua khao, rồi "cưỡi ngựa rong chơi trong vườn Ngự Uyển, mặc áo mũ của vua ban, các công chúa trông thêm rõ dãi!".

Tôi thấy nhà thơ trạng nguyên - tiến sĩ này còn ung dung, nhân hậu, sướng hơn tiên. Bạn ông cũng vào bậc tiên cốt, tiên khí như thế :

Rượu ngon không có bạn hiền

Không mua không phải không tiền không mua

Câu thơ nghĩ đến đo muốn viết

Viết đưa ai ai biết mà đưa

Giường kia treo những hững hờ

Đàn kia gảy cũng ngẩn ngơ tiếng đàn...

Càng về cuối, những câu thơ càng man mác và đọc xong, thuộc rồi, càng bâng khuâng :

Bác chẳng ở đâu van chẳng ở

Tôi tuy thương lấy nhớ làm thương

Tuổi già hạt lệ như sương

Hơi đâu chuốc lấy hai hàng chứa chan.

Thế ra không phải chỉ có Khổng Minh khóc Chu Du, Trương Phi khóc Quan Công, mà cả những bạn thơ và là bạn

già thân thương khóc nhau, nghe không những buồn, những tiếc, những đau, những xót, mà còn "hay" đến như thế kia !

Tuổi già hạt lệ như sương... Cánh tay gầy, áo thì rộng, đưa lên gạt những giọt nước mắt già mù, rồi cầm vội ngọn bút lông viết những dòng chữ cuối cùng cho 'người tri kỷ'. Ở vào một tuổi đã gần đất xa trời, bạn bè thân thiết mỗi ngày một không còn nữa... cụ Yên Đổ ơi ! Làm gì mà thơ cụ không thành hồn của một đứa học trò nhỏ yêu văn, và mãi mãi long lanh trong trí nhớ nó ? !

Tới năm tôi sắp phải thôi học, bài học thuộc lòng tiếng Việt tôi nhập tâm, vẫn còn thơ Yên Đổ.

Một sự tình cờ trùng nhau với khi tôi học thơ Tú Xương, là thời kỳ sắp tết.

Nghỉ học ăn tết thì *"Lặng lặng mà nghe nó chúc nhau"*.

Nghỉ học ăn tết thì gặp :

Trong thiên hạ có anh giá diếc

Khéo ngơ ngác ngác ngơ là ngây

Anh ta đã "Sáng tai họ diếc' tai cày" khiến cho không phải chỉ nhà thơ mà nhiều người phải : "Lối diếc ấy sau này em muốn học". Và không chỉ "Sáng tai họ diếc tai cày" thôi, mà còn "Khi mọi người nói chuyện và cười cợt thì ngây ra như gỗ, nhưng đêm khuya leo trèo thì thoăn thoắt như khi"⁽¹⁾. Rồi lại :

(1) *Tọa trung đàm tiến, nhân như mộc*
Dạ lý phan viên, nhĩ tự hầu.

Khi vườn sau khi sân trước
 Khi điếu thuốc khi miếng trầu
 Khi chè chuyên năm bảy chén, khi Kiều lấy một đôi câu
 Và cứ :
 Sáng một lúc lâu lâu rồi lại điếc
 Càng khiến mọi người :
 Điếc như thế ai không muốn điếc
 Nỗi điếc anh ai học được ru mà !⁽¹⁾
 Vậy mà :
 Hỏi anh anh cứ ậm à !

Mô phật ! Mô phật ! Gần đây tôi giới thiệu bài thơ này cho một anh bạn thân Nam Bộ làm nghề nặn tượng chứ không làm nghề văn, thì anh liền chấp hai tay mà vái và đòi tôi đọc lại cho anh chép ngay ! Vừa chép anh vừa ngâm nga, lắc đầu tẩm tắc và càng ngạc nhiên. Vợ anh, mấy người bạn cùng miền Nam cứ khen hoài khen hoài, cũng đòi anh đọc lại.

... Bài thơ đó tôi học ngày gần tết, và một bạn cùng lớp đã giơ tay xin ngâm theo điệu hát ả đào khi thầy giáo hỏi đi hỏi lại cả lớp xem ai biết ngâm với điệu này để làm hoạt động thêm giờ giải trí của chiều thứ bảy cuối năm.

Có nên nói như thế này không : cụ Tam nguyên Yên Đỗ Nguyễn Khuyến là một trong những người đã dạy tôi biết cười

(1) Mấy câu thơ này tôi cũng ghi theo sự nhớ tự ngày xưa (N.H.).

và đặc biệt biết mỉm cười ! Cũng như cụ đã dạy tôi biết tả người rất cường điệu mà vẫn thấy rất thật. Tôi nói rất thật vì trong phần ghi chú về bài thơ này của nhà thơ trào lộng già mù bỏ quan, bỏ chức, bỏ đình, bỏ phủ, bỏ lương, bỏ bổng, bỏ lộc... về quê nhà vùng chiêm khê mùa thối, túng thiếu cùng cực, để không làm việc với giặc, với quí ngoại bang kia, có chi tiết sau đây :

"... Ông đồ Cụ Lộc, bạn của nhà thơ quê ở Nam Định, đỗ cử nhân đời Tự Đức và được triều đình gọi ra làm quan, nhưng ông già và điếc để lấy cớ chối từ không chịu đi. Nhân đó, nhà thơ làm bài thơ này để chế giễu". (Thơ văn Nguyễn Khuyến - Nhà xuất bản Văn học).

... Người thầy ấy, tôi chỉ được nghe tiếng nói và thơ sang sảng trong không gian, qua thời gian, mà không được biết mặt !

Chương VI

MẤY NĂM CUỐI CÙNG RẠ TRƯỜNG

CÁI TRƯỜNG GỐC NGÁI ẤY CÀNG NHƯ TRỢ TRỤ VÀ tẻ nhạt. Bể chứa nước đã xây xong, lù lù trước trường. Liên ngay đây là sở Cẩm, đủ cả nhà chánh cẩm, phó cẩm, ban giấy và bóp cút-lít, suốt ngày có các xe đạp, cút-lít đi lại, ra vào. Quãng vườn rộng chỉ có một hàng rào sắt bao lấy dinh công sứ đã xây tường cao. Trước đây chúng tôi chỉ kiễng lên là có thể bứt được những chùm hoa bên trong, nay phải kiệu nhau, và cũng không dám lấy vì có sở Cẩm bên đường. Còn miếu Gốc Ngái nghe đâu sẽ chỉ được cúng lễ những ngày tuần rằm và chỉ đến mười một giờ đêm theo với giờ các rạp hát thôi. Để các quan cẩm, quan sứ và mấy quan gần đây còn làm việc và nghỉ trưa, nghỉ tối.

Chưa đủ ! Cái bãi đất lầy lội rất nhiều lau lách và cây gai ở đường phía trên trường tôi đã bị lấy và xây thành khu trường con Tây. Chính vì bọn này mà cả trường tôi và trường con gái gần đây phải xếp hàng ra về lúc tan học. Riêng trường

tôi, học trò không dám nghịch như trước vì có cút-lít hai buổi đứng gác đầu đường để giữ gìn cho trường con Tây.

Cuối cùng là số phận các bờ búi, cây cối. Tất cả những hàng rào râm bụt, gừng, ô rô, dong tây của trường đã phát hết, xây tường. Những cây khác rất to, thân thuộc bao năm với chúng tôi, một là cây bồ đề, hai là mấy cây bàng, ba là mấy cây cam ngội ở gần bờ đường mà không vào hàng vào lối, đều bị chặt hết. Có cây bồ đề năm xưa đã làm thành tri và bãi chiến trường của những trận giao tranh giữa hai sứ quân Đinh Bộ Lĩnh và Nguyễn Cảnh Thạc ở lớpбет trường tôi và lớpбет trường Pôn Be hay là trường Tu sĩ gần đấy. Những cây cam ngội với những chùm quả lặn tăn chát xít ở cuối trường tôi đã thành những kho lương thực vô tận của chúng tôi, cũng bị cưa dần, cưa hết !

Còn những bụi râm bụt, hoa đó thì kết làm tượng đài, làm bàn thờ, làm cờ tiết, cành lá và các gốc rậm thì rào rào rạp thành hang, thành trại, vừa mát vừa đẹp, và những bãi chua me ngay cạnh, hoa lá đều ăn được, củ đào lên trong như thạch, ngọt tuyệt trần, thì lem lém chỉ mấy hôm là bị phạt quang !

Từ lớp nhì năm thứ nhất và năm thứ hai đến lớp nhất tôi chỉ còn học mỗi tuần lễ có hai giờ bài tiếng Việt : bài tập đọc và bài học thuộc lòng. Ở lớp nhất, giờ làm văn quốc ngữ lại không có ; mỗi tuần đều có một giờ tập làm văn tiếng Pháp. Những năm này tôi đã ít đọc các truyện Tàu và các tiểu

thuyết tình như loại *Bình Sơn Lãn Yến* hay *Tuyết Hồng lệ sử*. Tôi bắt đầu mê báo và truyện ngắn mới, thơ mới, tiểu thuyết mới. Tôi phải tìm các bạn nhà đặt các báo như *Ngọ báo*, *Tiếng dân*, *Phụ nữ tân văn*, *Đông Tây* v.v... mà cạy tục đọc nhờ, cạy cục mượn về nhà để "nghiên" các văn phóng sự, truyện ngắn của *Ngọ báo*, các lối viết của Hoàng Tích Chu, của Huỳnh Thúc Kháng, hay tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh, của B.Đ...

Những năm tôi lên tám, lên chín, tôi đã đọc những truyện dịch như *Lỗ Bình Sơn phiêu lưu ký*, *Giu-li-ve du ký*, *Tê Lê Mặc phiêu lưu ký*⁽¹⁾ và *Ba người ngự lâm pháo thủ*, hay những trình thám tiểu thuyết như *Châu về Hạp Phố*, *Ai là thủ phạm* v.v... Đến năm này, những sự việc ly kỳ, lắt léo và liên chi hồ điệp ấy không còn kích thích tôi nữa. Nhân vật, tình người và cuộc đời thật của xã hội cùng với hồn văn, khí văn đã là những nguồn cảm hứng chính của tôi.

Tôi đọc lại *Thủy Hử*. Cùng khoảng này, tiểu thuyết *Vô gia đình*⁽²⁾ của Éc-to Ma-lô đến với tôi.

Năm tôi lên được lớp nhì năm thứ hai, mẹ tôi đi Thanh Hóa, bỏ hẳn tôi cho bà nội và cô tôi. Việc làm của mẹ tôi là giữ con (gọi là ở vú dầm) cho vợ chồng một tên Pháp viên chức nhà đoan, không còn nữa. Tuy lương tháng chỉ được sáu bảy đồng, nhưng mẹ tôi vẫn có tiền gửi về cho anh em tôi,

(1), (2) Tôi giữ nguyên tên các bản dịch đọc ngày ấy (N.H.)

tháng hai đồng, tháng ba đồng. Nay lại lần hồi chợ búa, vốn liếng không có phải cất chịu của một người họ những bóng đèn và hương để bán kiếm lời, nên mẹ tôi phải đánh đến cái bài "chầy" như thế. Cô tôi có bảo tôi mới biết mẹ tôi đã đi bước nữa. Mẹ tôi ăn ở với một người đã có vợ. Mẹ tôi lại có mang. Mẹ tôi đưa em gái tôi đi vì bà tôi không thể nuôi nổi cả hai anh em tôi, vừa phần để bế em cho mẹ còn chạy chợ.

Nhà tôi càng không còn một thứ gì bán ra tiền nữa. Tất cả những đồ đạc mà bà tôi cố giữ sau khi cha tôi chết, để nếu đến lượt bà tôi thì còn có thứ bán đi mua ván, thuê đòn và xin lễ nhà thờ v.v... cũng phải gọi người bán nốt ! Gia tài chỉ còn vền vền một cái giường để bà tôi, cô tôi và con gái cô tôi nằm, và một cánh phản đóng bằng ba tấm gỗ tạp vừa hở vừa kên, ngày xưa để dưới bếp bày các thứ rổ rá, bát đĩa dọn cơm cho khách ăn hàng, nay là giường của tôi. Cả cái chăn bông cha tôi và tôi đắp cũng bán. Trời rét, phản kê ngay lối đi xuống bếp chẳng có cửa, có liếp gì cả, tôi co ro trong cái xác chăn sợi cũ ngày trước lót giường của cha tôi.

Cố nhiên là ăn đói.

Càng cố nhiên tôi đọc sách, đọc truyện mê hơn, say hơn, cảm thông và suy nghĩ nhiều hơn.

Bấy giờ tôi thấy còn thêm một bạn nữa có khi lại thân thương hơn bạn thân. Bạn này lại còn có nhiều cái hay, cái tốt, cái quý, cái lạ mà bạn thật chỉ được một phần. Đó là thằng bé Khả Dân và con chó Khai Tị trong tiểu thuyết Vô gia

đình. Tôi đi cùng thằng Khả Dân và con chó Khai Tị làm xiếc và đàn hát với ông già Mỹ Đăng nghệ sĩ⁽¹⁾ thấy sao mà gần gũi, cứ tưởng như là theo một ông trùm trò hay ông xẩm tiên cách vậy. Nước Pháp băng giá và mưa tuyết vẫn xa xôi nhưng không còn xa lạ nữa. Tôi đeo ba lô, vác đàn và dắt chó, bụng ù ù róc rách, da mặt, tay chân tê cóng tím ngắt, lại càng thấy tình yêu thương mệnh mông trong những bước đường cùng quần cơ cực của các nhân vật. Rồi khi ông già Mỹ Đăng hấp hối, thì tôi ngẩn ngơ, buồn tiếc vô cùng. Không phải chỉ phút giờ ngừng đọc mà cả ngày và hàng tuần sau, rất lâu về sau, những khi chợt nhớ đến hình ảnh và tình tiết của những hạnh phúc, của những niềm vui bé nhỏ và cảnh xảy đàn tan nghệ nọ.

Đói đọc sách đã thấy quý sách,

Vừa đói vừa rét lại càng quý sách thêm.

Bơ vơ, trần trụi mà lại có sách đọc thì những trang sách còn hơn cả những cánh thiên thần đưa mình bay lên thiêng đảng.

... Năm ấy bà tôi và tôi lại chuyển nhà. Chúng tôi ở nhờ gian bếp của người chị ruột cha tôi ở phố Hoa Kỳ, thường gọi là Bến Gỗ. Máy nhà giàu có lán gỗ to sống cách biệt hẳn. Cả mấy gia đình công chức nhỏ cũng hết sức ra vẻ nền nếp phong

(1) Tên nhân vật và tiểu thuyết tôi giữ như từ bản dịch cũ (N.H.).

lưu. Đường phố chỉ ồn ào nhộn nhịp mỗi khi có những bè gỗ mới chuyển về, các đồng gỗ xếp dọn lại, hay một vài bọn khách mua gỗ thuê xe đến lấy hàng. "Dô-ta này, hò dô-ta này...", những người phu gỗ hầu hết quần áo rách rưới, gầy sứt, kéo những xe bò rất nặng và bầy những cây, những tấm gỗ lim, gỗ gụ, gỗ ngực, căng gân mà hò... Nhờ dịp này, mấy hàng cơm, hàng quà ngà tư cũng tấp nập.

Những ngày rét quá, nhà nào nhà nấy đóng hết cửa. Ngoài đường, thỉnh thoảng nổi mấy tiếng rao "lạp xường phàn"⁽¹⁾, "ai bánh tây nóng ra mua", "mọc ra mua" và tiếng chuông leng keng của hàng bánh kẹo, tiếng gõ "sứt tắc, sứt tắc" của hàng mì vằn thắn. Gió bắc như xoa vụn thủy tinh vào mặt người ta và bắt phải nghiêng người, khép chặt các tà áo, cúi mặt xuống mà đi.

Mấy hàng hoa, sang tháng chạp, gánh bán rong nhiều hơn. Những cúc vàng, cúc trắng, những hải đường, cẩm chướng đi trong những lớp nắng gió thổi phới phới hay đổ ở đầu ngà tư đại nắng, trông càng tươi rục.

Tôi nằm vừa nghe tiếng dô-ta, tiếng rao hàng, tiếng nắng reo và cả hương cúc thoang thoang. Giữa sáng chủ nhật, trưa thứ năm mà tôi chẳng muốn đi đâu, chẳng thiết đi đâu. Cũng vì thế tôi càng đọc kỹ sách, càng đắm vào sách.

(1) Xôi lạp xường.

Có mấy người đã chú ý đến tôi. Mấy người này quê vùng biển, trước cùng ở nhà người bác họ phố Hàng Sũ với tôi. Họ đã chuyển hẳn việc gánh nước và đủ sức cạnh tranh xoay xở ở chung quanh cái máy nước, sống với đôi thùng của mình... Anh em con cháu họ đã cố ở lại làng cày bừa làm ruộng hay đi lưới đi biển nhưng sau cũng phải bỏ. Mấy anh trai tráng này không chịu sống như cha chú rủ nhau đi lính mộ. Năm đó Nhật mở rộng chiến tranh ở Mãn Châu và nghe nói đã bắn phá cả nhiều tỉnh to, nhiều bến cảng lớn ở Trung Quốc nữa.

Họ vào lính, ký giấy giao kèo xong được lĩnh ngay ba mươi đồng, lúc nào xuống tàu đi Thượng Hải được lĩnh thêm hai mươi đồng nữa. Tôi còn nhớ kỹ, cả mấy người đều vạm vạp cao lớn, quần áo phát cứ mặc căng, phải đem ra ngoài can thêm, chừa lại. Vợ con, cha mẹ họ, trước chỉ có một gia đình, sau hai ba gia đình, sau cả chòm gánh nước làng họ, đều cậy cục tôi viết thư gửi cho họ. Tôi được gọi bằng cậu. Có nhà còn gọi tôi là cậu giáo !

"Cậu ấy biên thư hay quá ! Tài thật ! Mình chỉ mới nghĩ mà đã thấy nhức cả đầu, vậy mà cậu ấy viết một lúc hai ba thư, thư nào cũng dài thì giỏi thật ! Giỏi thật, phải có văn có sáo thì mới viết như thế được, mình chỉ kể qua mấy chuyện, mấy việc, hoặc lắm khi chẳng cần mình kể, mình dặn gì cả, mà cậu ấy cũng viết được đủ hết các ý, các điều của mình ! Thôi, để khi khác hay đến trưa mai, cậu ấy viết cho. Chết,

nghe đọc lại một lần rồi lần thứ hai cũng đủ rồi, sao cứ bắt cậu ấy đọc đi đọc lại mãi thế kia !..."

Thế là hàng tháng tôi có được một món tiền. Khi hai hào, khi ba hào một lúc. Khi ròi rác năm xu hay một hào. Cứ mỗi thư, gia đình trả năm xu. Những kỳ họ được lĩnh tiền và nhận thư và nếu thư trả lời từ Thượng Hải, Thiên Tân đó lại báo tin tốt lành, mà tôi phải khó khăn mới đọc nổi các chữ viết vừa xấu, vừa sai, rắc rối quá, thì tôi được cả hào. Tôi xuyết quên, có gia đình, nhất là các bà mẹ, các cô vợ, còn mời tôi hút một điếu thuốc lá và đưa tay hai điều khi ra về...

Nhiều buổi tôi ngượng chín cả mặt. Có ông bố móm móm hầu bao có đủ cả hào con, đồng kền năm xu và xu lẻ, nhưng chọn chọn và kiểm đi kiểm lại mãi mới đưa tôi một đồng kền năm xu và ba xu lẻ trả công viết cho hai thư gửi con trai và con rể. Ông ta cười cười và nắm lấy bàn tay tôi, không phải vì thẹn với cái lệ thường, mà hình như sợ tôi không ưng thuận cái giá bất thường nọ. Trái lại, có những bà mẹ và người vợ cũng cười và nắm vào tay tôi cũng như sợ tôi thẹn, trả cho tôi những hào rưỡi hay hai hào, mà tôi chỉ phải viết có hai bức thư ngắn vắn vắn mấy câu thăm hỏi, báo tin cả nhà vẫn được bình an, nhưng có kèm theo mấy câu thơ lục bát tự tôi đặt ra có lồng tên đứa cháu bé hay nơi ăn chốn ở và công việc làm ăn của gia đình.

Làm tôi ngại viết nhất và ngượng nhất là khi nhận tiền của một chị trước kia tôi vẫn gọi là cái T..., hơn tôi chỉ hai

ba tuổi, thế mà nay đã có mang. Chị cứ tự nhiên như không, nằm phục bên cạnh tôi, bắt tôi viết theo những câu chị đọc, và còn đợi tôi đọc đi đọc lại những đoạn dặn dò chồng...

Cái chòm gia đình tha hương nợ vẫn phần đông là người công giáo. Họ thuê chung một khu lán gỗ. Gia đình thì quây buồng bắc ván trên những cột nhà ; gia đình thì ở lọt vào những đóng gỗ. Để tỏ ý tôn trọng tôi, vừa phần không thể túm tụm ở khe đóng gỗ được, nên họ thường mời tôi lên sàn gỗ bắc trên cột nhà, nằm bò trên chiếu đậu hăn hoi mà viết. Các thứ mồ hôi, quần áo, đầu tóc... các thứ hơi thở trầu cau, thuốc Lào, các tiếng chí chọe, đe mắng, khấn khoản cứ quần lấy tôi. Lần nào cũng vậy, khi nhận tiền và thuốc lá xuống cầu thang, tôi lại choáng váng, mu mi mù mù cả người, bụng bảo dạ đến phải thôi không nhận viết lách thuê như thế nữa.

Nghỉ hè năm ấy, tôi đã theo một lớp học tư để chuẩn bị thi lên lớp nhất. Cùng học với tôi, mấy đứa bạn quen đều học giỏi cả. Đã thế, thầy lại dạy rất nghiêm, ra toàn bài khó nhất về toán và luận Pháp văn, làm tôi càng ngại càng nản. Nhất là tôi lại thấy tháng học ít ra tôi cũng phải trả từ một đồng bạc trở lên, mà tôi chưa biết trông cậy vào đâu ! Gần hết tháng thì tôi bỏ học và tôi quyết định lên Hà Nội để tìm việc gì đó mà nuôi thân. ...

Tôi ra đi một mình. Tiền tàu và ăn đường có một đồng bạc. Đồng bạc này cô tôi vay được của một người bạn để xin lễ và mua nến thắp tối đọc kinh gõ ông tôi. Trốn đi với cả

đồng bạc giỗ ông, tôi đã tự coi mình như kẻ trọng tội. Thứ nhất là lừa bà nội, bỏ bà nội tôi ! Tự tôi đã cắt đường sống của tôi với gia đình rồi vậy !

Tôi có một người anh họ con cô con cậu. Bố mẹ anh mất năm anh còn bé và người anh anh mới lăm chẫm biết đi. Mẹ tôi nuôi anh tới ngày anh học đến lớp ba. Người chị cả thầy tôi không có con, lại nhận nuôi anh. Anh đang học thì bỏ lên Hà Nội xin được chân thợ sửa chữa bản in ở nhà in Viễn Đông. Thấy anh cũng chỉ lớp nhì như tôi mà đã ra đời được, nên tôi càng nung nấu ý muốn lập thân.

Tôi lấy vé tàu thủy mất ba hào. Tuy đã tính toán rất kỹ và nhủ đi nhủ lại không được ăn quà, nhưng rồi tôi cũng tiêu mất hơn hai hào tiền phở, tiền bánh giò và dưa chuối. Tàu đến bến sớm, tôi hỏi thẳng tới chỗ anh tôi làm. Nhưng tới nơi thì vừa tan tầm. Tôi chần chợn, thấy nói có người tên như thế làm thợ in và thường thường ăn cơm ở đây nhưng nhà đâu ở trong xóm dưới Bạch Mai. Tối hôm ấy, đi các phố chôn cả chân, bả cả người, tôi lại ăn phở, ăn quà gần hết tiền. Không đủ tiền trọ, tôi ngủ ở ghế ga tàu điện Bà Hồ, đầu gối lên gói quần áo và hai quyển sách, một quyển sách toán, một quyển sách đọc Pháp văn, sẽ để học thêm. Cũng vừa làm vốn hộ thân, nếu không gặp anh tôi hay nhờ xảy ra sự chẳng may, thì bán đi lấy thêm tiền ăn. Cùng quá, tôi sẽ cắt báo hay mua mía, mua bưởi bán rong lần hồi tới khi xin được công ăn việc làm tử tế. Rồi đây, những ngày lang thang, tôi sẽ tìm hỏi cả

việc đi theo gánh xiếc, sống như thằng Khả Dân trong tiểu thuyết. Tôi tin vào sự gan dạ, mềm mại, lạnh lẹn của tôi, và trước đây tôi cũng đã tập nhào lộn, làm trò nhiều lần ở đám đông, tôi rất có thể mau chóng thành nhà nghề được !

Ở với anh tôi một hôm, tôi bắt đầu chán nản ngay. Anh tôi đúng là mỗi tháng được lĩnh lương những chín đồng rưỡi. Nhưng đây, bà mẹ vợ anh kể rành rọt :

- Anh ấy phải đóng hộ, trả tiền lễ lót chân cho nhà ông xin việc hộ mất ba mươi. Tiếp đó lại phải đóng hộ trả sáu mươi tiền sắm sửa đi về Nam Định xin các giấy tờ và làm lễ cưới chị ấy ở nhà thờ ! Hơn năm giò mới dứt được tiền bát họ ! Sang năm nay lại phải lấy bát họ bốn mươi để mua giường chiếu, may bộ quần áo, đóng đôi giày tây, sắm cái ô, như thế mỗi tháng lại chỉ còn có bốn đồng rưỡi. Hôm râm mát đã vậy, ngày mưa gió, nắng nôi mà nghỉ trưa chỉ được có hai tiếng đồng hồ, chả nhẽ lại nhịn đói ở sở. Thế là phải ăn cơm hàng bữa trưa, tháng thì hai mươi hai bữa, tháng thì đủ cả hai mươi bốn, hai mươi lăm bữa, bóp mồm bóp miệng cũng mất ba đồng hay hai đồng rưỡi. Đã vậy, thỉnh thoảng lại hai hào tiền giặt là, một hào tiền xe điện. Vậy thì...

Không ! Không ! Tôi thật không dám mách may nghĩ ngờ bà nhạc anh tôi đã được xơ múi hay lãi lỗ gì trong việc gả con gái cũng như thổi nấu cho anh tôi ! Tôi tuy còn là trẻ con học trò, nhưng cũng đủ tuổi mà biết rõ hơn nữa, là vợ chồng anh tôi ở nhờ, tiền thuê nhà, dù chỉ kê một giường và cái bàn

nước, ở Hà Nội cũng phải trả hai đồng là giá rẻ, là chỗ người nhà ! Đã thế lại còn một miếng ăn vào lưng anh tôi : anh Ch. anh này đi cao su Đất đỏ, chuộc được "công ta"⁽¹⁾, người vàng như nghệ và gầy như mướp, từ Nam Kỳ ra ở với anh tôi đã hơn sáu tháng. Giờ đây lại thêm miếng tôi ! Chao ôi ! Một ông anh ruột, một chú em họ, trong lúc cơ nhỡ phải nương tựa vào một nơi thân thích mà cả vợ chồng đều có công ăn việc làm hẳn hoi !

Tôi đang sức ăn, vừa phần lại đi cả ngày, nên không bữa nào thấy no. Tôi chỉ dám đưa người ngồi đầu nồi xối ba lần cái bát phở nhỏ chum chùm lọt lòng bàn tay, vào loại bát để trẻ con hay người già nghèo đói ăn. Cơm thổi gạo đỏ, đóng chịu từng mười cân, trả vào đầu tháng lương của anh tôi và kỳ nhà chị dâu tôi được lĩnh tiền hàng. Rau muống luộc từng rổ sề, cà muối xối đựng bát chậu và nước mắm hạng sáu bảy xu một chai. Thứ nào cũng phải mua chịu. Tôi đưa xối cũ cơm và không dám gấp ăn như thế vì phải trông nồi và trông cả người.

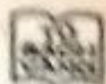
Cả nhà ngồi một mâm. Bà nhạc anh tôi, chị dâu tôi, cô em gái chị dâu tôi, và hai cô cháu họ bà nhạc anh tôi cùng ăn với ba anh em tôi. Lo chạy ăn hai bữa đã có bà nhạc anh tôi. Còn các chị, các cô gái trong nhà cả ngày phải làm hàng đăng ten và giva khăn. Không phải chỉ có buổi trưa buông đũa

(1) Hợp đồng. Ý nói đã trả được nợ thoát khỏi sự ràng buộc của hợp đồng.

xong là lại phải ngồi vào khung vải, mà cả tối nữa. Đêm có trăng và nức quá thì ra sân làm, mỗi người kiếm thêm ba bốn xu.

Đi lang thang chán rồi về nhà nằm chờ cơm, sau hơn tuần lễ, tôi thấy trong người dần như lửa đốt. Mười hôm sau thì tôi bị rần bị căng hết cả ruột gan. Gần cuối tháng, tôi không còn thể đi chơi được nữa mà chỉ quanh quẩn ở nhà, ngẩn ngơ, nhiều lúc muốn khóc. Không phải vì tôi bảo anh tôi cho tôi về Nam Định nhưng không được, mà vì anh tôi không chạy được tiền. Bà nhọc anh tôi đã vay nợ tiền gạo, tiền mắm muối, rau cà, bao giờ cũng lội vào tiền hàng... Mỗi người trong nhà, kể cả chị dâu tôi làm nhanh và làm giỏi nhất, cũng chỉ được tháng bốn đồng rưỡi hay năm đồng rưỡi. Mỗi chuyến hàng đem đi trả, cứ phải chờ chóng nhất cũng hơn tuần lễ. Tiền đó trang trải nguyên tiền gạo cũng thiếu. Như thế, đành phải nuôi tôi ăn rồi đi chơi vậy thôi, chứ chạy hơn đồng bạc cho tôi thì không còn thể vay đâu được !

Anh tôi được lĩnh lương trưa thứ bảy thì sáng hôm sau, tôi ăn cơm rang xong, anh tôi đưa tôi ra bến tàu thủy với gói quần áo đã giặt và gấp cẩn thận từ hôm thứ sáu. Anh tôi lấy vé tàu, dặn đi dặn lại phải đưa đủ hai phong bánh khảo và hai phong bánh đậu xanh cho bà tôi, và cho thêm tôi hai hào. Anh đứng trên bờ chờ tàu rúc còi đủ ba lần, nhổ neo, quay mũi rồi mới đi...



Tôi biết rõ, thật là tôi đã bị áp giải và nói toạc vào mặt rằng : ở Hà Nội không hiệu nào, sở nào lại thừa cơm mà thuê cái thợ nhóc con lớp nhì như tôi làm việc gì đâu ! Từ rày về sau, tôi đừng có trốn nhà lên đây nữa, vừa làm buồn bà tôi, vừa để nợ cho anh tôi, và nếu tôi lại lên thì có chết đói, anh tôi cũng mặc !

Mặc kệ ! Tôi cứ như được tắm, được gội và chấp cánh. Sự vui mừng chính là vì được về với bà nội tôi, nhưng còn sự vui mừng này nữa, là về với cái lồng chim khuyên. Tôi phải để đến đoạn này mới viết về cái lồng chim, vì đây cũng là một trong những kỷ niệm sâu sắc của tuổi tôi thơ ấu.

Năm tôi lên bảy, lên tám, tôi đã thích chơi chim khuyên. Tôi còn đua đòi với mấy đứa lớn mua lồng sập để bẫy khuyên bán. Cố nhiên, với tiền xin được của mẹ tôi. Năm đó, tôi lấy hẳn hai hào công viết thư mà mua cái lồng ba tầng khung gỗ thông, nan tre chuốt cẩn thận, công ăn là hai chén trắng con. Một con chim giá thường lúc đó ba xu nhưng vì kén chọn nên phải trả những năm xu. Vì sợ chim ăn chuối bị ỉa chảy, chết non, tôi cho chim ăn bột đậu xanh trộn với cứt sâu qui bảo rằng để làm thuốc cam trẻ con, và cả những bọ sâu qui sống ngo nguẩy, lạo sạo. Tôi còn kiếm những loại hoa như hoa giềng tây có nhụy ngọt, gài để chim rỉa và trang điểm cho đẹp lồng thêm. Chưa đủ, tôi còn đi xin hoa ngâu, lá ngâu non gài bên chén nước cho chim tắm và rúc rỉa, vũng vẩy.

Như thế, tôi chỉ kém có mấy hiệu khách, mấy nhà giàu và mấy nhà chuyên môn nuôi yến, nuôi sơn ca thôi ! Lồng của họ thưa, ken thêm bằng mây sơn quang dầu óng như mặt, công sứ Giang tây. Tuy thế, vành khuyên của tôi lại có thể hơn của họ, mặc dầu chim của họ có nhiều chim khác xùy và được học được tập nhiều giống, hay còn được ăn những thứ bổ, thứ quý như củ mã thầy, cam Triều Châu, bột gạo trứng gà v.v... Vì lẽ gì ? Nếu ai kia có hỏi, thì tôi sẽ lấy một bộ mặt sành sỏi và cả khinh khỉnh nữa mà đáp : "Tôi có cách chăm đặc biệt ! Bí mật gia truyền !".

Thường chim khuyên hay chết mùa rét. Con nào sang được xuân rồi đến hè thì lông bông lên, rùng mướt, vòng trắng quanh mắt to thêm, mắt trông khôn hẳn, rất dạn người. Tiếng hót không lạnh lạnh nữa, vang mà đầm có lúc đứng lim dim như hót thầm cho mình nghe. Những con biết hót kiểu thế này thì quý lắm. Thoạt nghe những tiếng líu ríu thánh thót như nhạc rung, dễ tưởng như của hoàng yến hay bạch yến. Hót rất lâu, lúc choàng cất cao đầu lên, ngừng lại, thì hơi lão đảo như say, nghiêng ngó một giây rồi lại lim dim hót...

Hai năm trước tôi đã gây và nuôi được chim như thế. Tết năm ấy, tưng quá, tôi đành bỏ. Nhưng sang tháng giêng, rồi tháng hai, trên đường đi đến trường, cứ trông lên những cây gạo ẩm ắp hoa còn đỏ tươi hơn gấc và đẹp tuyệt vời là đẹp trong nắng và sương, các đàn chim khuyên như từ từng bông hoa tỏa ra, thì tôi lại nhớ, lại thêm phải có một lồng

chim. Chao ôi ! Mấy năm trước đây ở một nửa gian nhà, bên cạnh là những chồng ván, những áo quan, cửa ra vào là bức thềm, bước ra ngay bờ đường, mà còn có một lồng chim, ban ngày treo trên tường hồi nhà, ban đêm treo lên sào màn, nữa là bây giờ !...

Bây giờ cũng vẫn ở nhờ, và phải ở dưới bếp, nhưng lại có cửa sau mở ra một khu vườn, lối đi lại qua mảnh sân, nằm trong nhà có thể trông thấy trời mây và mấy ngọn cây chỉ là cây xoan, cây ổi cần, và mấy bụi hoa chỉ là hoa cúc lợn, hoa cối xay... Thế là nghỉ học được mười ngày, tôi đi sục sạo các nơi mua lồng, mua chim. Lần này, con chim hay quá, biết ngậm mỏ, lim dim hót như đã nuôi lâu, quen thuộc lắm với bạch yến, hoàng yến hay sơn ca...

Tuần lễ cuối cùng ở Hà Nội, những buổi ngồi rã rượi trên các ghế vườn Bách thú, Bồ Hồ, và cả khi bước như lê xiềng ở phố Hàng Đào, trước nhà Gô-đa, vân vân, tôi càng như nghe thấy tiếng chim hót, lại nghĩ đến cái lồng chim của tôi. Ôi ! Cái lồng ba tầng và con vành khuyên lông bông lên, vàng mượt, mắt to, biết ngậm mỏ mà hót líu ríu như kể lể ru ríu với sự yên lặng trưa hè và một mình tôi ! Tôi để nó lại cho bà nội tôi, chắc thế nào bà tôi cũng phải biết cho nó ăn chuối, uống nước, và mặc dầu bà nội tôi có giận tôi đến phải đào đất đổ đi, rồi bà tôi có bị ốm, chân tay đã lấy bấy mắt đã gần mờ chẳng nữa, bà tôi cũng cố treo lồng chim của tôi ra mấy chỗ quen để tránh mưa tránh nắng.

Tàu đến bến, ván cầu vừa ghéch vào bờ, tôi đã chen qua mọi người nhảy vót lên. Nách cặp gói quần áo, bốn phong bánh và hai quyển sách học - Ôi kỳ lạ ! Hai quyển này làm sao mà kẻ cắp không lấy trong cái đêm tôi gói đầu ngủ ở ga tàu điện, và làm sao tôi không bán đi để ăn quà những ngày ăn đói ở Hà Nội - và một hào giắt kỹ cặp quần, tôi chạy về nhà. Bà tôi chỉ lừ lừ nhìn tôi, và hình như nghen nghen cố giữ nước mắt. Tôi đưa quà anh tôi biếu bà, trong lòng vừa vui mừng và cũng buồn tiếc ghê gớm. Đúng cái lồng vẫn treo lơ lửng trên chỗ tôi nằm, nhưng là lồng không. Tôi không dám hỏi bà tôi chim đâu ! Thôi như thế kia thì một là nó chết, bà tôi đã vớt xác đi, hai là nó bay mất, khi bà tôi mở cửa cho ăn cho uống !

... Con vành khuyên cuối cùng của thời thơ ấu của tôi ấy bị chết chứ không phải bay mất. Bà tôi bảo đã cho nó ăn cả chuối, cả cơm và cả châu chấu nữa mà nó vẫn chết !

- Có lẽ mày đi lâu, nó nhớ mày nó chết đấy Hồng ạ !... Nó mới chết hôm kia thôi !

Mấy ngày sau bà tôi mới vừa ho vừa thở nói cho biết điều này.

Tôi đã đỗ chuyển từ lớp nhì lên được lớp nhất. Nhưng vì vẫn yếu cả Pháp văn lẫn toán nên khi thi tốt nghiệp bằng tiểu học tôi bị trượt, phải học "đúp". Sang năm học cuối cùng này, tôi nhất định luyện giỏi các môn, nhất là văn. Tôi không

đọc những *Sách hồng*⁽¹⁾ nữa, tôi mượn đọc hẳn những truyện ngắn và tiểu thuyết của mấy nhà văn Pháp. Tôi đã cố đọc An-phông-xơ Đô-đê và Guy Đơ Mô-pát-xăng. Tôi đã nức nở với *Lơ Pơ-ti Sô-dơ* (Le Petit Chose) của An-phông-xơ Đô-đê, chính vì *Pơ-ti Sô-dơ* đặc biệt cũng có một lồng chim, và cảnh đời của *Pơ-ti Sô-dơ* cũng sao mà heo hút. Các giờ Pháp văn dần trở nên thích thú ; tôi còn vừa đọc bài vừa đóng kịch bằng tiếng Pháp. Tôi làm con sói, còn một người bạn rất lành và nhút nhát không ai hơn ở lớp tôi làm cừu non, trong một bài thơ ngụ ngôn của La Phông-ten. Vốn tôi đá bóng rất tợn và thuộc loại nghịch nhất trường, nên thầy giáo mới chọn đóng vai này, phải gầm gừ và cả gầm thét trâng tráo nữa. Cả lớp đã được một trận cười vỡ trường. Tôi thì được điểm 8, cao nhất từ trước tới đó, chỉ có mấy tay học gạo và học giỏi nhất lớp mọi khi mới được 7 điểm rưỡi thôi về môn tập đọc và học bài thuộc lòng.

Bắt đầu năm học, tôi mua đều báo *Người bạn của tuổi trẻ hiếu học*⁽²⁾ có hẳn phần toán và phần văn cho lớp nhất, nhưng nhiều kỳ tôi lại viết ám tả, đọc các bài tập đọc và làm một số bài luận chương trình thành chung. Các nhà văn Rút-xô, Vôn-te, Đơ-đơ-rô v.v... đã trở thành những vì sao kỳ diệu trong ban đêm một mình một đèn một sách của tôi.

(1) Tên một loại sách cho thiếu nhi thời ấy.

(2) Ami de la jeunesse Studieuse.

Tôi đã mười lăm tuổi ! Tôi sắp đến một bước quyết định cả đời, hoặc tốt nghiệp ra trường, hoặc thi vào trường thành chung. Hy vọng được học nữa và học cao này, quá là mờ mịt đối với tôi. Nhưng thôi, cứ biết tôi phải đỗ cuối khóa này. Nhất là phải học giỏi ! Tuổi xanh ơi ! Tôi đã mười lăm tuổi !

Thời kỳ này, tôi cũng đọc các sách báo ta và vẫn hết sức say mê. Một số truyện ngắn của mấy nhà văn đang nổi tiếng, tôi coi cũng như những bài học. Tôi không những chỉ thuộc những đoạn hay, đoạn lạ, mà còn nghiền ngẫm rất kỹ, rất lâu những tình tiết và nghệ thuật để so sánh những nhà văn đó với nhau, so sánh truyện này với truyện khác, và đánh giá cả từng đoạn, từng câu, từng ý, từng cảnh trong truyện của họ. Tôi cũng nghiền cứu những bài xã luận, những bài bút chiến, những thiên phóng sự điều tra, những tạp mục như tìm hiểu, điểm văn, điểm thơ, nhặt hạt sạn, hạt đậu nhon, vui cười, thách đố v.v..., về các thể loại, về cách viết, cách lập luận, về đặc sắc hay sắc thái của từng nhà báo, nhà văn, nhà thơ.

Bên cạnh những truyện ngắn và tiểu thuyết thì thơ mới vẫn mê đắm tôi hơn hết.

Tôi không có sổ tay hay sổ đặc biệt gì cả. Tôi vận dụng toàn trí nhớ. Đầu óc tưởng tượng của tôi đã làm công việc của một màn ảnh và máy chiếu phim mà nhiều lúc tôi đã không ngờ được sự giàu có lạ lùng của nó. Những nhân vật, những cảnh vật, những sự việc, những câu chuyện, những cuộc đời

trong các tác phẩm đều bị lột da, bóc xương, tróc vỏ, lật ngược, đào sâu, soi chiếu và nhân lên trên nhiều diện. Lúc đó tôi chưa có ý định sáng tác hay làm nhà văn truyện ngắn, truyện dài gì cả. Những công việc trên đây phần lớn do sự tò mò do khiêu thưởng thức và thích cả phê bình nữa. Một cách vô ý thức, tôi đã viết. Tôi viết thêm, tôi viết kỹ, tôi viết mới, tôi viết khác với những tác phẩm kia, qua những tác phẩm kia, từ những tác phẩm kia, tất nhiên là ngây ngô, đại nghịch và còn lỗ bịch là đằng khác !

Cũng may, chỉ có tôi biết với tôi, nó chỉ ở trong trí não của tôi. Nó sống rất nhanh, rất huyền ảo. Tuy thế cũng có lúc nó diễn lại, và trở thành một cái có hay trở thành những chất liệu sử dụng sau đây khi tôi viết văn thật sự... Thí dụ như trong một phần cuốn tiểu thuyết *Bỉ vỏ* hay tập truyện ngắn *Bảy Hựu* đầu tay của tôi.

Mây chiều ngừng lại sau đèo

Mình cây nắng nhuộm bóng chiều không đi

Trời cao xanh ngắt, ô kìa

Hai con bạc trắng bay về Bồng Lai...

(Thế Lữ)

Càng vào những giờ Pháp văn, tôi càng băng khuông với các câu thơ mới của ta. Một tai thì vang vang những câu thơ Vích-to Huy-gô hay những đoạn văn của Pát-xcan, Rút-xô, An-phông-xơ Đô-đê và của cả mấy Tây đoan, quan hai khó

xanh kiêu viết về thuộc địa thời đó ; một tai tôi nghe gió, nghe đàn, nghe mây, nghe chim, nghe rừng, nghe thác, nghe sóng, nghe thơ của Việt Nam, với những tên tuổi đối với tôi sao mà đẹp, mà quý, mà trọng và thiêng liêng :

Với cây đàn ngàn phím tôi ca

Cái đẹp u trầm đầm thắm hay ngây thơ

Cũng như cái đẹp cao siêu và hùng tráng

Của non nước, thi văn, tư tưởng...

(Thế Lữ)

Rồi một thế giới, không, những thế giới khác, mở ra ở ngoài kia. Phải ! Ở ngoài ba khung cửa sổ và cửa ra vào phía tay trái tôi mà khoảng sân và vòm trời lúc nắng cũng như khi mưa, cứ trong giờ học im ắng thì lại có một sức quyến rũ rất lạ.

Thấm thoát sắp hết chín năm sáu lớp học, thì tám năm năm lớp tôi học trường đây, chơi ở sân đây. Nhiều buổi, các thành bạn đã nằm, ngồi quây kín lấy tôi ở dưới những gốc cây sấu, cây cơm nguội để nghe tôi kể những chuyện năm xưa về nhà trường và mấy thời kỳ đặc biệt từ những ngày xa lắc như ngày đầu kỳ nguyên theo tuổi chúa Giê-su ấy. Trường lớp sân chơi, nhà loong toong, cổng và đường đi lối lại quanh trường, với các thứ kỷ niệm, các thứ chuyện, nếu không phóng đại thì cũng một tác đến giới, hoang đường, kỳ ảo hơn cổ tích !

Cảnh vật làm đầu đề các chuyện, các kỷ niệm vẫn là cái sân cùng mấy cây to còn lại, mấy cây to mới lớn và cái cổng trường liền với dãy nhà của hai người loong toong gác trường và bán quà bánh cho học trò. Không còn những lớpбет, lớp tư nữa, không còn những lư bé lóc nhóc nữa, cái sân dần dần thành của riêng mấy lớp lớn. Một dạo có những hai bàn đánh quần vợt chiếm gần hết sân trường. Sau đó thì thành bãi bóng. Hai cây ổi và hai cây bàng ở hai đầu làm cột gôn. Cây ổi và cây bàng to ở giữa sân làm mốc giao bóng mở trận đấu. Mấy khoảng rìa sân và góc sân là các bàn bi, bàn đáu.

Từ năm lớp nhì, có thời kỳ tôi đã mê đá bóng hơn cả mê sách, nhất là tới năm bao nhiêu truyện của cửa hàng cho thuê tôi đã đọc hết, còn những truyện mới, sách mới thì vừa đặt lại không hay. Phải đến dạo có mấy tờ báo có những bài lạ, như Phụ nữ tân văn, Đông Tây, Ngọ báo, Phong hóa, tôi mới giảm được phần thời giờ ở ngoài đường, ở sân trường và ở bãi cỏ thành phố đến quên cả ăn, với quả bóng quần và mấy bạn bóng học cùng trường, ở gần nhà.

Càng những buổi ra chơi, đá những trận rất căng mà lại thắng, thì khi vào học những giờ văn, tôi càng mơ mộng.

Đá căng vì lớp tôi là lớp nhất, trừ cái bọn nghịch ngợm, còn đều phải lo thi. Bởi thế chỉ có hơn chục đứa chúng tôi mà phải đương đầu với gần hết đội tuyển của ba lớp dưới. Nói là đội tuyển e rằng hơi nghịch, hơi oan cho chữ dùng. Thật ra, tất cả những đứa đá giỏi, đá khỏe, đá dữ, thích đá và đá rất

làng nhàng, lớn có bé cổ, không còn biết con số là bao nhiêu đều vào đá hết ! Nhiều phút rõ ràng bọn tôi sút bóng vào gôn rồi, nhưng không thấy bóng đâu cả ! Thì ra ở khung thành, đối phương kéo về nhiều còn hơn ong, bóng chui tọt vào quần một thằng ở sau gôn, thằng này cứ thế chuồn đi, khiến cả bãi gần phát điên phát rồ vì cãi nhau được thua và phải tìm mãi mới thấy lại bóng...

Cổ phút tôi chặn bóng đến cấm địa, chỉ còn co cẳng sút thì hẫng. Bóng bị một thằng lớ dớ vừa dất vừa không biết đá đứng núp cạnh gốc cây thò chân ra hắt đi. Chúng tôi đi tiền đạo. Gần như không quả bóng nào không phải cướp từ một bụi chân càng ràng như càng cua trong giò, hay khi đưa bóng lên mà không có một chùm mười lăm, hai mươi đứa túm lấy cặp quần chúng tôi, giữ lấy tay chúng tôi để... chặn bóng. Trái lại, khi gôn tôi đỡ bóng thì đúng là loạn. Có thể nói tất cả ba lớp chúng nó ập vào mà đá chúng tôi và đá chân nhau chẳng còn thấy bóng đâu mà đỡ mà đá ra. Nhưng túi bụi hồi lâu thì thấy reo lên, chúng tôi bị thua ! Vì bóng bị mấy đứa ngơ đè lên nhau, có thằng đã cầm giúi vào gôn chúng tôi...

Ôi chao ! Quả bóng quần vợt to bằng quả cam chanh luôn hai năm lúc nào cũng ở trong cặp, trong túi bọn tôi, đến khi tôi tốt nghiệp và cả sau này tôi ra Hải Phòng trở thành một cậu giáo hần hoi, mà nó vẫn làm nhớ tới cái sân trường lịch sử kia ! Thi đỗ xong một tuần đã lấy học bạ và giấy chứng nhận rồi, tôi còn đến trường với mấy đứa bạn quen, đá

một gôn, sau buồn quá phải thôi ! Trận đá này là trận bóng cuối cùng của đời học sinh của tôi và của cả đời tôi nữa !

Các anh Phú T., Đặng Hồ K., M. D. D. và mấy bạn bóng quần ngày xưa của tôi đã có thời kỳ vào đội tuyển Bắc Kỳ, rồi đội tuyển miền Bắc Việt Nam, sau đây thế nào các anh chả có một trang hồi ký hay một bài trả lời phỏng vấn về kỷ niệm đời bóng đá. Tôi xin phép nhắc các anh, nếu như các anh có kể đến cái quăng các anh không "xỏ giày" nữa và thôi hẳn ra sân bóng, hoặc các anh lại đá thêm trận đối già nào đấy, thì cố cho tôi được biết tin nhé !

... Sau giờ ra chơi, tôi lại vào lớp học, bụng căng nước máy, mồ hôi cứ tong tong ở trán, ở cổ, ở cánh tay, gát không kịp, chảy cả xuống bàn, xuống sách. Nhưng chỉ lúc sau, nhìn ra ngoài im lặng và vùng trời nắng, tôi lại mát dịu hẳn trong người.

Tiếng hát trong như nước ngọc tuyền

Êm như hơi gió thoảng cung tiên

Cao như thông vút, buồn như liễu

Nước lặng, mây ngừng, ta đứng yên...

(Thế Lữ)

Những câu thơ mới lại ru vỗ tâm trí tôi cùng với những câu thơ và những đoạn văn ngân vang của bài tập đọc, bài học thuộc lòng và bài ám tả thầy giáo bình giảng.

Bài học thuộc lòng lấy một đoạn trong bài thơ *Đại dương đêm tối* (Océano-nox) của Vích-to Huy-gô, và bài ám tả cũng lấy một đoạn trong truyện ngắn *Buổi học cuối cùng* của An-phông-xơ Đô-đê, là hai bài cuối cùng tôi nhớ mãi trong đời học sinh.

Sau khi thôi học, tôi ra Hải Phòng rồi đi Hòn Gai xin việc. Tôi đã thật được nghe biển sóng cả ban ngày, cả đêm trăng và cả tối khuya mà tưởng tượng thêm về đời sống gian lao, dững cãm của những người thủy thủ trong trích đoạn thơ của Vích-to Huy-gô.

Và bắt đầu được nghe thật sóng gió của cuộc đời nữa ! Cuộc đời phải đổ mồ hôi mình mà sống, để giữ nhân phẩm, tiến đến tương lai, có một lý tưởng cao quý và một sự nghiệp chân chính trọn tình yêu dấu...

Chương VII

BÀ TÔI

NHIỀU NGƯỜI ĐÃ BẢO NHAU VÀ BẢO CẢ BÀ TÔI rằng ai có gương mặt, nhất là đôi tai và da dẻ như thế sẽ sống lâu lắm. Trán bà tôi ngắn, tóc bạc gần hết và rụng hói cả đỉnh đầu, mắt chỉ còn nhìn thấy lơ mờ, nhưng nhân trung thì đầy đặn, đôi tai to xệ như tai phật và da dẻ đúng như đôi môi.

Còn một nhận xét này nữa của bà tôi nói về người khác, nhưng tôi ngẫm nghĩ thì chính là nói về mình. Cái dáng vóc ai mà lưng chữ "cụ" vú chữ "tâm" thì nhiều con lắm ! Bà tôi sinh nở mười tám lần, nay còn lại chỉ được ba người : chị cha tôi, cha tôi và em gái cha tôi. Trước kia bà tôi bán thịt ở chợ, sau nhà mở hàng cơm, bà tôi trông coi. Ngày còn người chị trên đót cha tôi thì bà buôn cau tươi, cau khô.

Một trong những hình ảnh và khắc giờ sâu đậm nhất của trí nhớ tôi là khi tôi đọc kinh một mình hay ngồi kể chuyện cho tôi nghe và nghe tôi đọc truyện.

Đạo còn dọn hàng cơm, những buổi trưa vắng khách, những buổi tối cả nhà ai nấy đều mệt mỏi, bà tôi lại lần tràng hạt ở ngay ghế ngồi bán hàng, hay ở đầu giường phía dưới bàn thờ. Nếu đi nhà thờ, bà tôi ngồi cạnh dưới chân tòa giảng, phía trước mặt là một cột đá treo bức tranh chúa Giê-su vác cây thánh giá. Tôi thường dắt bà tôi đi. Tay cấp chiếc võng, tay sẵn sàng nắm lấy bàn tay, cánh tay bà tôi để giữ, để đưa bà tôi qua đường, tránh ô tô, bước khỏi rãnh, bờ hè rồi lên bậc thềm đá, đến tận cửa nhà thờ. Tôi chỉ ngồi với bà tôi một lúc rồi tìm đủ cách bỏ ra ngoài chơi. Cũng có buổi tôi đưa bà tôi vào chỗ quen, ngồi một mình ở đấy, rồi tôi mãi chơi quá, tan chiều, hết giờ đọc kinh, bà tôi đã ra mấp mé thềm đá, tôi mới ù té tới đón.

Chỉ có buổi giỗ ông tôi, hay mấy ngày tết và ngày lễ trọng, đọc kinh chung với cả nhà, bà tôi mới thỉnh thoảng đọc to tiếng, đọc thành giọng, thành câu. Còn thì bà tôi chỉ lảo đảo lảo đảo, nhiều khi chỉ thấy những tiếng xuýt xoa rồi lặng hẳn. Năm xưa đọc kinh cũ, nghe bà tôi thều thào : "A-ve Ma-ri-a đầy Ca-ra-sa chúa Giê-su ở cùng bà nữ vương đầy phép lạ", thì tưởng như bà tôi là người dân Do Thái hay là kẻ nghèo hèn quê mùa nhất của một vùng cổ xưa bên Tây Ban Nha, hay Y Pha Nho sùng đạo, không còn ai là kẻ ruột thịt thân thương trên trái đất, đang nguyện ngấm về sự chết vậy !

Mấy năm cuối đời, nhà ở xa, bà tôi không bảo tôi dắt đi nhà thờ nữa. Có chủ nhật, vì mưa gió hay vì thấy yếu trong

người quá, bà tôi bỏ cả đi lễ. Nhưng chiều hôm, ban sáng, bà tôi vẫn giữ lệ đọc kinh đều. Tối mùa hè cũng như mùa đông, bà tôi ngồi trong màn lều tròng hạt gạo ngủ ngay. Còn buổi sáng, bà tôi nhóm bếp, nấu nước sôi, pha chè uống một mình, sau khi dậy đọc kinh. Từ ngày cha tôi mất, tôi thường nằm giường bà tôi. Những khi thức giấc, nhìn bóng người hom hem của bà tôi quay lưng lại - cái lưng khòm khòm, áo mặc mỏng manh, rách vá - và nghe những tiếng lão thảo thỉnh thoảng xen tiếng ho, tiếng nghẹn, tôi lại thấy một sự buồn lạnh ghê gớm thúc mạnh thêm vào lòng. Nhất là những buổi bà tôi phải pha lại ấm bã chè hôm qua để uống mà khi đọc kinh ban nãy thì đã ho rũ, giờ uống nước lại càng sặc...

Thời kỳ gia đình tôi đang mở hàng cơm, chưa bán nhà, là thời kỳ tôi được đọc nhiều truyện nhất.

Thường vào những trưa hè vắng khách hay những tối mùa đông giá lạnh, những ngày nóng nực quá, bà tôi không ngồi ngoài hàng thì lại vào hẳn cái chỗ quen thuộc, lối cửa thông với nhà trong và lên gác, trải chiếu hay bao sạch xuống đất nằm, vừa tuốt trứng vừa nghe truyện. Nếu có em gái tôi nhỏ tuổi hơn thì nó cũng được trả công bằng một xu ngô luộc hay chè, đồ đen. Đáng lẽ chúng tôi được mua quà lấy thì thích quá ! Ôi ương này, mạn Lạng Sơn này, sáu chín này, dưa này... toàn là những thứ có thể chấm muối ớt ăn. Khuya rét tôi chỉ thích ứ chân vào chăn bông của bà tôi mà đọc truyện. Đầu đường phố tôi có một hàng phở xe chuyên bán ban đêm

và một hàng sọt tắc cứ vào khoảng mười giờ thì tiếng hai thanh tre khô gõ rập rập vào nhau vang lảnh dần dần đến cửa nhà. Hàng này ngon một thì tôi xuýt xoa nhắc nhóm với bà tôi ngon hai, và oằn oại cứ như mấy ngày không được hột cơm vào bụng. Thế là bà tôi lại "cha bố mày" hay "cha bố chúng mày" và lằn lằn như bèo như nặn ở cái túi vải ra, cho tôi và em gái tôi bốn xu để mua mỗi đứa một bát phở hai xu. Thế nào bà tôi cũng mặc cả : "Ngày mai là không được xin xỏ gì nữa, và đây không phải lệ của mỗi tối, hay cái nợ phải trả lãi mãi đâu !".

Bà tôi cũng là một tú truyện, một tú truyện cũng nhiều cái lạ không kém gì trong những Phong thần, Tây du, Kim cổ kỳ quan, Chinh đông, Chinh tây hay Vạn huê lâu, Tống Dịch Thanh v.v... Tôi cũng nghe đi nghe lại, thấy những "ngày xưa", "ngày ấy", những "tục truyện" hay "truyện rằng" những cái năm Thìn, năm Tỵ, Kỷ Dậu hay Nhâm Tuất vân vân của bà tôi ấy có phần lại sinh động hơn những tiểu thuyết thành tập thành pho kể trên !

Không có nhiều những anh hùng hảo hán, những nguyên súy, những tướng quân, những thần phật mà họ tên dài hàng bốn năm chữ, hay những cảnh cung điện, núi rừng, sông biển, cũng toàn tên chữ Hán, nhưng bà tôi lại "biết" không biết bao nhiêu con người thật, cuộc đời thật, chuyện có thật, việc có thật, xã, tổng huyện tỉnh rất quen thuộc. Cả những cô tiên, những ông bụt, những đức thánh, đức chúa, cũng như những

quí sử, yêu tình, thần cây đa, ma cây gạo, cú cáo cây đề...
cả những thiên đường, thượng giới, bồng lai tiên cảnh đến những
âm ti, địa ngục, hỏa ngục... cũng như có thật nốt.

Ngày xưa có anh Trương Chi

Người thì thậm xấu tiếng hát thì thậm hay

Cô My Nương vốn ở lầu tây

Con quan tể tướng ngày rày cấm cung

Anh Trương Chi có chiếc thuyền bồng

Chèo thuyền ngang dọc đêm đông dãi dẫu

Canh trường anh mới hát một câu...

... Cô My Nương nghe tiếng hát thì thương

Hồ trông thấy mặt anh chường cô lại chê !

Hay :

Đàn kêu tích tích tình tang

Ai đem công chúa dưới hang về lầu

Đàn kêu trách Hán quên Hồ

Trách Tần quên Sở trách Ngô quên Tề

Đàn kêu thấu đến cung phi...

Và thêm nữa :

"Bống bống bang bang ! Mày ăn cơm vàng cơm bạc
nhà ta, chớ ăn cơm hẩm cháo hoa nhà người...", "Vàng ảnh
vàng anh, có phải vợ anh, chui vào tay áo !...". "Kéo cà kéo
kết, lấy tranh chồng chị, chị khoét mắt ra..."

Nghe bà tôi kể thấy như bên cạnh, như trước mắt đang có Trương Chi *đêm đông dãi dầu* vừa chèo thuyền vừa hát và cô My Nương trâm cài ngọc đính *hổ trông thấy mặt anh chàng cô lại chê* ! Hay Thạch Sanh đang gảy đàn dưới hang. Thạch Sanh không cha không mẹ, không biết ai sinh ra và từ đâu lớn khôn mà đến dưới gốc đa. Thạch Sanh quanh năm đóng khổ, vai đeo đàn, tay cầm cung tên. Thạch Sanh đã chém chết rắn yêu tinh chuyên ăn thịt người, trừ ác họa cho dân, Thạch Sanh đã bắn sả cánh đại bàng cứu công chúa bị chim cướp bay đi. Thạch Sanh đã gảy đàn, làm công chúa đang buồn nhớ cô em vắng phải bật tiếng lên. Thạch Sanh đã ra đi cứu nước, thối một niêu cơm con mà hàng vạn binh sĩ ăn cũng không hết. Và Thạch Sanh chỉ gảy đàn mà đánh tan quân giặc. Nhà vua đã gả công chúa cho Thạch Sanh...

Và tôi ở cùng nhà cô Tấm, và xem cô hóa thành quả thị rụng xuống bàn tay bà lão hàng nước, rồi từ quả thị chui ra, xinh đẹp hơn cả trước, xinh đẹp vô cùng... Mà lạ lùng, không thể nào có một anh Trương Chi, một cô My Nương, một chàng Thạch Sanh, một cô Tấm khác ở một nước nào đấy, dù tên cũng đặt như thế mà lại giống thế được, lẫn nhau được. Hay nói cách khác, chỉ có ở nơi đất cát, sông nước, núi non của bà tôi và tôi đang sống này, mới có những Trương Chi, Thạch Sanh, cô Tấm, cô My Nương thôi !

Khi đi qua các phố để thuê truyện, tôi đã cười các giống cá hóa long, kỳ lân, hổ, báo, khánh vàng, chuông vàng, và

cả quả đào, hoa thủy tiên, bình tích, tông-đơ đi với những Tôn Ngộ Không, Na Tra, Trình Giáo Kim, Lỗ Trí Thâm, Võ Tòng... chu du thiên hạ, khắp đất cùng trời, thì khi nghe bà tôi kể các chuyện cổ tích, dân gian, tôi cũng được đi các nơi không kém kỳ lạ của chính đất nước Việt Nam...

Mười hai cửa bể đều phải nể sóng cửa Tuần Vương. Tôi chưa học địa dư địa lý, nhưng lảng máng thấy rằng ngã ba sông này trước kia là biển cả và sóng dữ. Tôi chưa về tỉnh Hưng Yên, quê của bà tôi, nhưng tôi lại được đến bãi cát Khoái Châu ngày xưa cũng là bờ biển, nơi Chử Đồng Tử gặp Tiên Dung. Đây, công chúa Tiên Dung buông màn tắm trên đồng cát. Chàng trai họ Chử cùng khổ phải chia ngày đóng cái khó chung với bố, đến phiên nay phải chịu ở trần. Thấy kiệu Tiên Dung đi đến, Chử Đồng Tử bí thế quá, vội bới bới vùi vùi cát che lấp lên người, thì không may công chúa lại tắm ngay ở chỗ này. Nước gội cát trôi dần trôi dần. Chàng trai trần trụi phải hiện lên, sau đó thì kết duyên với công chúa. Tôi cũng về phủ Khoái Châu xem tận mắt canh bạc Trọng Quì đem vợ là Nhị Khanh ra đánh lấy tiền với một tên lái buôn gian quyết. Trọng Quì bị thua vợ tự tử, nhưng vẫn được vợ thương xót, hiện hồn về cho chồng gặp gỡ và bảo đường cho chồng đưa hai con đi phò vua Lê đánh giặc lập công. Người nghĩa phụ Khoái Châu ấy, Nguyễn Dữ đã viết thành truyện trong *Truyền kỳ mạn lục*, một thiên tuyệt bút của văn truyện Việt Nam.

Từ Hưng Yên tôi lên Kinh Bắc, về huyện Tiên Du, xem hội với một chàng học trò, cùng chàng vào ngôi chùa rồi chứng kiến vụ Giáng Hương làm gãy cành mẫu đơn quý nhất, bị bắt giữ trói vào cây. Chàng nọ cũng không có tiền, phải cởi áo ra chuộc cho người con gái, ai đâu lại ngờ rằng là tiên bỏ thượng giới trốn xuống trần để đi xem hội nghe hát quan họ đến nỗi mắc nạn !... Tôi về cả xã Cách Bi, thôn Thi Xá, có hai mẹ con lưu danh thiên cổ. Mẹ thì ở góa, có nhan sắc, bị đe dọa hãm hiếp, quyết không chịu như nhục đã trói chân đưa con trai lại một góc nhà với một nắm cơm rồi tự tay mình xéo vú chết ! Còn một giai thoại nữa, là bà mẹ này bị một tên hào lý đón đường bóp vú. Bà đã lấy dao tự xéo bên vú bị lăng nhục đi và cho con bú bên vú nguyên vẹn, đến khi con biết ăn biết nói biết chạy thì tự vẫn chết. Con trai bà mẹ lớn lên thi đỗ rất cao, không chịu đi làm quan với Tây, đã mộ quân khởi nghĩa. Công việc không thành và bị phát giác. Tây bắt được dụ dỗ nhất định không hàng, lấy dao rạch bụng moi ruột mình ra để Tây thấy lòng mình trong trắng đến cùng, và cần lưu lại cho đồng bào thấy máu mình tươi đỏ giữa trời đất ban ngày. Mẹ con liệt sĩ Nguyễn Cao tức Tấn Cao mà nhân dân Bắc Hà tôn vào hàng "Long thành chính khí" sống mãi cùng Hoàng Diệu và Nguyễn Tri Phương đấy !...

Tôi lên hắc núi Tản Viên xem Sơn Tinh đắp thành cao chống lại Thủy Tinh, vừa xem Cao Biền, tướng nhà Đường cỡi

điều giấy bay đi thám sát địa thế Giao Châu để làm bùa yểm. Nhưng thấy Tản Viên hùng vĩ và linh thiêng quá, Cao Biền liền xé bùa đi, ngựa mặt mà than rằng : "Vượng khí và thần đất Giao Châu vẫn mạnh lắm, không thể đóng ở đây lâu !" Tôi cũng lên xứ Lạng, vào động Tam Thanh và ngắm núi Tô Thị, rồi đi xuống Chi Lăng xem tướng giặc Liễu Thăng bị chém, nhưng vua ta sau đấy vẫn cứ phải đúc người vàng hằng năm cống hiến nhà Minh. Vì thế nên mới có câu : "*Nợ quá nợ Liễu Thăng !*".

Tôi lên cả thành Hà Nội, dự trận Tây buôn Đồ - Phố - Nghĩa cùng các quân tướng Pháp trở mặt cướp thành, quan tổng đốc Hoàng Diệu đánh lại không được, phải tuấn tiết. Rồi đến trận tướng Tây Ngạc-nhe bị chém cụt đầu. Quân ta có quân Cờ đen giúp sức, nhưng tướng không lấy lại được Hà Nội thì cũng chống cự rất lâu, giặc xâm lược không dễ nuốt Bắc Hà và ăn ngon ngủ yên được trên đất nước Việt Nam, nếu triều đình Huế không chịu hàng, cứ cho lệnh các nơi đánh lại ! Rồi tôi theo Cai tổng Vàng khởi nghĩa ở phủ Lạng Giang. Cai tổng Vàng mộ quân hai ngày được một vạn ba, tung hoành nghiêng ngả cả tỉnh Bắc xuống tỉnh Đông khiến vua triều phải sai đúc đạn vàng thì mới bắn trúng, hạ được ông Cai tổng ! Và khi chúng sai lính quật mã bố ông Cai tổng Vàng thì có một con chim ra ràng bay lên, quan quân đã phải bắn chết ngay. Nếu không, chỉ ít lâu nữa huyết kết thì Cai tổng Vàng

còn phật tượng không biết đến đâu ! Cũng ở Bắc Giang, tôi vào sâu rừng Yên Thế đi với quân cụ Đề Thám và cụ Đề. Người thủ lĩnh này mặc dầu Tây báo (và có báo đăng, có ảnh chụp) rằng đã bị cắt đầu, nhưng dân vẫn cứ truyền đi : đây là đầu ông sư chùa Lèo. Tây giết ông sư này, bắt mọi người nhận là cụ Đề để làm yên dân tình, chứ cụ Đề Thám vẫn sống trong các thâm rừng, khi ở Bắc Giang, khi ở Thái Nguyên, khi ở Vĩnh Yên, khi ở Tuyên Quang... và vẫn có người của cụ Đề đi về Bắc Ninh, Phúc Yên và cả Hà Nội nữa, mưu đồ việc nghĩa !

Bà tôi còn cho tôi làm quen với nhiều người và nhiều đời sống bình thường nữa.

Tôi đã "ở" với những hiệp thợ rất giỏi, rất tài. Đây là những thợ đầu người Hà Nam, Nam Định, tục gọi là dân Nam hạ, chuyên làm đất, mỗi nhát mai và mỗi tảng đất của họ xắn ra rồi quai lên vai trông cứ ngọt sớt, nhưng nặng ghê lắm đấy ! Bữa chính của họ thường chỉ là khoai lang đồ luộc từng rổ, tôm trứng, cá bóng rang kho với muối với tương mặn rứt lươi, và những nồi cơm gạo đỏ mà mỗi bát cơm chỉ và hai miếng gọn ! Những thợ lợp nhà tranh khi đánh xong nóc, chủ nhà đưa tiền thưởng cho thì họ không nhận. Họ chỉ xin chủ nhà những đồng tiền thả từ trên nóc xuống, rơi được đồng nào, họ mới lấy đồng ấy. Cả trăm đồng thả xuống cả trăm ! Những thợ mộc thì nhất định không để các kẻ, các mộng nào lọt, dù nửa sợi tóc ché ra. Nhiều ngôi đình nổi tiếng đẹp không

phải vì vàng son, mà vì bào trơn, đóng bén, và mỗi gian là một công trình sáng tạo của một hiệp thợ với các khung chạm trổ hoàn toàn khác nhau mà vẫn đăng đối nhịp nhàng, khít sít, không ai chê chỗ nào được.

Tôi lại cùng bà tôi "về" những vũng có nhần tiến, cam tiến, vãi tiến và cả bắp cải, rau muống cũng tiến. Về những lò một chuyên nấu đường phèn và đường bánh thơm ngon và quý còn hơn cả những đường kính, đường hộp bên Tây. Về những xứ thuốc lào Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, có những người chuyên nếm thuốc, không hút mà chỉ hít là biết ngay các loại khói, gọi là những "đô hít". Về một làng mà bất kỳ con gái nào không đi gấp phân là trai làng không lấy; còn cúng thành hoàng thì nấu chè lam đóng thành từng thỏi đựng bằng giành y như giành kiểem khuôn, sơn son thiếp vàng, mà mỗi cụ tiên chỉ đến ngày vào đám cúng thần xong là được gấp ăn. Về cái chợ huyện nọ có một ông bố ba năm già mù ngồi ăn mày ở cổng chợ để kén con dâu. Và về cả vùng biển toàn những đàn bà tận tảo, thời con gái dù đẹp đến đâu nhưng khi lấy chồng rồi là cạo trọc đầu, có con rồi thì thường chỉ mặc mỗi cái yếm, đi gặt thì đánh nhau với tuần phiên, cướp lúa nhà giàu gánh về nhà mình. Lính lệ, lính cơ mang trát quan đi bắt, vâng vâng dạ dạ mời các "cậu" ăn trầu uống nước xong lừa lừa khói làng liền ẩy sắp các "cậu" xuống ao, rồi trốn đi chỉ ít lâu lại về làng...

Bà tôi còn kể chuyện các đám hội, các ngày hội. Những "Mồng tám tháng tư... chẳng về hội Gióng cũng hư mất đời" hay ra Đồ Sơn, Hải Phòng : "Dù ai buôn đâu bán đâu. Mồng mười tháng tám chọi trâu thì về !" Rồi hội Chùa Hương, hội đền Kiếp Bạc. Và các gánh chèo, gánh tuồng, múa rối leo dây, thi bơi trôi, thi vật, thi cỗ, thi thổi cơm, thi lợn, thi gà, thi chim, thi cờ, thi hát... Bà tôi tả lại từng sân đình, đường làng, từng tên ông thần bà chúa, từng ngôi đền, từng cây đa, từng quán chợ, từng thứ quà bánh, từng tên ông chùm, từng cặp đồ, từng sỏi vật, từng cô tướng, từng đôi quan họ...

Có những nhân vật làm tôi ngạc nhiên hết sức. Những ông tiến sĩ, những ông trạng cha mẹ nghèo khổ, hay mồ côi cả cha mẹ, phải đi ở chăn trâu cắt cỏ, ăn thì ăn đói, mặc thì mặc rét, mùa đông muốn học khuya phải bắt đom đóm đựng vỏ trứng làm đèn và ngồi trong thùng trấu mà xem sách. Nhiều người chỉ vừa chăn trâu vừa nghe giảng... mà ba năm sau thì học hết chữ của các ông thầy đều là tiến sĩ !

Về thuốc thì có những môn gia truyền rất lạ, ví dụ môn chữa hóc ! Có một người bị hóc xương gà, chạy chữa các nơi rồi mà không được, đã sưng hết cả mặt, nuốt chỉ một giọt nước cũng không được, nhà sắp cúng kem mua áo quan, chờ làm ma. Vậy mà gặp một ông cụ qua đường, ăn mặc rách rưới như ăn mày, nhưng gương mặt thì cứ sáng vàng vạc, vào nhà xin nước. Người nhà đã bung cả ấm chè và khay chén

mời ông cụ. Ông cụ thấy nhà nhộn nhịp mà lại âu sầu, thì nhân nhả hỏi chuyện, rồi mách có một ông bạn ở một làng bên sông chuyên chữa hốc làm phúc cho thiên hạ, cứ tìm đến đấy xin chữa. Một đoàn người nhà con bệnh tức tốc mang một khay đầy đồ lễ đến, nhưng ông cụ lang nọ nhất định không lấy một thứ gì. Ông cụ chỉ hỏi qua bệnh tình và ngày sinh tháng đẻ rồi xuống bếp lấy chiếc đĩa cá gỏi vào ông đầu rau ba cái, đoạn lên báo đoàn người cứ về nhà đi, và chỉ về đến cửa con bệnh sẽ khỏi. Khi đoàn người nhà vừa trở về đến cửa thì thấy trong nhà xôn xao, vợ con bệnh chạy òa ra khóc báo chồng mình đã... họ bật ra được chiếc xương ba ngạnh, máu mũi đã quần gần nút tịt lấy cổ !...

Còn một chuyện nữa nhưng là của tuổi thơ của bà tôi. Một hôm người nhà báo bà tôi đi mua rượu thết khách. Cẩn thận, ông anh bà tôi đã buộc từng cọc mười đồng tiền kẽm, còn quả bầu rượu thì giựt giựt thử xem dây đeo có chắc không rồi mới quàng vào vai bà tôi. Bà tôi chạy ù đến đầu ngõ tư thì dừng lại vì mấy đứa bạn gọi vào xem... đánh ba que. Bà tôi đã ngẫm nghĩ, nhưng con mụ cò mồi thấy bà tôi tay nắm mấy cọc tiền, vai quàng bầu nậm, liền chạy ra kéo ngay vào :

- Này... này... này chị đánh trước cho mà xem đây này !

Thế là nó xỏ luôn ba đồng tiền kẽm vào cái dây rồi rút lên đúng là kéo theo chiếc que. Tức khắc, thằng cầm que trả luôn ba đồng tiền khác. Lượt thứ hai, mụ ta xỏ những năm

đồng... thì cũng lại kéo đúng chiếc que lên và được thêm năm đồng...

- Đẩy ! Đẩy ! Đánh đi !... Thế nào cũng được đẩy !

Bà tôi rụt rè cởi nút, bứt bứt một cọc tiền và đánh bạo lấy ba đồng xỏ vào một đầu chỉ và rút lên. Nhưng lạ quá ! Rành rành là đầu chỉ buộc vào chiếc que và rành rành ba đồng tiền xỏ đúng qua sợi chỉ mà sao rút lại không đúng thế này ! Con mụ cò mỗi lần thích thích vào sườn bà tôi và cầm lấy cổ tay bà tôi giục : "Đánh lại ! Đánh lại ! Thế nào cũng trúng, gỡ hòa chứ sao chịu mất, chỉ và que ngon thế cơ mà !".

Không hiểu sao bà tôi đã nhìn thật kỹ, nhìn thật rõ rồi mới xỏ tiền rút chỉ, thế mà cũng lại có chỉ không ! Rồi lần thứ ba. Lần này bà tôi nhìn rất lâu, rất kỹ và xỏ hẳn những năm đồng tiền kẽm, và nhất định khi gỡ được là đi mua rượu ngay !

... Một lúc lâu, bà tôi cứ đứng ở bờ hè, ngã tư đường, trông sang hàng rượu mà khóc, lần đi đếm lại chín đồng tiền kẽm còn lại. Mỗi sau có một đứa bạn gái ở nhà bên, hơn bà tôi chỉ hai ba tuổi, chạy đến - chứ không phải là tiên hay bụt hiện lên - hỏi chuyện bà tôi và bảo bà tôi có vay tiền thì nó cho vay. Bà tôi vừa ừ thì nó bảo, lệ có vay có lãi. Bà tôi cũng ừ. Nhưng nó bảo phải trả lãi gấp.

Lãi gấp !

Lãi gấp !

Trả lãi gộp là trả thế nào ?

Bà tôi cũng lại ừ và xin trả lãi gộp, nghĩa là cứ mỗi lần bà tôi đi đâu, bất kỳ làm gì, mua bán gì, hay chơi gì cũng mặc, mà gộp nó thì phải trả nó một đồng tiền kẽm. Mấy ngày hay cả tháng không gộp thì thôi, chứ mấy lần gộp là mấy lần phải trả lãi. Dù chỉ ra khỏi nhà đi cầu tiêu hay bế cháu xi đái ngoài rãnh là cũng gộp, phải trả lãi !...

Tôi đã tức điên cả người lên khi nghe chuyện này, và tôi đã gặng mãi bà tôi phải trả như thế bao nhiêu lần, và tại sao không tích cóp, dù phải ăn bớt ăn xén chẳng nữa, để có đủ mười đồng tiền kẽm vay và một đồng tiền lãi là mười một đồng trả vào một chuyến đi cho dứt cái món nợ quái ác ? Nhưng bà tôi chỉ ngậm ngùi cho biết ngày ấy không bao giờ bà tôi được ai cho hay đi mua bán bớt xén cái gì mà có được lấy năm đồng kẽm. Và lại, có khi bòn nhặt được bảy tám đồng, chờ năm ba ngày nữa là đủ, thì lại gộp và lại gộp nhiều hơn !... Vì thế mà có những dạo bà tôi cả ngày phải chịu ở bếp, quanh quẩn trong nhà, và có ra ngoài thì cũng phải nghe ngóng rồi mới dám đi, còn hơn cả kẻ tù tội, trốn tránh !...

... Tất cả những truyện cổ tích, cũng như những chuyện về ngày xưa ấy, thời ấy, dạo ấy, tỉnh ấy, bọn ấy, người ấy, ông mày ấy, bác mày ấy, vân vân... bà tôi đã kể, tôi không thể sao nhớ hết.

Bà tôi đã khuất. Nhân kể lại mẩu chuyện vui vui cổ lỗ trên kia, tôi muốn coi mình cũng là vay nợ. Cố nhiên trong sự vay mượn này không có điều gì không tốt, không hay. Vì tôi vay của bà tôi cơ mà. Tôi đã vay một món chuyện to của bà tôi để làm vốn viết. Không thể tích cóp đủ và cũng không bao giờ tích cóp đủ, tôi đã không thể trả đủ vốn thì xin phải trả lãi vậy.

Cũng trả lãi gấp ! Và trả lãi gấp cho các bạn đọc của tôi. Đặc biệt là cho các bạn trẻ thích muốn tìm hiểu về quãng đời thơ ấu của một số nhà văn thân thiết và rất quý mến các bạn.

Bà tôi đã khuất. Tuy không được nhìn mặt người trong những phút giờ cuối cùng, và từ bấy đến nay biết bao nhiêu người, bao nhiêu việc dồn đến đời tôi, nhưng tôi thấy như bà tôi vẫn ngồi, vẫn nằm nghe tôi đọc truyện, hay kể các chuyện cho tôi nghe. Từng nét, từng vẻ mặt bà vẫn rõ ràng đầy đủ trước mắt tôi, hơn tất cả những người thân yêu nhất của đời tôi, kể cả cha tôi. Mặc dù cha tôi còn để lại hai tấm hình chụp, mà sau khi người chết, tôi đã cất cẩn thận trong cặp, cứ đến giờ ra chơi hay đến trường sớm tôi lại giờ ra trông ngắm, và tưởng tượng thêm ở những gốc cây, những bụi râm bụi vắng lặng, để sống thêm, sống kỹ lại với con người và cái hơi hướng đã làm tôi thương nhớ như cào như đốt, nhức buốt cả tâm trí. Và mặc dù tôi đã chực bên giường suốt từ

lúc cha tôi nhắm mắt, rồi tôi đã ôm lấy mặt cha tôi lắc lắc má nhìn mà khóc, cố kéo dài cái phút nhập quan.

Trong những buổi ngắm *Mười lăm* *đàng thánh giá* ở nhà thờ hay đọc kinh ngày giỗ của gia đình, tôi cũng phải học mười lăm đoạn đó, rồi cũng quên gần hết như một số bản kinh khác. Nhưng không hiểu sao, có một đoạn tôi lại rất nhớ và còn thuộc gần như trọn vẹn. Đó là *Ngắm thứ sáu*, quăng đức chúa Giê-su đang vác thánh giá thì có một người đàn bà đón gặp Chúa ở bên đường, đưa một khăn trắng cho Chúa lau mặt, lúc đó Chúa đầu đang đội những vòng gai nhọn quấn chặt, đâm thủng nát cả trán, máu chảy ròng ròng xuống cả mặt, cả má, cả cổ, cả người.

Thứ sáu thì ngắm...

Tôi khen lòng mạnh bạo của bà *Vơ-nô-ni-ca* chẳng sợ quân dữ, một mền Đức chúa Giê-su mà thấy cả và mình máu chảy ra, thì trao khăn cho Người lột mặt đi. Xin in hình tượng Đức chúa Giê-su vào lòng tôi, như in vào khăn bà *Vơ-nô-ri-ca* cho tôi được lòng mền Đức chúa Giê-su cho trọn.

Trong cả lòng tôi cùng tâm trí tôi, hình tượng bà tôi đã in vào cũng như hình tượng Đức chúa Giê-su in vào khăn bà *Vơ-nô-ri-ca*. Không đội mào gai, bà tôi đội một khăn vấn lẫn gọn. Mái tóc bạc gần hết, đường ngôi rất thẳng, có những sợi bông bông trên trán và trùm cả xuống cổ và đôi tai to xệ như

tai phật. Mặt bà tôi không rõ máu, nhưng với những chấm tàn hương trên làn da đồi mồi ấy, tôi thấy như là những giọt máu hay những vết thương bị đâm bị xia đã khô sẹo từ lâu. Sống hơn tám mươi năm, lấy chồng từ năm mười sáu tuổi, mười tám lần sinh nở, hết ở nhà hầu hạ anh ruột thì đi làm dâu hầu hạ chồng con, rồi hấp hối trong một gia đình đã đổ bao nhiêu mồ hôi nước mắt, một thân một mình vun thu hàn gắn mới gây dựng nên, nhưng đến lúc cuối cùng thì là cùng kiệt tan nát. Khuôn mặt bà tôi và bao nhiêu khuôn mặt của những con người đau khổ khác lồng vào bộ mặt một xã hội mà tôi càng phải suy nghĩ, càng phải so sánh rồi kết luận, thì càng thấy rõ những sự bất công tàn ác, những sự xấu xa, thối nát, của một lớp người giàu sang quyền quý, được coi là mẫu mực, ngự trị mãi mãi, tưởng như không bao giờ thay đổi ?

Tôi không có ý và cũng không muốn ví bà tôi hay những người bị áp bức bóc lột ngày đó là Đức chúa Giê-su. Vì tôi đã thấy trong đám người cùng khổ mà tôi quen biết, nhiều người phải chịu nhiều cảnh tủi nhục, oan ức, tàn bạo, còn hơn cả chúa Giê-su. Và họ không chỉ đi có một "quãng đường chịu nạn" mà hàng trăm quãng đường và cả một đời người chịu nạn. Cũng như không phải chỉ có một thứ quân dũ vác đòn, vác gươm, vác roi theo đánh họ cùng đường và cuối cùng đóng đinh họ trên cây cầu rút, mà còn cả những thứ quân dũ ăn mặc rất phong nhã, mặt mày rất đạo đức, nói năng rất ngọt

ngào, lời lẽ cứ chỉ rất hiền từ, nhưng mà chứa là ắc vô cùng. Chính những kẻ này vừa nhón nhờ vừa phè phỡn, và vừa đôi phút làm ra vẻ nhần nhó xót thương trước không biết bao nhiêu con người bị chúng đóng đánh, suốt từ phút lọt lòng mẹ cho đến lúc chết rũ trên cây câu rút của nghèo đói và tối tăm.

Nhưng cũng không phải chỉ có những câu rút và những hình tượng đau thương đã in vào cái làn trắng tinh khôi của cả lòng tôi, tâm trí tôi !

Còn có những gương mặt vằng vặc rực rỡ của Chung thủy, Nhân hậu, Công bằng, Chính nghĩa, Chiến đấu, Chiến thắng và Hạnh phúc nữa. Với những cô Tấm, Nhị Khanh, Cúc Hoa, Lục Văn Tiên, Thạch Sanh và biết bao nhiêu hình ảnh và tên tuổi đã thành thơ, thành cổ tích mà bà tôi ngâm nga và kể chuyện cho tôi nghe. Bên cạnh đó lại còn những anh hùng, danh tướng những công thần chống giặc giúp nước và những liệt sĩ những chiến sĩ cách mạng mà tôi được học, được đọc trong sử sách, báo chí thuở ấu thơ, càng ngày càng đắm thắm, càng chói lọi. Đến tận giờ đây và mãi mãi tôi sẽ mang theo vào đời viết văn lòng tin yêu vô cùng đó ở sự sống và tương lai.

Lần thứ hai tôi ra Hải Phòng là lần bỏ hẳn quê hương Nam Định, thật sự tìm đường sinh sống. Đúng vào đầu kỳ khai trường và những ngày đầu thu nắng đẹp. Nhưng tất cả những quang cảnh thân yêu, thân thuộc ấy chỉ càng làm tôi xót xa.

Gian nhà tôi thuê ở giữa xóm Cấm, ngay dưới chân một góc chuồng nhá thờ. Sáng, trưa, chiều, tối, khuya, những hồi chuông nối tiếp nhau khua vang cả cái khu lao động nghèo khổ lắm than, gồm phần đông là thợ máy tơ, phu khuân vác cảng Sáu Kho, thợ sắt, thợ điện thợ linh tinh, kéo xe, phu hồ trên phố và những người buôn thúng bán bưng... Cũng không thể tìm ra việc làm, cũng không thể nhờ cậy vay mượn ai một thứ gì để lần hồi được nữa, tất cả những nhà máy xi măng, máy tơ, cốt phát, máy gạch, sở dầu, bến cảng Sáu Kho, hiệu buôn Đét-cua-ca-bô, Sáp-phăng-giông, Lợi Thành, Lợi Ký v. v... mà tôi chầu chực nghe ngóng hàng tháng hàng tháng kia đã hoàn toàn lạnh lùng và khắc nghiệt đối với tôi, nghĩa là tôi càng đói, cơ hồ gần như tuyệt vọng, thì tôi lại càng nghĩ đến những ngày cuối cùng bà tôi sống với tôi. Tôi đã thức giấc giữa những đêm khuya và những tiếng lẩm thảm rên rĩ của bà tôi trong màn và tôi phải nằm yên mà nghe cho đến lúc hết. Và dù hết đã rất lâu rồi, bà tôi nằm xuống rồi, mà tôi vẫn thấy những tiếng đó ong ong bên tai : *"Lạy chúa tôi. Tôi ở dưới vực sâu kêu lên Chúa tôi. Xin Chúa tôi thẩm nhận lời tôi kêu van... hãy lắng nghe tiếng tôi cầu xin..."*

Không ! Không phải đâu bà ơi ! Cuộc đời này cũng như sự sống này hay cả thế gian này không phải là một vực sâu đâu ! Hay nếu có một vực sâu, thì đấy là sự mê muội tối tăm mà các thứ giáo lý giáo điều của tôn giáo đã tạo nên và

chính nó lại đìm con người ta xuống. Hay nếu như có một vực sâu của tội lỗi, của sa đọa, của hư hỏng, chết chóc, thì chính là ở cái chế độ xã hội bóc lột và áp bức, dưới sự thống trị của một bọn nhà giàu nắm mọi quyền hành mà sinh ra. Bởi vậy những ai bị đẩy xuống thì phải bằng mọi cách vùng lên vượt ra, rồi đi tìm một mặt đất, một bầu trời khác thênh thang, tươi sáng mà sống. Chứ quì lạy kêu van thì làm sao mà thoát được ?! Và ai đòi lại đi kêu van, cầu xin một thứ "giời ơi đất hỡi" như thế ?! Và cũng ai đòi lại phải quì lạy một sức độc ác vô hình, vô tri, vô giác, chính nó đã tù đày, phá hoại đời mình ?!

Những đêm đi qua nhà thờ hay những gia đình hàng xóm, nghe đọc đoạn kinh Vực sâu, tôi lại nhớ đến bà tôi và càng thấm thía với những ý nghĩ và sự suy luận trên đây. Tôi lại càng thấy, mặc dầu túng đói, khổ cực khó khăn, chật chội và cùng kiệt đến thế nào, tôi cũng không được thua hoàn cảnh, không chịu ngã sấp dưới hoàn cảnh, hay bị chúi gục xuống cái "vực" của xã hội bấy giờ !

Nghĩa là tôi phải có một công việc để những năng lực quý báu nhất của tôi được sử dụng và nảy nở. Một công việc để tôi được thể hiện những tình thương yêu tươi đẹp nhất, mạnh mẽ nhất của tâm hồn tôi. Một công việc để tôi sống với cái lý tưởng mà tôi thấy rằng cao quý. Một công việc để tôi chống lại những điều mà tôi thấy càng bất công, xấu xa

và độc ác. Một công việc để tôi được gần gũi hơn, được nhập vào những con người, những lớp người đông đảo lao động chịu thương chịu khó ở chung quanh tôi. Một công việc để tôi được giới thiệu mình đang sống và sống có ích, tự trọng và tự hào.

Tôi lại càng nhớ đến một câu chuyện cũ về cảnh nghèo, cảnh đói, sức lệp thân và cũng là của một học trò, bà tôi đã kể :

"Có một người con gái nọ đã phải suy nghĩ về một anh học trò ở cạnh nhà mình. Vì cứ đến quá trưa thì anh lại bẽn lẽn nói qua bờ rào mượn cô gái cái nồi thổi cơm của nhà cô. Hai lần, ba lần, năm buổi rồi sáu buổi. Cô ta lấy làm lạ nhưng cũng đánh bạo hỏi, thì chàng học trò bảo mượn nồi để nấu nước uống... Cô ta càng sinh nghi, bèn rình xem anh nấu nước gì và uống ra sao, thì thấy anh đưa nồi về chẳng rửa gì cả, mà đem giấu ngay vào trong bếp và đổ có hai gáo nước. Anh nấu sủi kỹ thì múc "nước" ra bát, cho muối, lấy đũa khuấy mà... uống !... Hàng tháng không thấy anh ăn cơm mà chỉ ngày ngày có bữa "cháo" như thế !

Hiểu ra khúc nhôi sự tình, người con gái nhà cũng nghèo nọ, từ bữa hôm sau, lúc ngồi đầu nồi xới cơm cho gia đình cứ lừa lừa để lại, trước còn một môi cơm, sau nửa bát cơm, sau cả một bát cơm... Anh học trò mấy năm sau thi đỗ thủ khoa, và cô gái hằng ngày cho anh mượn nồi nấu nước uống ấy thì. .."

*

*

*

Tôi quyết viết văn và quyết thành người cũng vì để khỏi
xấu hổ với anh học trò cổ tích ấy.

Tôi quyết viết văn và quyết thành người cũng vì để khỏi
xấu hổ với cả cô con gái cổ tích ấy.

Tôi viết nên cũng vì có bà tôi !

HÈ 1972



MỤC LỤC

	Trang
<u>Chương I</u> : Những tiểu thuyết, những nhân vật và những người bạn ghi nhớ trong tuổi thơ	7
<u>Chương II</u> : Sử ký địa dư giáo khoa thư và những lịch sử tiểu thuyết	40
<u>Chương III</u> : Những tiếng hát và những đào kép đầu đường	63
<u>Chương IV</u> : Những con đường đến trường học	85
<u>Chương V</u> : Những bài thơ tập đọc và học thuộc lòng	114
<u>Chương VI</u> : Máy năm cuối cùng ra trường	143
<u>Chương VII</u> : Bà tôi	168

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

62 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI. FAX: 8229085. ĐT: 8264730-8255831

TRUNG TÂM P.H.S MIỀN TRUNG

17-19 YÊN BÁI-TP ĐÀ NẴNG.FAX:821246.ĐT:821246-820252

CHI NHÁNH NXB KIM ĐỒNG

268 NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU-TP. HỒ CHÍ MINH.FAX:8231867.ĐT:8291832

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN THẮNG VU

Biên tập:

LÊ PHƯƠNG LIÊN

Trình bày:

PHẠM QUANG VINH

Sửa bài:

HƯỜNG LÝ

Kỹ thuật vi tính:

LÊ VĂN TUẤN

In 3.500 bản-Khổ 10,2x15,2-Tại CÔNG TY IN KHKT
Số XB: 110/KĐA-118/KH-75/CXB cấp ngày 11/1/97
Mã số ĐV1 -In xong và nộp lưu chiểu tháng 6/1997



Nhà văn,
NGUYỄN HỒNG
(1918-1982)

*Tôi quyết viết văn
và quyết thành người
cũng vì để khỏi xấu
hổ với anh học trò cố
tích ấy.*

*Tôi quyết viết văn
và quyết thành người
cũng vì để khỏi xấu
hổ với cả cô con gái
cố tích ấy.*

*Tôi viết nên cũng vì
có bà tôi !*

NGUYỄN HỒNG
Một tuổi thơ văn

TÁC PHẨM CHỌN LỌC



DÀNH CHO THIẾU NHI

GIÁ: 3000Đ